3 **LƯU Ý**

9 **KHU VỰC KHOANG LÁI**

17 **ĐIỀU KHIỂN**

18 Mở và đóng
31 Điều chỉnh
44 Đảm bảo an toàn cho trẻ trên xe
56 Lái xe
71 Màn hình
77 Máy tính tích hợp trên xe
81 Đèn
85 An toàn
90 Hệ thống kiểm soát ổn định lái
94 Chế độ lái Comfort (thoải mái)
105 Hệ thống điều khiển điều hòa không khí tự động
115 Trang bị trong xe
121 Khoang chứa đồ

129 **KỸ NĂNG LÁI XE**

130 Những điều cần ghi nhớ khi lái xe
135 Tải trọng
140 Tiết kiệm nhiên liệu

143 **HOẠT ĐỘNG**

144 Nạp nhiên liệu
146 Nhiên liệu
148 Vành và lốp xe
154 Khoang động cơ
157 Dầu động cơ
160 Dung dịch làm mát
162 Bảo dưỡng
166 Thay thế phụ tùng
177 Hỗ trợ trong trường hợp gặp sự cố
183 Chăm sóc xe

189 **THAM KHẢO**

190 Thông số kỹ thuật

195 **SỔ TAY NGƯỜI SỬ DỤNG**

LUX SA2.0

LUX SA2.0: Hướng dẫn sử dụng xe

Cám ơn quý khách đã lựa chọn sản phẩm của Vinfast.

Để điều khiển xe hiệu quả, chúng tôi khuyến nghị quý khách đọc kỹ tài liệu hướng dẫn sử dụng này và hướng dẫn điện tử tích hợp trên xe trước khi lái, các tài liệu này bao gồm thông tin quan trọng về việc vận hành xe, giúp bạn tận dụng được đầy đủ các tính năng có trên xe. Ngoài ra, tài liệu cung cấp thêm các thông tin giúp quý khách lái xe an toàn và duy trì giá trị của xe.

Bạn cũng có thể tìm thấy thông tin bổ sung trên các ấn phẩm khác tích hợp trên xe.

Chúc quý khách có trải nghiệm lái xe an toàn và vui vẻ.

Sử dụng tài liệu Hướng dẫn sử dụng này

Hướng dẫn

Sử dụng mục lục để có thể nhanh chóng tra cứu thông tin về một chủ đề cụ thể nào đó.

Tổng quan về xe sẽ được trình bày trong chương đầu tiên.

Thông tin cập nhật sau thời hạn xuất bản

Tất cả các thông số kỹ thuật được cung cấp trong cuốn hướng dẫn này là mới nhất tại thời điểm ấn hành. Tuy nhiên, do chính sách cải tiến liên tục của sản phẩm, chúng tôi giữ quyền thay đổi vào bất cứ lúc nào mà không cần báo trước.

Tùy thuộc vào thông số kỹ thuật chiếc xe được sử dụng trong hình minh họa có thể sẽ không giống với xe của bạn.

Nguồn thông tin bổ sung

Vui lòng liên hệ Nhà phân phối để được giải đáp các thắc mắc về sản phẩm. Các thông tin về sản phẩm của Vinfast như về công nghệ... đều có sẵn trên Internet.

Các biểu tượng trong Hướng dẫn sử dụng

⚠	Mô tả các cảnh báo cần phải được tuân thủ một cách chính xác để tránh bị thương hoặc hư hỏng nghiêm trọng cho xe.

◀ Đánh dấu kết thúc 1 mục thông tin cụ thể.

"..." Cho biết thông tin trên Màn hình điều khiển được sử dụng để lựa chọn các tính năng riêng biệt.

›...‹ Chỉ dẫn bằng lời nói khi sử dụng hệ thống kích hoạt bằng giọng nói.

››...‹‹ Cho biết câu trả lời từ hệ thống kích hoạt bằng giọng nói.

♻ Các biện pháp có thể áp dụng để bảo vệ môi trường.

Các biểu tượng trên các bộ phận của xe

📖 Gợi ý bạn nên tham khảo mục có liên quan của Sách hướng dẫn sử dụng này để tìm thông tin về phụ tùng hoặc cụm phụ tùng cụ thể nào đó.

Thiết bị xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia v.v mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn trên xe. Điều này cũng được

áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Vui lòng tham khảo các tài liệu hướng dẫn sử dụng bổ sung để biết thêm thông tin về các tùy chọn và thiết bị không được mô tả trong sách này.

Tình trạng tài liệu Hướng dẫn sử dụng

Thông tin cơ bản

Nhằm mang lại tiêu chuẩn chất lượng và an toàn cao nhất cho xe của bạn, nhà sản xuất luôn không ngừng cải tiến, phát triển sản phẩm. Do đó, trong số rất ít trường hợp, các tính năng được mô tả trong Hướng dẫn sử dụng này có thể khác với tính năng trong xe của bạn.

Vì sự an toàn của chính bạn

Bảo hành

Sản phẩm được thiết kế đảm bảo đáp ứng được các điều kiện vận hành và các yêu cầu đăng kí được áp dụng tại quốc gia bán hàng. Nếu sử dụng xe tại quốc gia khác, có thể cần phải điều chỉnh lại xe để thích nghi với các điều kiện hoạt động và các yêu cầu cấp phép khác. Nếu xe của bạn không tuân thủ theo các yêu cầu ở một quốc gia nhất định nào đó, bạn có thể không được bảo hành xe tại đó. Liên hệ với nhà phân phối để biết thêm thông tin.

Bảo dưỡng và sửa chữa

Công nghệ tiên tiến như vật tư hiện đại và các linh kiện điện tử chất lượng cao yêu cầu cần phải có phương pháp bảo dưỡng và sửa chữa phù hợp.

Do đó, hãy để đội ngũ kỹ thuật viên lành nghề tại nhà phân phối của Vinfast thực hiện công việc này.

Không thực hiện theo đúng hướng dẫn có nguy cơ gây hỏng hóc và các rủi ro liên quan đến an toàn.

Phụ tùng và phụ kiện

Vinfast khuyến nghị khách hàng nên sử dụng các phụ tùng và phụ kiện chính hãng Vinfast.

Nhà phân phối là địa chỉ tin cậy để quý khách chọn lựa phụ tùng, phụ kiện chính hãng và các sản phẩm khác được Vinfast phê duyệt, đồng thời là địa chỉ tư vấn tin cậy của quý khách.

Các phụ tùng và phụ kiện đã được Vinfast thử nghiệm về tính phù hợp và độ an toàn khi được trang bị trên xe. Vinfast hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các phụ tùng, phụ kiện chính hãng của Vinfast nhưng không chịu trách nhiệm đối với sản phẩm không được phân phối bởi Vinfast.

Vinfast không thể đánh giá tính phù hợp, độ an toàn của phụ tùng, phụ kiện không chính hãng trên xe của Vinfast. Tùy theo chính sách của từng quốc gia, chúng

tôi cũng không thể đảm bảo được việc đánh giá này. Việc kiểm định các sản phẩm này có thể không bao hàm đầy đủ các điều kiện vận hành trên xe của Vinfast. Các sản phẩm này có thể không đạt tiêu chuẩn chất lượng khắt khe của Vinfast.

Dịch vụ và bảo hành

Chúng tôi khuyên bạn nên đọc kĩ tài liệu này. Xe của bạn sẽ được hưởng các chế độ bảo hành dưới đây:

- Bảo hành giới hạn dành cho xe mới.
- Bảo hành phụ tùng.
- Bảo hành đặc biệt (áp dụng cho ắc quy, lốp và gỉ sét).

Thông tin chi tiết về các điều khoản bảo hành này được mô tả trong Sổ Bảo Hành ô tô.

Nhằm giúp bạn có những trải nghiệm lái xe thoải mái, chiếc xe này được thiết kế phù hợp với các điều kiện hoạt động và đáp ứng các yêu cầu tại quốc gia và vùng lãnh thổ của bạn. Nếu muốn vận hành xe tại một quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác, bạn có thể sẽ cần phải điều chỉnh xe cho phù hợp với các điều kiện và yêu cầu vận hành tại nơi đó. Bạn cũng nên hiểu rõ được những hạn chế về chế độ bảo hành được áp dụng hoặc những ngoại lệ đối với quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó. Vui lòng liên hệ bộ phận Chăm sóc khách hàng để biết thêm thông tin.

Bảo dưỡng

Thường xuyên bảo dưỡng và kiểm tra định kì xe để đảm bảo tính ổn định và an toàn của xe.

Xe không được bảo dưỡng theo lịch bảo dưỡng định kỳ của nhà sản xuất có thể gây nên các hư hỏng nghiêm trọng. Các hư hỏng đó sẽ không được bảo hành theo quy định trong điều khoản Bảo hành.

Bộ nhớ dữ liệu

Rất nhiều bộ phận điện tử trên xe được trang bị bộ nhớ dữ liệu có thể lưu trữ tạm thời hoặc vĩnh viễn: các thông tin kỹ thuật về điều kiện xe, các dữ liệu sự kiện và lỗi gặp phải. Các thông tin kỹ thuật thông thường là các dữ liệu về tình trạng của các bộ phận, hệ thống hoặc môi trường:

- Tình trạng vận hành của các bộ phận hệ thống, ví dụ như mức nhiên liệu.
- Các thông báo tình trạng từ xe và các bộ phận như tốc độ quay của bánh xe/ tốc độ xe, giảm tốc, tăng tốc.
- Lỗi chức năng hoặc lỗi của các bộ phận quan trọng như đèn, phanh v.v.
- Phản ứng của xe đối với các tình huống đặc biệt như mở túi khí, kích hoạt hệ thống kiểm soát ổn định lái.

Lưu ý

▸ Điều kiện xung quanh như nhiệt độ.

Dữ liệu này về bản chất chính là thông số được sử dụng để phát hiện, sửa chữa lỗi và tối ưu hóa các chức năng của xe. Dữ liệu hành trình của xe trên các tuyến đường không có trong dữ liệu này. Khi tiến hành kiểm tra, chẩn đoán, sửa chữa,... kĩ thuật viên có thể truy xuất từ bộ nhớ các thông số kĩ thuật và xác định mã lỗi dựa trên thiết bị chẩn đoán chuyên dụng. Bạn có thể biết thêm thông tin tại đó nếu cần. Sau khi lỗi được sửa, thông tin về lỗi trong bộ nhớ sẽ được xóa hoặc được viết đè lên liên tục. Trong quá trình sử dụng xe, một số trường hợp thông tin này có thể được đính kèm cùng với thông tin cá nhân trong trường hợp xảy ra tai nạn, xe hư hỏng nặng – Liên hệ với chuyên gia để hiểu rõ hơn.

Các chức năng bổ sung theo hợp đồng với khách hàng, như xác định vị trí xe trong tình trạng khẩn cấp, cần sử dụng một số dữ liệu nhất định từ xe.

LUX SA2.0

LUX SA2.0

Khu vực khoang lái

Chương này mang đến cho bạn cái nhìn tổng quan về các nút bấm, công tắc và màn hình hiển thị trên xe. Ngoài ra, bạn cũng sẽ nắm được thông tin về các tùy chọn và chức năng điều khiển trên xe.

Khu vực khoang lái

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Vô lăng

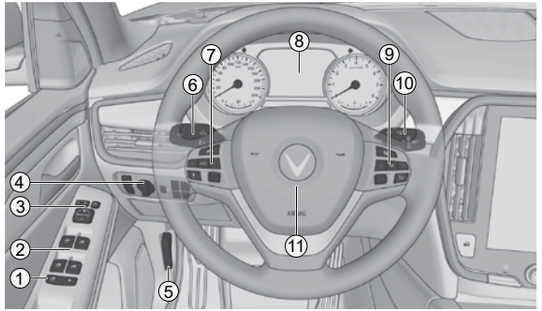

①	Công tắc an toàn cửa kính sau ➔*T.30*
②	Công tắc cửa sổ điện ➔*T.29*
③	Vận hành gương chiếu hậu bên ngoài ➔*T.41*
④	Điều khiển chiếu sáng ➔*T.81*
⑤	Mở nắp ca pô
⑥	Cần gạt bên trái
	Đèn báo rẽ và đèn báo chuyển làn ➔*T.63*
	Đèn pha, nháy đèn pha ➔*T.83*
	Hiển thị trong màn hình thông tin ➔*T.77*
	Đèn báo đỗ xe bên đường ➔*T.83*
⑦	Cụm nút bấm trên vô lăng, bên trái
	Điện thoại
	Núm điều chỉnh âm lượng lên/xuống Tắt âm: Ấn núm điều chỉnh
	SOURCE — Nguồn giải trí

	Trước/tiếp theo
	Điều khiển giọng nói
⑧	Cụm đồng hồ ➔*T.71*
⑨	Cụm nút bấm trên vô lăng, bên phải
	Bật/tắt hệ thống kiểm soát hành trình
	SET — Giữ tốc độ bằng cách đẩy núm điều chỉnh xuống
	RES — Lấy lại tốc độ bằng cách đẩy núm điều chỉnh lên
	Tăng/giảm tốc độ bằng cách đẩy núm điều chỉnh lên/xuống
	OK — Kiểm soát màn hình cụm đồng hồ
	Trở lại
⑩	Cần gạt, bên phải
	Cần gạt nước kính chắn gió ➔*T.64*
	Cảm biến mưa ➔*T.65*
	Rửa kính chắn gió ➔*T.65*
	REAR — Cần gạt nước cửa kính sau ➔*T.66*
	Rửa kính sau
⑪	Còi

LUX SA2.0
Khu vực khoang lái

Hệ thống điều khiển chiếu sáng

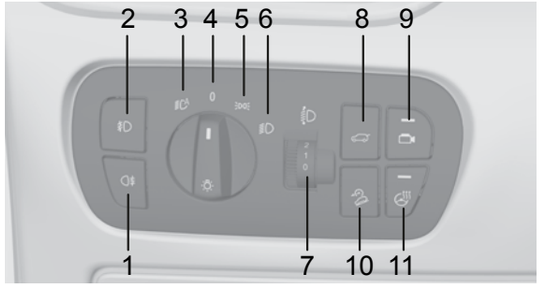

①		Bật đèn sương mù phía sau
②		Bật đèn sương mù phía trước
③		Bật / Tắt đèn cốt tự động ➔*T.82*
④	0	Tắt đèn
⑤		Bật đèn báo đỗ xe
⑥		Bật đèn cốt
⑦		Điều chỉnh phạm vi chiếu sáng của đèn pha
⑧		Mở cửa hậu
⑨		Camera toàn cảnh
⑩		HDC Hệ thống hỗ trợ xuống dốc
⑪		Sưởi vô lăng (tính năng này chỉ áp dụng cho một số thị trường)

Khu vực trung tâm

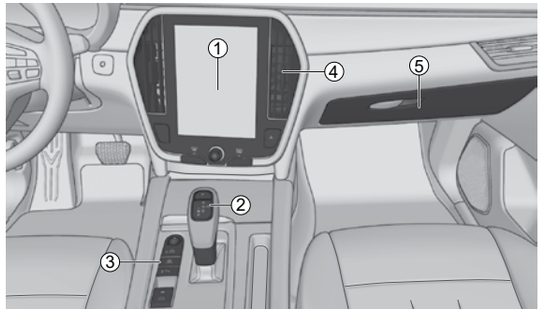

①		Màn hình điều khiển - Radio/CD/Đa phương tiện
②		Cần số
③		Các phím chức năng:
		Công tắc động cơ (Engine Start/ Stop)
		Chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động
		PDC- Hệ thống hỗ trợ đỗ xe ➔*T.96*
		TC- Chế độ ưu tiên lực kéo
		Phanh tay ➔*T.61*
④		Cửa gió
⑤		Hộp đựng găng tay

LUX SA2.0
Khu vực khoang lái

Khu vực khoang lái

Khu vực trần xe

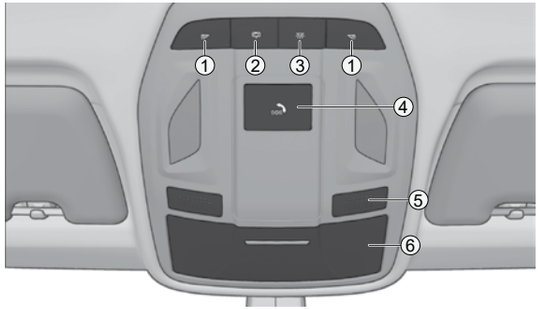

①		BẬT/TẮT đèn đọc sách trái hoặc phải
②		BẬT/TẮT chức năng đèn sáng tự động (liên kết với cửa xe)
③		BẬT/TẮT đèn nội thất
④	SOS	SOS-Nút khẩn cấp (Tính năng này có thể không áp dụng cho một số thị trường.)
⑤	Microphone	
⑥	Hộp để kính	

LUX SA2.0

LUX SA2.0

Điều khiển

Chương này cung cấp cho bạn thông tin về các nút điều khiển trên xe. Đồng thời mô tả thêm các tính năng, phụ kiện giúp bạn có được trải nghiệm lái xe an toàn, thoải mái và hiệu quả.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Chìa khóa điều khiển từ xa

Thông tin chung

Chiếc xe này được trang bị 2 chìa khóa điều khiển từ xa tích hợp chìa khóa cơ.

Pin bên trong chìa khóa điều khiển từ xa có thể thay thế.

Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa

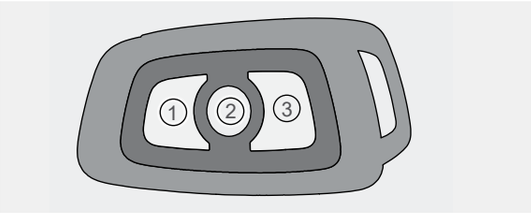

① Mở khóa

② Khóa

③ Mở cửa hậu

Chìa khóa cơ tích hợp

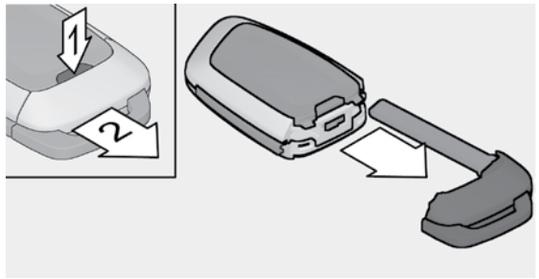

Nhấn theo hướng mũi tên số 1 và kéo chìa khóa cơ ra theo hướng số 2. Chìa khóa cơ tích hợp được sử dụng để mở/ khóa:

- Cửa bên lái.

Thay pin

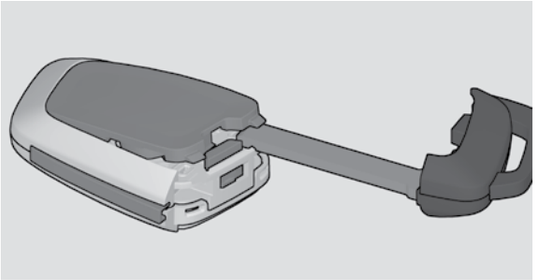

1. Lấy chìa khóa cơ tích hợp ra khỏi chìa khóa điều khiển từ xa.
2. Dùng chìa khóa để bật 2 ngàm trên nắp.
3. Tháo nắp khoang chứa pin.
4. Lắp pin cùng loại với cực dương hướng lên trên
5. Đóng nắp lại

♲ Mang pin qua đã sử dụng đến trung tâm tái chế hoặc Nhà phân phối.

Chìa khóa điều khiển từ xa mới

Chìa khóa điều khiển từ xa mới được cung cấp bởi Nhà phân phối.

Mất chìa khóa điều khiển từ xa

Nhà phân phối có thể xóa kết nối giữa chiếc chìa khóa điều khiển từ xa bị mất với xe.

Hệ thống khóa trung tâm

Khái niệm

Hệ thống khóa trung tâm sẽ hoạt động khi đóng cửa bên lái.

Hệ thống cùng lúc khóa và mở khóa các khóa ở:

- Cửa lên xuống xe và nắp bình nhiên liệu.
- Cửa hậu.

Điều khiển từ bên ngoài

- Thông qua chìa khóa điều khiển từ xa.
- Thông qua tay nắm cửa.
- Cửa hậu được mở thông qua nút bấm bên ngoài

Những hệ thống sau đây sẽ hoạt động đồng thời khi khóa/mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa:

- Tùy theo trang bị của xe, thiết bị chống trộm sẽ được kích hoạt/vô hiệu hóa. Hệ thống trống trộm sẽ được kích hoạt thông qua nút khóa cửa.
- Các đèn báo, đèn nội thất và đèn trần được bật và tắt
- Hệ thống báo động ➔*T.27*, được kích hoạt hoặc tắt.

Điều khiển từ bên trong

Ấn nút. Xe được mở khóa.

Ấn nút. Xe được khóa lại.

Nắp bình nhiên liệu được khóa/mở khóa đồng thời với cửa xe.

Nếu xảy ra tai nạn nghiêm trọng, hệ thống khóa trung tâm sẽ tự động mở khóa. Hệ thống cảnh báo nguy hiểm và các đèn nội thất bật sáng.

Mở và đóng: từ bên ngoài

Sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa

■ **Thông tin chung**

Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa
Người hoặc vật nuôi ở lại trên xe không có người trông nom có thể vô ý khóa cửa xe từ bên trong.

Luôn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa khi rời khỏi xe để có thể mở khóa xe từ bên ngoài.◂

Mở khóa

Ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.
Xe được mở khóa.
Các đèn báo, đèn nội thất và đèn trần được bật lên.

Bạn có thể cài đặt cách mở khóa xe. Xem ➔*T.200* để thực hiện cài đặt.

■ **Thuận tiện khi mở khóa**

Dùng chìa khóa điều khiển từ xa để mở các cửa kính sau khi đã mở khóa.

Ấn và giữ nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.
Các cửa kính mở. Nhả nút để ngừng chuyển động.

Khóa

Ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.

Khóa từ bên ngoài.
Không nên khóa xe từ bên ngoài nếu trong xe có người, làm vậy người ngồi trong xe có thể không mở được cửa xe nếu không được trang bị đầy đủ các kiến thức cơ bản.

Hệ thống báo động được kích hoạt

Bật đèn nội thất và đèn trang trí táp-pi cửa

Ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa một lần nữa khi xe đã khóa.

Nếu ấn nút trên chìa khóa một lần nữa trong vòng 10 giây sau khi xe đã được khóa, hệ thống báo động tắt. Chờ ít nhất 10 giây sau khi đã khóa xe để bật đèn nội thất và đèn trang trí táp-pi cửa. ◂

Mở cửa hậu

Ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa trong khoảng 1 giây.

Cửa hậu tự động mở, bất kể nó đang khóa hay đã được mở trước đó. Trong khi mở, cửa hậu xoay và mở theo hướng lên trên, do đó đảm bảo rằng có đủ khoảng trống sau xe trước khi mở.

Chỉ có thể mở khóa của hậu trong trường hợp xe đang khóa và chìa khóa điều khiển từ xa ở gần đó.

Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý phía sau.
Cửa hậu sẽ tự động mở khóa khi phát hiện chìa khóa điều khiển từ xa trong xe. ◂

Bảo vệ kính sau
Các vật sắc hoặc góc cạnh có thể va vào cửa kính sau trong khi lái xe và làm hỏng hệ thống điện của cửa kính sau. Bảo vệ kính sau.◂

Lỗi

Nếu không thể dùng chìa khóa điều khiển từ xa để khóa hoặc mở khóa xe, nguyên nhân có thể do pin đã hết hoặc có nguồn cản trở sóng từ bên ngoài như điện thoại di động, đồ vật bằng kim loại, đường dây điện trên cao, tháp truyền tải điện...

Trong trường hợp này, hãy dùng chìa khóa cơ tích hợp để khóa hoặc mở khóa cửa bên lái.

Không được thay đổi hoặc điều chỉnh chìa khóa điều khiển từ xa, nếu không có thể làm hỏng thiết bị.

Sử dụng khóa cửa

Thông tin chung

Khóa từ bên ngoài
Không nên khóa xe từ bên ngoài nếu trong xe có người, làm vậy người ngồi trong xe có thể không mở được cửa xe nếu không được trang bị đầy đủ các kiến thức cơ bản.

Hệ thống báo động kích hoạt khi cửa xe được mở thông qua ổ khóa.

Để tắt chế độ báo động, hãy mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc bật khóa điện, nếu cần thiết, sử dụng chế độ tìm khẩn cấp trên chìa khóa điều khiển từ xa.

Mở/Khóa xe thông qua ổ khóa trên cửa lái.

Khóa các cửa và cửa hậu cùng lúc

Để khóa tất cả các cửa và cửa hậu cùng lúc:

1. Khi các cửa đóng, khóa xe bằng nút khóa trên hệ thống khóa trung tâm ở trong xe.
2. Mở khóa và mở cửa bên lái hoặc cửa phụ trước.
3. Khóa xe.

▸ Khóa cửa bên lái bằng chìa khóa tích hợp trong khóa cửa.

Nắp bình nhiên liệu được khóa thông qua nút khóa trên hệ thống khóa trung tâm hoặc thông qua chìa khóa điều khiển từ xa.

Tháo chìa khóa cơ tích hợp

Nhấn theo hướng mũi tên số 1 và kéo chìa khóa cơ ra theo hướng số 2

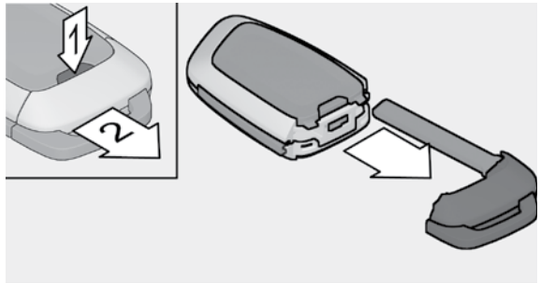

Dùng chìa khóa để tháo nắp che trên tay mở cửa và thực hiện khóa hoặc mở khóa cửa như minh họa dưới đây.

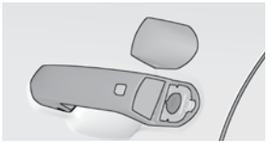

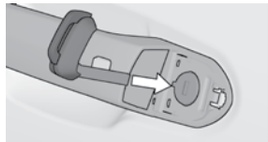

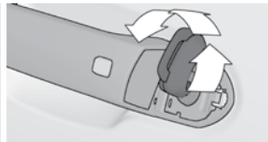

Khóa hoặc mở khóa xe bằng chìa khóa cơ tích hợp.

Đối với một số phiên bản trang bị xe, chỉ có thể mở khóa hoặc khóa tại cửa bên lái. Trong trường hợp này, phải mở khóa hoặc khóa các cửa khác từ bên trong.

Mở và đóng: từ bên trong

Khóa và mở khóa

Ấn nút. Xe được khóa.

Ấn nút. Xe được mở khóa

Nhấn nút để khóa hoặc mở khóa đồng thời các cửa và cửa hậu.

Nắp bình nhiêu liệu được khóa và mở khóa đồng thời cùng với các cửa.

Mở khóa và mở cửa

▸ Mở khóa các cửa cùng lúc bằng nút trên hệ thống khóa trung tâm, sau đó kéo tay mở cửa trên tựa tay hoặc
▸ Kéo tay mở cửa trên cửa muốn mở. Các cửa khác vẫn khóa.

Để mở riêng cửa sau, kéo hai lần tay mở cửa: lần đầu để mở khóa, lần thứ 2 để mở cửa xe.

Nguy cơ bị kẹp
Đảm bảo khoảng không bên cửa thông thoáng, nếu không có thể gây thương tích.◂

Kích hoạt phanh tay

Khi mở cửa bên lái, phanh tay được cài tự động để xe không di chuyển.

Cửa hậu

Đóng/Mở cửa hậu tự động

■ **Mở**

Cửa hậu mở cho đến khi đạt độ cao cài đặt.

Lưu ý độ cao mở cửa hậu.
Cửa hậu xoay ra và bật lên khi mở. Đảm bảo có đủ khoảng trống phía sau xe, nếu không có thể gây hỏng hóc.

Điều chỉnh độ cao mở cửa hậu theo tình hình thực tế.◂

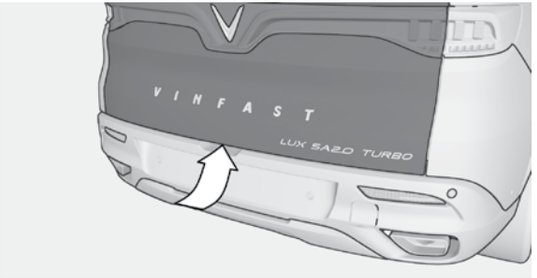

Ấn nút bên ngoài cửa hậu.

Ấn nút trên cụm công tắc điều khiển.

Cửa hậu được mở khi xe đứng yên với điều kiện cửa hậu chưa bị khóa.

Ấn nút lần nữa để ngừng chuyển động. Quá trình mở cửa cũng bị gián đoạn:

- ▸ Khi khởi động động cơ.
- ▸ Khi xe bắt đầu di chuyển.
- ▸ Khi ấn nút trên cụm công tắc điều khiển.
- ▸ Khi ấn nút bên trong cửa hậu.

Bảo vệ kính sau
Các vật thể sắc hoặc góc cạnh có thể va vào cửa kính sau trong khi lái và làm hỏng hệ thống điện của cửa sau. Bảo vệ kính sau.◂

■ **Đóng**

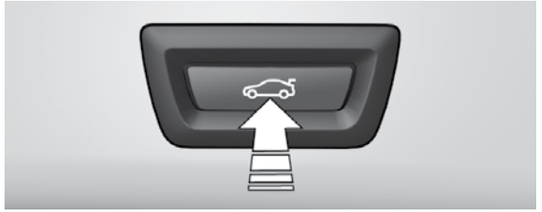

- ▸ Ấn nút bên trong cửa hậu.

Cửa hậu tự động đóng.

Ấn nút lần nữa để ngừng chuyển động.

Cửa hậu điện - Kích hoạt chuyển động chân

Thực hiện chuyển động chân

1. Ở vị trí trung tâm phía sau xe.
2. Chuyển động chân theo hướng di chuyển bên dưới cản sau và thu chân lại.

■ **Mở**

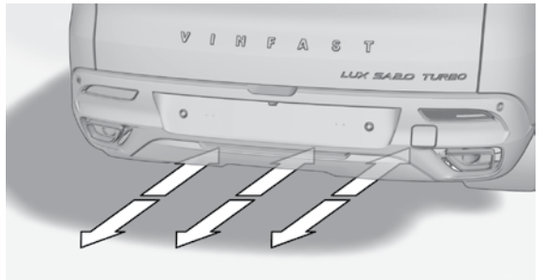

Cửa hậu có thể được mở trong mọi trường hợp, dù trước đó nó đang khóa hay đã mở khóa. Trong trường hợp xe bị khóa, bạn cần giữ chìa khóa điều khiển từ xa gần cửa hậu.

Trong khi mở, cửa hậu xoay ra và bật lên. Đảm bảo có đủ khoảng trống phía sau xe. Trước khi mở, hệ thống cảnh báo nguy hiểm nhấp nháy.

■ **Đóng**

Không thể đóng cửa hậu bằng chuyển động chân.

Hệ thống khóa/mở khóa thông minh Comfort Access

Khái niệm

Có thể vào xe mà không cần kích hoạt chìa khóa điều khiển từ xa.

Tất cả những gì bạn cần làm là mang theo chìa khóa điều khiển từ xa bên mình, ví dụ để trong túi áo khoác.

Xe sẽ tự động phát hiện chìa khóa điều khiển từ xa khi ở gần hoặc trong khoang hành khách.

Hệ thống khóa/mở khóa thông minh Comfort Access hỗ trợ các chức năng sau:

- ▸ Mở khóa/khóa xe.
- ▸ Đóng cửa dễ dàng.
- ▸ Mở khóa riêng cửa hậu.
- ▸ Khởi động động cơ.

Các yêu cầu

- Không có nguồn cản trở bên ngoài ở gần xe.
- Để khóa xe, chìa khóa điều khiển từ xa phải ở bên ngoài xe.
- Chu trình mở và khóa xe tiếp theo sẽ không thể thực hiện được trong vòng khoảng 2 giây sau đó.
- Chỉ có thể khởi động động cơ khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.

So sánh với chìa khóa điều khiển từ xa thông thường

Các chức năng có thể điều khiển bằng cách nhấn các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc Hệ thống khóa/mở khóa thông minh Comfort Access.

■ Mở khóa

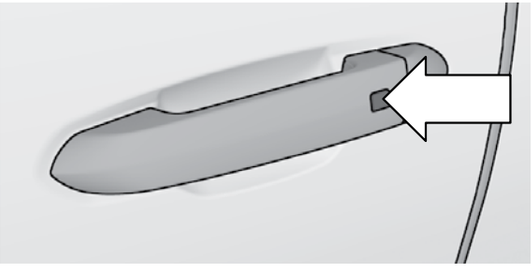

Ấn nút nhỏ trên tay nắm cửa bên lái để mở khóa cửa.

Việc này tương ứng với ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa

■ Khóa

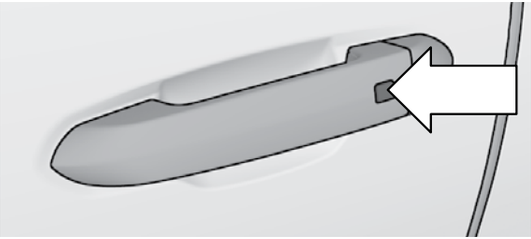

Dùng ngón tay ấn nút nhỏ trên tay nắm cửa bên lái trong khoảng 1 giây mà không kéo tay nắm cửa. Việc này tương ứng với ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.

■ Thông tin

Không khóa xe từ bên ngoài khi mà chìa khóa điều khiển từ xa vẫn nằm bên trong xe.

Các yêu cầu

- Không có vật cản bên ngoài gần xe.
- Để khóa xe, chìa khóa điều khiển từ xa ở bên ngoài xe và gần cửa xe.
- Không thể mở và khóa xe trong khoảng 2 giây sau đó
- Chỉ có thể khởi động động cơ khi chìa khóa điều khiển từ xa ở trong xe.

> **Theo dõi quá trình đóng**
> Theo dõi quá trình đóng để đảm bảo không ai bị kẹt.◂

■ Mở khóa riêng cửa hậu

Ấn nút bên ngoài cửa hậu. Việc này tương ứng với ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa.

> **Không để chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang hành lý**
> Cửa hậu sẽ tự động mở khóa khi phát hiện chìa khóa điều khiển từ xa trong xe.◂

Lỗi

Hệ thống khóa/mở khóa thông minh Comfort Access có thể không vận hành đúng cách nếu gặp vật cản sóng từ bên ngoài như điện thoại di động, đồ vật kim loại, đường dây điện trên cao, tháp truyền tải điện...

Trong trường hợp này: Hãy mở hoặc khóa xe bằng các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa hoặc sử dụng chìa khóa cơ tích hợp.

Hệ thống báo động

Khái niệm

Hệ thống báo động hoạt động khi:

- Mở 1 cửa, nắp ca pô hoặc cửa hậu.
- Thay đổi độ nghiêng của xe, ví dụ khi cố gắng ăn trộm bánh xe hoặc khi kéo xe.
- Đột ngột ngắt nguồn cấp điện từ ắc quy

Hệ thống báo động sẽ nhanh chóng báo hiệu như sau:

- Phát chuông báo động.
- Bật hệ thống cảnh báo nguy hiểm.
- Nháy đèn pha.

Kích hoạt và vô hiệu hóa hệ thống báo động

■ Thông tin chung

Khi khóa hoặc mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa hay Hệ thống khóa/mở khóa thông minh Comfort Access ở khóa cửa, hệ thống báo động sẽ được kích hoạt hoặc tắt cùng lúc đó.

■ Khóa cửa và kích hoạt hệ thống báo động

Hệ thống báo động được kích hoạt khi mở cửa xe, nếu xe được mở khóa bằng khóa cơ.

Để tắt chế độ báo động, hãy mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa hoặc bật bật công tắc khởi động/dừng động cơ, nếu cần thiết, sử dụng chế độ tìm khẩn cấp trên chìa khóa điều khiển từ xa.

■ **Cửa hậu và kích hoạt hệ thống báo động**

Có thể mở cửa hậu ngay cả khi hệ thống báo động được kích hoạt.

Ấn nút trên chìa khóa điều khiển từ xa trong khoảng 1 giây.

Sau khi cửa hậu đóng lại, nó sẽ được khóa và theo dõi lại nếu các cửa đã được khóa. Hệ thống cảnh báo nguy hiểm nhấp nháy một lần.

■ **Tắt báo động**

Để tắt báo động:

- ▸ Dùng chìa khóa điều khiển từ xa để mở khóa xe.
- ▸ Với Hệ thống khóa/mở khóa thông minh Comfort Access: Nếu bạn mang theo chìa khóa điều khiển từ xa bên mình, kéo tay nắm cửa bên lái.

Cửa sổ điện

Thông tin chung

Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa bên mình

Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa khi ra khỏi xe để tránh trẻ nhỏ vận hành cửa kính điện và bị thương.◂

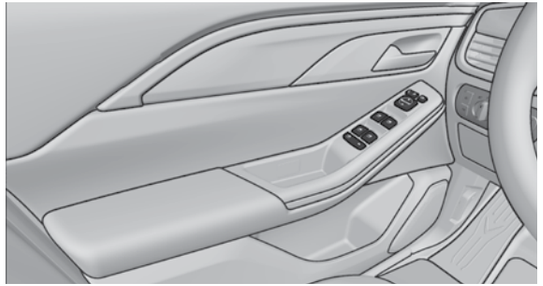

Mở

Nhấn công tắc.

Cửa kính mở trong khi giữ công tắc.

Nhấn công tắc đến hết hành trình.

Cửa kính tự động mở.

Nhấn công tắc lần nữa để ngừng chuyển động.

Mở dễ dàng bằng chìa khóa điều khiển từ xa ➔ T.20.

Đóng

Giữ khoảng không lên/xuống kính thông thoáng

Theo dõi quá trình đóng và đảm bảo khoảng không lên kính thông thoáng, nếu không có thể gây thương tích.◂

Kéo công tắc lên trên.

Cửa kính đóng trong khi giữ công tắc.

Kéo công tắc lên trên đến hết hành trình.

Cửa kính tự động đóng. Nhấn công tắc để ngừng chuyển động.

Hệ thống bảo vệ chống kẹp

Nếu lực đóng lớn hơn giá trị quy định, quá trình lên kính sẽ bị dừng lại.

Cửa kính sẽ hạ xuống một chút.

Nguy cơ kẹp cho dù có hệ thống bảo vệ chống kẹp

Ngay cả khi có hệ thống bảo vệ chống kẹp, hãy đảm bảo khoảng không lên kính thông thoáng, nếu không quá trình đóng có thể không dừng lại trong một số trường hợp đặc biệt, ví dụ khi có vật mỏng.◂

Không lắp phụ kiện

Không lắp phụ kiện trong khoảng không di chuyển của cửa kính, nếu không có thể ảnh hưởng đến chức năng bảo vệ chống kẹp.◂

■ **Đóng cưỡng bức**

Giữ khoảng không lên kính thông thoáng

Theo dõi quá trình lên kính và đảm bảo khoảng không đủ thông thoáng, nếu không có thể gây thương tích.◂

Ví dụ: nguy hiểm từ bên ngoài hoặc cửa kính bị đóng băng làm cản trở việc đóng cửa theo cách thông thường, có thể xử lý như sau:

1. Kéo công tắc lên hết hành trình và giữ ở vị trí đó.
   Hệ thống bảo vệ chống kẹp bị hạn chế và cửa kính sẽ hé mở lại nếu lực đóng vượt quá giá trị cho phép.
2. Kéo công tắc lên hết hành trình một lần nữa và giữ trong vòng 4 giây.
   Cửa kính đóng mà không có bảo vệ chống kẹp.

Công tắc an toàn

Có thể sử dụng công tắc an toàn cho cửa kính sau ở cửa lái để ngăn trẻ em mở và đóng cửa kính sau bằng các công tắc ở phía sau.

■ **Bật và tắt**

Ấn nút.

Đèn LED sáng nếu bật chức năng an toàn.

Công tắc an toàn
Nhấn công tắc an toàn khi chở trẻ nhỏ ở phía sau, nếu không có thể gây thương tích khi trẻ tự ý đóng mở cửa sau mà không có người giám sát.◂

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Ngồi an toàn

Vị trí ngồi phù hợp có thể góp phần lớn vào việc lái xe thoải mái và hạn chế mệt mỏi. Vị trí ngồi kết hợp với những bộ phận dưới đây đóng vai trò quan trọng khi xảy ra sự cố tai nạn:

- ▸ Dây đai an toàn ➔ *T.37*.
- ▸ Tựa đầu ➔ *T.39*.
- ▸ Túi khí ➔ *T.85*.

Thông tin chung

Không điều chỉnh ghế khi đang lái xe
Không điều chỉnh ghế lái trong khi đang lái xe, nếu không ghế có thể di chuyển đột ngột và gây mất kiểm soát, dẫn đến tai nạn.◂

Không ngả tựa lưng quá xa về phía sau
Không ngả tựa lưng của ghế phụ trước quá xa về phía sau trong khi đang lái xe, nếu không sẽ có nguy cơ bị trượt khỏi dây đai an toàn trong trường hợp bị tai nạn, dẫn đến làm giảm tác dụng bảo vệ của dây đai an toàn.◂

Ghế điều chỉnh bán tự động

Tổng quan

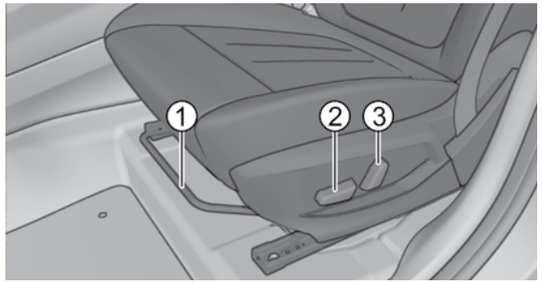

① Tiến/lùi
② Độ cao
③ Ngả tựa lưng

1. Tiến/lùi

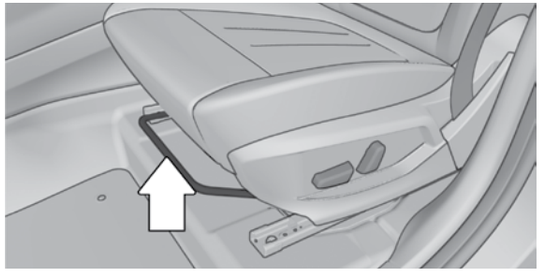

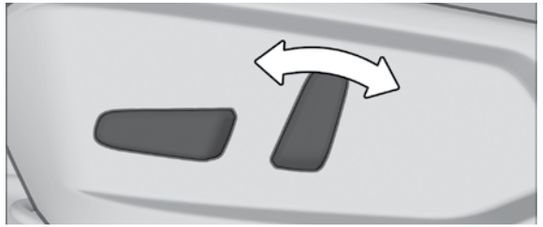

Di chuyển nút theo hướng mong muốn.

2. Độ cao

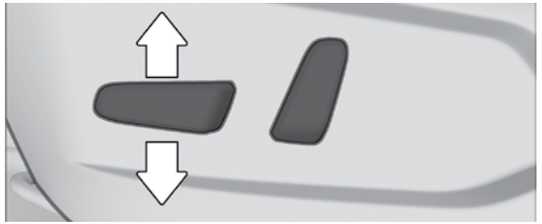

Di chuyển nút theo hướng mong muốn.

3. Ngả tựa lưng

Ghế điều chỉnh bằng điện

Tổng quan

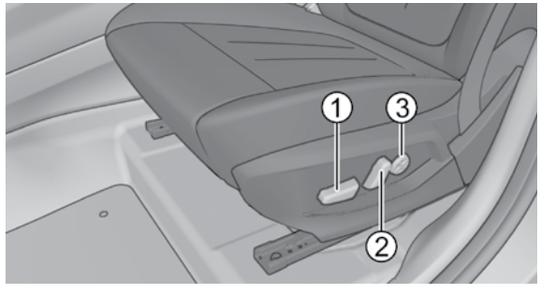

① Tiến/ngả sau, độ cao, nghiêng mặt ngồi

② Ngả tựa lưng

③ Đệm đỡ lưng

Chi tiết cách điều chỉnh

■ **1. Độ cao**

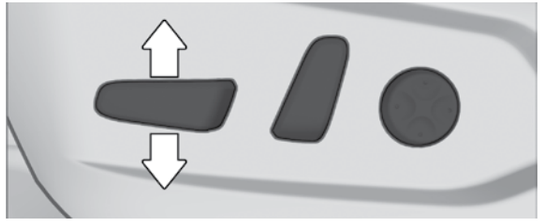

Di chuyển nút theo hướng mong muốn

■ **2. Tựa lưng**

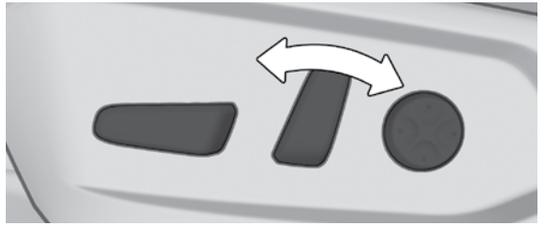

Di chuyển nút theo hướng mong muốn.

■ **3. Tiến/lùi**

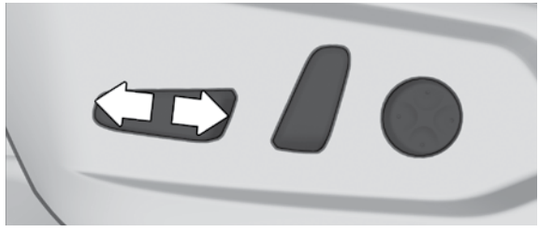

Di chuyển nút theo hướng mong muốn.

■ **4. Nghiêng mặt ngồi**

Di chuyển nút theo hướng mong muốn.

■ **5. Đệm đỡ lưng**

Có thể điều chỉnh độ cong tựa lưng ghế sao cho phù hợp với vùng xương sống thắt lưng, giúp giữ thẳng phần xương sống & lưng dưới.

Nhấn phần trên/dưới ① của công tắc. Độ cong được nâng lên/hạ xuống.

Nhấn phần trước/sau ② của công tắc. Độ cong sẽ được tăng/giảm.

Bộ sưởi ghế trước - tính năng này có thể không áp dụng cho một số thị trường

Sưởi ghế

Bật/Tắt tính năng này qua menu điều hòa 3 mức nhiệt

■ **Bật**

Ấn nút 1 lần cho mỗi mức nhiệt độ.
Các ghế được sưởi bắt đầu ở mức 3 và bằng cách ấn nút giảm xuống 2, 1 và tắt.

Nếu xe tiếp tục chạy trong vòng 15 phút, việc sưởi ghế được kích hoạt tự động ở mức nhiệt đã chọn trước đó.

■ **Tắt**

Ấn nút lâu hơn.
Đèn LED tắt.

Ghế ngồi phía sau

Hàng ghế thứ hai

■ **Gợi ý**

Tựa tay giữa
Khi gập tựa tay giữa xuống, đảm bảo khu vực dưới tựa tay ghế giữa thông thoáng. Nếu không, có thể gây chấn thương.◂

Không điều chỉnh ghế khi đang lái xe
Không điều chỉnh ghế khi xe đang di chuyển, nếu không sẽ làm giảm tác dụng của ghế ngồi khi có tai nạn xảy ra.◂

Để trống khu vực sàn xe bên dưới hàng ghế thứ hai
Khi dựng tựa lưng hàng ghế số 2, hãy đảm bảo để trống khu vực sàn xe bên dưới hàng ghế thứ hai. Nếu không, những người ngồi ở hàng ghế thứ ba có thể bị thương hoặc đồ vật có thể bị hỏng.◂

Dựng tựa lưng và khóa hàng ghế thứ hai
Trước khi bắt đầu di chuyển, đảm bảo tựa lưng đã được dựng lên và khóa chắc chắn, nếu không người ngồi trên xe có thể bị thương hoặc đồ vật có thể bị hỏng.◂

■ **Tiến/lùi**

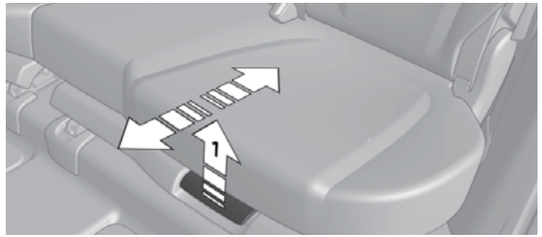

1. Kéo cần gạt theo hướng 1, và trượt ghế theo hướng mong muốn
2. Nhả cần gạt và di chuyển ghế về phía trước hoặc sau một chút để cài vào vị trí.

■ **Ngả tựa lưng**

Có thể điều chỉnh ngả tựa lưng theo nhiều mức.

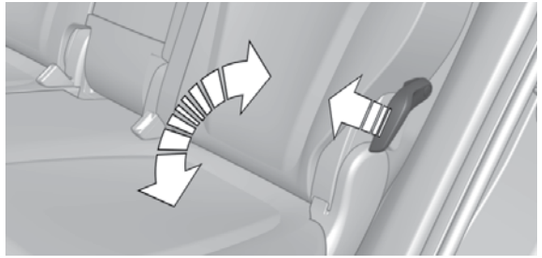

Kéo cần gạt, và áp trọng lượng của bạn lên tựa lưng hoặc nâng lên nếu cần thiết.

■ **Lối vào hàng ghế thứ ba**

1. Đảm bảo phần lưng ghế sau được dựng lên. Nếu phần lưng ghế không được dựng lên sẽ không thể đi vào thoải mái.

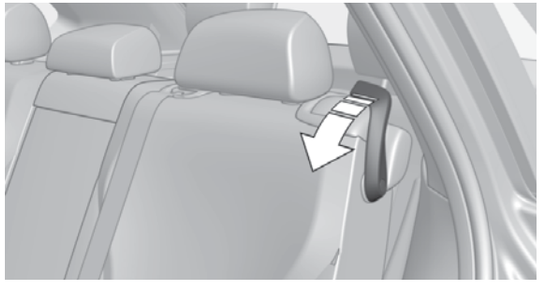

2. Kéo cần gạt và ngả ghế ngồi về phía trước. Tay nắm chìm trên ốp trang trí bên trong giúp đi vào xe dễ dàng hơn.
   Nếu hàng ghế thứ hai không được khóa sau đó, cụm đồng hồ sẽ hiển thị biểu tượng cảnh báo.

Sau khi điều chỉnh hoặc đặt lại ghế ngồi (hàng thứ hai)
Tuân theo các chú ý sau.
Không tuân thủ có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.
Lắc nhẹ ghế ngồi và tựa lưng để đảm bảo ghế đã khóa chắc chắn.

Hàng ghế thứ ba

Thông tin chung

Hàng ghế thứ ba được thiết kế có đủ không gian dành cho hai người.

Dựng tựa lưng lên

Đảm bảo cài khóa chắc chắn
Đảm bảo cài khóa chắc chắn. Nếu không cài chắc chắn, hàng hóa trên xe có thể bị văng vào khoang khách khi phanh xe hoặc khi xe chuyển động đột ngột và gây nguy hiểm cho người ngồi trên xe.◂

Trước khi dựng tựa lưng lên, hãy tháo giá che hàng hóa. Nếu cần thiết, trượt hàng ghế thứ hai về phía trước một chút.

1. Kéo cần gạt theo hướng mũi tên để mở khóa tựa lưng.

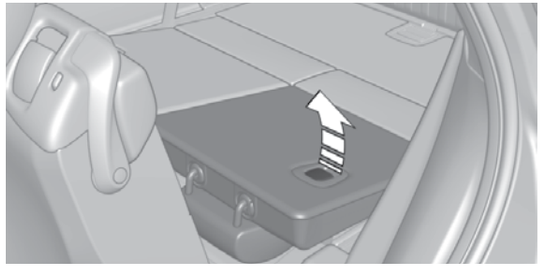

2. Dựng lên và cố định tựa lưng.
3. Điều chỉnh tựa đầu.

Gập tựa lưng xuống

1. Di chuyển tựa đầu xuống.
2. Kéo cần gạt theo hướng mũi tên để mở khóa tựa lưng.

3. Gập tựa lưng xuống.

Dây đai an toàn

Ghế có dây đai an toàn

Xe có 7 ghế ngồi, mỗi ghế đều được trang một bị dây đai an toàn.

Gợi ý

Luôn đảm bảo rằng tất cả người ngồi trên xe đều cài dây đai an toàn trước khi xe di chuyển.

Để bảo vệ người ngồi trên xe, hãy sớm cài dây đai an toàn lại. Khi cài, kéo từ từ dây đai ra.

Mặc dù các túi khí giúp gia tăng khả năng bảo vệ an toàn nhưng không thể thay thế dây đai an toàn.

- Điểm neo trên vai là chuẩn xác đối với ghế người lớn nếu ghế được điều chỉnh đúng cách.
- Hai móc cài dây đai an toàn phía ngoài tích hợp trong hàng ghế thứ hai là dành cho hành khách ngồi bên trái và phải.
- Móc cài dây đai an toàn giữa của hàng ghế thứ hai chỉ dành cho hành khách giữa.
- Các móc cài dây đai an toàn tích hợp trong hàng ghế thứ ba dành cho hành khách ngồi bên trái và phải.

Mỗi người 1 dây đai an toàn
Một người sử dụng một dây đai an toàn. Không để trẻ sơ sinh hoặc trẻ nhỏ ngồi trong lòng khách.◂

Thắt dây đai an toàn
Kéo dây đai an toàn, không làm xoắn dây, đưa qua bụng dưới và vai, càng sát vào thân càng tốt. Đảm bảo dây đai an toàn nằm thấp quanh hông trong vùng bụng dưới và không thắt ngang bụng. Nếu không, dây có thể trượt lên trên hông trong vùng bụng dưới khi có va chạm phía trước xe và làm đau vùng bụng.

Dây đai an toàn không được buộc quanh cổ, cọ vào các cạnh sắc, nằm trên các vật dễ vỡ hoặc bị kẹp.◂

Giảm tác dụng giữ an toàn
Tránh mặc quần áo quá rộng, và thường xuyên kéo dây đai vai để điều chỉnh lại độ căng. Đảm bảo dây đai không bị kẹt, nếu không dây có thể bị hỏng và làm giảm tác dụng giữ an toàn.◂

Cài dây đai an toàn

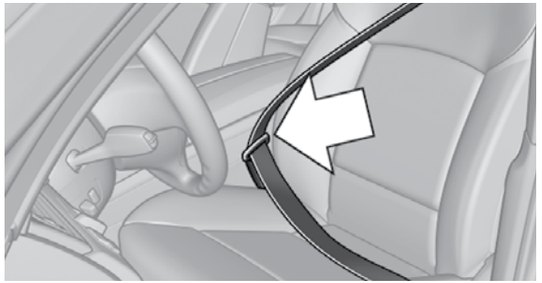

Đảm bảo bạn nghe thấy tiếng dây đai được khóa.

Để dễ dàng sử dụng móc cài dây đai an toàn, trên dây đai an toàn có sẵn thanh trượt có thể điều chỉnh giúp định vị móc cài khi không sử dụng.

Căng dây đai an toàn tự động

Khi móc cài được khóa, dây đai tự động thu lại ôm sát cơ thể người lái.

Tháo dây đai an toàn

1. Giữ chắc dây đai an toàn.
2. Ấn nút đỏ trên khóa cài dây đai an toàn để mở khóa.
3. Đưa dây về vị trí ban đầu.

Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn cho ghế bên lái và ghế phụ phía trước.

Đèn báo sáng và chuông tín hiệu kêu. Đảm bảo các dây đai an toàn đã được cài. Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn hoạt động khi xe đạt tốc độ trên khoảng 10km/h. Cũng có thể kích hoạt hệ thống khi có vật nặng được đặt trên ghế phụ phía trước.

Hỏng dây đai an toàn

Trong trường hợp bị kéo căng do tai nạn hoặc hỏng xe:
Thay thế dây đai an toàn, bao gồm cả bộ căng đai khẩn cấp, và kiểm tra lại khóa cài của dây đai.

Kiểm tra và thay thế dây đai an toàn
Chỉ để Nhà phân phối thực hiện công việc này, nếu không sẽ không thể đảm bảo thiết bị an toàn này sẽ hoạt động hiệu quả.

Tựa đầu ghế trước

Điều chỉnh đúng tựa đầu

Điều chỉnh đúng cách tựa đầu sẽ làm giảm nguy cơ chấn thương đốt sống cổ trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Điều chỉnh tựa đầu
Điều chỉnh đúng cách tựa đầu cho tất cả các ghế, nếu không sẽ làm tăng nguy cơ chấn thương khi có tai nạn.◂

■ **Độ cao**
Điều chỉnh tựa đầu sao cho tâm tựa đầu nằm ở vị trí ngang tai.

■ **Khoảng cách**
Điều chỉnh khoảng cách sao cho tựa đầu nằm càng sát với gáy càng tốt.

Điều chỉnh độ cao tựa đầu bằng tay

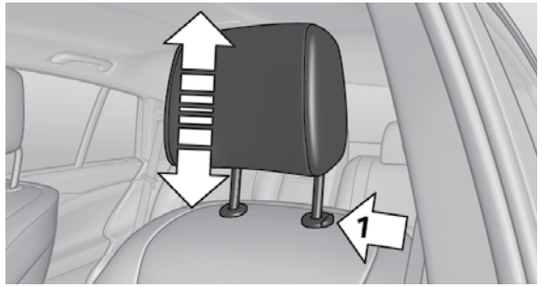

▸ Để nâng lên: kéo.
▸ Để hạ xuống: ấn nút, mũi tên 1, và đẩy tựa đầu xuống.

Tựa đầu ghế sau

Điều chỉnh đúng cách tựa đầu

Điều chỉnh đúng cách tựa đầu sẽ làm giảm nguy cơ chấn thương đốt sống cổ trong trường hợp xảy ra tai nạn.

Điều chỉnh tựa đầu
Điều chỉnh đúng cách tựa đầu cho tất cả các ghế, nếu không sẽ làm tăng nguy cơ chấn thương khi có tai nạn.◂

Độ cao

Điều chỉnh tựa đầu sao cho tâm tựa đầu nằm ở vị trí ngang tai.

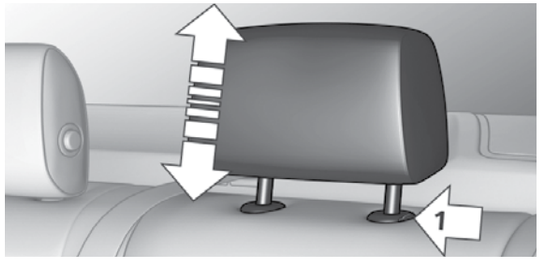

Điều chỉnh độ cao

▸ Để nâng lên: kéo.

▸ Để hạ xuống: ấn nút, mũi tên 1, và đẩy tựa đầu xuống.

Không thể điều chỉnh độ cao của tựa đầu giữa.

Tháo ra

Chỉ tháo tựa đầu khi không có người ngồi ở ghế.

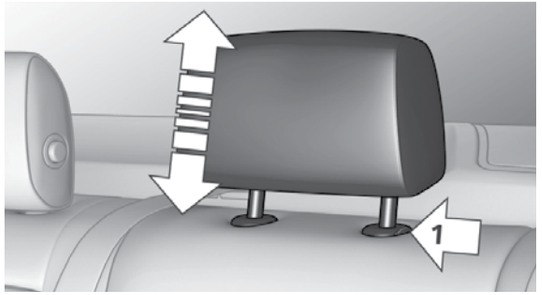

1. Kéo tựa đầu lên trên càng cao càng tốt.
2. Ấn nút, mũi tên 1, và kéo hẳn ra khỏi ghế.
   Lắp lại tựa đầu trước khi ngồi vào ghế.◂

Gương

Gương chiếu hậu bên ngoài

■ Tổng quan

1. Gương trái/phải
   Để đổi sang gương khác: Công tắc lật có các vị trí trái - trung gian - phải
2. Điều chỉnh
   Vị trí gương tương ứng với hướng ấn nút.
3. Gập vào trong và ra ngoài
   Chỉ điều khiển gập gương được khi tốc độ xe nhỏ hơn 20 km/h.
   Gương đã được gập vào trong sẽ tự động mở ra khi xe đạt tốc độ khoảng 20 km/h.

■ Thông tin chung

Gương phía bên hành khách sẽ cong hơn gương phía bên lái.

Ước tính chính xác khoảng cách
Đối tượng được phản chiếu trong gương sẽ gần hơn vị trí thực tế. Không ước lượng khoảng cách đối với phương tiện phía sau dựa trên những gì bạn nhìn thấy trong gương, điều này sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn.◂

Tùy theo trang bị của xe, thiết lập dành cho gương được lưu trữ để sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa. Khi xe được mở khóa bằng chìa khóa điều khiển từ xa, vị trí sẽ được khôi phục lại tự động nếu hệ thống có cài đặt chức năng này.

■ Lựa chọn gương

L R Để đổi sang gương khác: Bấm công tắc thay đổi gương.

■ Điều chỉnh bằng điện

Vị trí gương tương ứng với hướng ấn nút.

■ Điều chỉnh bằng tay

Ví dụ khi xuất hiện sự cố về điện, hãy ấn nhẹ mép

của mặt gương.

Quan sát lề đường tự động

■ Khái niệm

Khi xe chạy số lùi, mặt gương phía bên khách trước sẽ nghiêng xuống dưới một chút. Điều này giúp cho việc quan sát lề đường và các vật thể tầm thấp khi đỗ xe được rõ hơn.

■ Kích hoạt

1. L R Bấm công tắc về phía R.
2. Chọn vị trí cần số R.

■ Ngắt kích hoạt

Bấm công tắc về vị trí L.

■ Gập vào trong và ra ngoài

Ấn nút.

Hoạt động khi xe di chuyển dưới 20km/h.

Ví dụ, dưới đây là ưu điểm:

- ▸ Khi rửa xe.
- ▸ Trên những tuyến phố hẹp.
- ▸ Để gập lại gương đã được mở ra bằng tay.

Gương đã được gập vào trong có thể tự động mở ra khi xe đạt tốc độ khoảng 20 km/h.

Gập gương khi rửa xe
Trước khi rửa xe trong trạm rửa xe tự động, hãy gập gương chiếu hậu bên ngoài vào bằng tay hoặc nút bấm, nếu không, gương có thể bị hỏng.◂

Gương chiếu hậu bên ngoài có chức năng sấy

Chức năng sấy của gương chiếu hậu sẽ được kích hoạt khi bật sấy kính cửa hậu.

Gương chiếu hậu trong xe, tính năng chống chói tự động.

■ Khái niệm

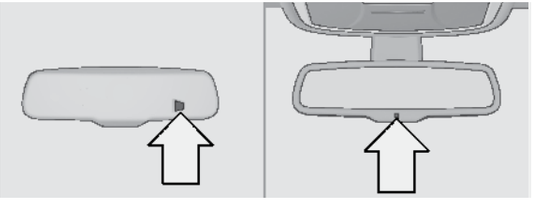

Đèn quang điện được sử dụng để điều khiển:

- ▸ Mặt trước gương.
- ▸ Phía lưng gương.

Khi hệ thống chống chói đang bật và xe vào số lùi "R", tính năng chống chói sẽ tắt.

■ Tính năng chống chói tự động

Gương chiếu hậu trong xe được chống chói tự động. Hệ thống sử dụng đèn quang điện để điều khiển gương chiếu hậu trong xe.

■ Các yêu cầu chức năng

Để vận hành ổn định:

- ▸ Giữ đèn quang điện sạch sẽ.
- ▸ Không che đậy khu vực giữa gương chiếu hậu bên trong và kính chắn gió.

Vô lăng

Thông tin chung

Không điều chỉnh khi đang lái xe
Không điều chỉnh vô lăng khi đang lái xe, nếu không các chuyển động không mong muốn có thể gây ra tai nạn.◂

Điều chỉnh vô lăng thủ công

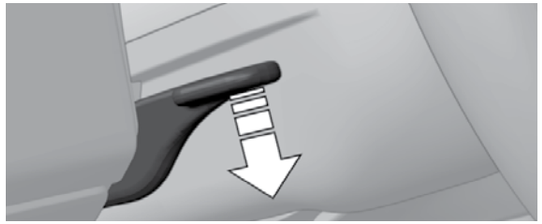

1. Giữ vô lăng và đẩy cần gạt xuống
2. Điều chỉnh đến vị trí mong muốn bằng việc di chuyển vô lăng theo hướng lên/xuống hoặc tiến/lùi.
3. Sau khi điều chỉnh xong, kéo cần gạt lên để cố định vô lăng.

Chức năng sưởi vô lăng - Chỉ dành cho một số thị trường

■ Bật/Tắt

Ấn nút.

- ▸ Bật: Đèn LED sáng.
- ▸ Tắt: Đèn LED tắt.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Vị trí phù hợp dành cho trẻ nhỏ

■ **Lưu ý**

Trẻ ở trong xe
Không để trẻ một mình trong xe mà không có người giám sát; nếu không trẻ sẽ có thể tự gây nguy hiểm cho mình và người khác, ví dụ như mở cửa xe.◂

Các nghiên cứu về tai nạn giao thông chỉ ra rằng vị trí an toàn nhất dành cho trẻ là ở hàng ghế sau.

Chở trẻ nhỏ ở hàng ghế sau
Chỉ được để trẻ dưới 13 tuổi hoặc dưới 150cm ở phía sau bằng hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ theo đúng độ tuổi, cân nặng và kích thước của trẻ, nếu không sẽ làm tăng nguy cơ trẻ bị thương khi gặp tai nạn.

Trẻ từ 13 tuổi trở lên, cân nặng và kích thước không phù hợp sử dụng hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, do đó phải cài dây đai an toàn theo xe.◂

Không thể tắt túi khí trên ghế phụ

Cảnh báo
Có nguy cơ xảy ra thương tích hoặc tử vong khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ quay mặt ra phía sau trên ghế phụ phía trước. Khi xảy ra tai nạn, túi khí bên ghế phụ phía trước có thể bung ra. Trẻ bị tác động bởi túi khí có thể dẫn đến TỬ VONG hoặc THƯƠNG TÍCH NGHIÊM TRỌNG.◂

Lắp đặt ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ

Trước khi lắp

Nếu lưng ghế sau vẫn đang trong trạng thái có thể điều khiển được hoặc gập xuống được.

Đảm bảo ghế của trẻ được lắp chắc chắn
Khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, đảm bảo ghế của trẻ được lắp chắc chắn vào tựa lưng ghế. Nếu cần, điều chỉnh góc tựa lưng, độ cao của tựa đầu hoặc có thể tháo tựa đầu ra. Đảm bảo các tựa lưng đều được khóa chắc chắn. Ghế của trẻ không được lắp chắc chắn làm tăng nguy cơ chấn thương do những chuyển động không lường trước của tựa lưng ghế sau.◂

Thông tin của nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ
Để lựa chọn, lắp đặt và sử dụng hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, hãy tuân theo thông tin được cung cấp bởi nhà sản xuất hệ thống ghế an toàn đó, nếu không có thể làm giảm tác dụng của sản phẩm.◂

Khóa tựa lưng ghế sau
Trước khi lắp đặt hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ trên tựa lưng ghế sau, nghiêng tựa lưng sao cho ghế của trẻ được bắt chắc chắn vào tựa lưng ghế và lắp chắc các chốt trên ghế. Nếu không, ghế của trẻ có thể bị xê dịch, dẫn đến nguy cơ chấn thương do những chuyển động không lường trước được của tựa lưng ghế sau.◂

Khóa ghế ngồi của hàng ghế thứ 2
Nếu xe có hàng ghế thứ 3: khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ trên hàng ghế thứ 2, đảm bảo hàng ghế này phải được khóa cố định, nếu không có thể gây ra thương tích cho trẻ khi xảy ra tai nạn.◂

Lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ trên ghế phụ phía trước

- Chỉ lắp đặt hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ quay mặt về phía trước và có cài dây đai.
- Khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, phải đặt ghế ở tầm giữa và đẩy hết cỡ về phía sau.
- Khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, tựa đầu phải đặt ở vị trí thấp nhất và cố định trong khi lắp đặt. Nếu có bất kỳ tác động nào lên hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ với tựa đầu ở vị trí lắp đặt, hãy tháo tựa đầu.

- Mặt ngồi của ghế phẳng.
- Không thay đổi vị trí và độ cao ghế sau khi lắp.

Phân loại theo cân nặng	Nhóm kích thước	Cơ chế	Ghế phụ phía trước
Có dây đai:			
Nhóm 0+ tới 13 kg		Gabarit	x
Nhóm I /II 9 kg tới 25 kg		Gabarit	U, L FWD
Nhóm II 15 kg tới 25 kg		Gabarit	U, L FWD
Nhóm III 22 kg tới 36 kg		Gabarit	U, L FWD
Kèm cũi trẻ em	F	ISO/L1	x
	G	ISO/L2	x
Hệ thống ghế trẻ em Isofix **Hệ thống ghế trẻ em i-Size-Kinder**	E D C B B1 B2	ISO/R1 ISO/R2 ISO/R3 ISO/F2 ISO/F2X ISO/B2	x
X= Vị trí ghế không phù hợp cho ghế trẻ em ở nhóm cân nặng này.			
U= Phù hợp với dây đai loại “phổ thông” dùng cho nhóm cân nặng này.			
L= Phù hợp với hệ thống dây đai bán phổ thông dùng cho nhóm cân nặng này.			
FWD= được phép dùng cho ghế trẻ em quay mặt về phía trước.			

Lắp đặt hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ ở hàng ghế thứ hai

- Ưu tiên hàng ghế ngoài có lắp đặt hệ thống ISOFIX và I-SIZE. Cũng có thể lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ có dây đai trên hàng ghế này.
- Điều chỉnh hàng ghế thứ hai hết cỡ về phía sau.
- Khóa chặt tựa lưng hàng ghế thứ hai ở nấc 3 tính từ vị trí tựa lưng phía trước nhất.
- Khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, tựa đầu phải đặt ở vị trí thấp nhất và cố định trong khi lắp đặt. Nếu có bất kỳ tác động nào lên hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ với tựa đầu ở vị trí lắp đặt, hãy tháo tựa đầu.
- Ghế lái và/ghế phụ khác phải đảm bảo có đủ không gian cho hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ.
- Khóa cài dây đai ghế giữa phải ở trong đệm bọc nếu ghế trẻ em được đặt trên ghế ngoài bên phải ở hàng ghế thứ hai.
- Đối với hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ i-size hoặc isofix ngả ra phía sau rộng nhất, điều chỉnh tựa lưng ghế lái hoặc ghế phụ trước phải quay lên phía trên để hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ và tựa lưng ghế trước không tác động vào nhau.

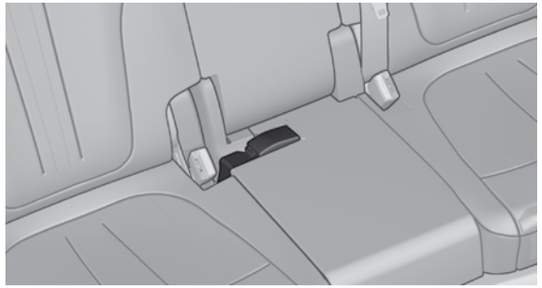

Hàng ghế thứ hai - ghế giữa

- Không thể lắp hệ thống ISOFIX và I-SIZE
- Được phép lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ có dây đai trên ghế giữa đối với ghế trẻ em nhóm II và nhóm III.
- Điều chỉnh hàng ghế thứ hai hết cỡ về phía sau.
- Khóa chặt tựa lưng hàng ghế thứ hai ở nấc 3 tính từ vị trí tựa lưng phía trước nhất.

Hệ thống ghế trẻ em khuyên dùng cho hàng ghế thứ hai - ghế giữa

▸ Nhóm 0+

Hệ thống ghế trẻ em Maxi Cosi Cabriofix

▸ Nhóm 0+/I/II

Hệ thống ghế trẻ em Combi Malgot quay mặt về phía trước

Phân loại theo cân nặng	Nhóm kích thước	Cơ chế	Ghế ngoài hàng ghế thứ 2	Ghế giữa phía sau
Có dây đai:				
Nhóm 0+ tới 13 kg		Gabarit	U, L	U, L
Nhóm I /II 9 kg tới 25 kg		Gabarit	U, L	U, L
Nhóm II 15 kg tới 25 kg		Gabarit	U, L	U, L
Nhóm III 22 kg tới 36 kg		Gabarit	U, L	U, L
Isofix:				
Kèm cũi trẻ em	F	ISO/L1	x	X
	G	ISO/L2	x	X
0- Lên tới 10 kg	E	ISO/R1	IL	X
0+ Lên tới 13 kg	E	ISO/R1	IL, I-U	X
	D	ISO/R2	IL, I-U	X
	C	ISO/R3	IL, I-U	X
I- 9 tới 18 kg	D	ISO/R2	IL, I-U	X
	C	ISO/R3	IL, I-U	X
	B	ISO/F2	IUF, I-U	X
	B1	ISO/F2x	IUF, I-U	X
II- 15 tới 25 kg	i-size	ISO/R2 ISO/F2x Chân đỡ ISO/B2	I-U	X
III- 22 tới 36 kg	i-size	ISO/R2 ISO/F2x Chân đỡ ISO/B2	I-U	X
X= Vị trí ghế không phù hợp cho ghế trẻ em ở nhóm này.				
U= Phù hợp với dây đai loại “phổ thông” được phép dùng cho nhóm cân nặng này.				
L= Phù hợp với hệ thống dây đai bán phổ thông dùng cho nhóm cân nặng này.				
IL= Phù hợp với dây đai loại “isofix” được phép dùng cho nhóm cân nặng này.				
IUF= Phù hợp với dây đai loại “ “isofix” phổ thông” được phép dùng cho nhóm cân nặng này.				
I-U: Phù hợp với dây đai loại “i-size” được phép dùng cho nhóm cân nặng này.				

■ **Hệ thống ghế trẻ em khuyên dùng cho hàng ghế thứ hai**

▸ Nhóm 0+

Hệ thống ghế trẻ em Bitrax Baby Safe Plus ISOFIX Base - quay mặt về phía sau có chân đỡ hỗ trợ

▸ Nhóm 1

Hệ thống ghế trẻ em Maxi Cosi 2 way Pearl có đế cố định 2 chiều - quay mặt về phía sau có chân đỡ hỗ trợ

Ghế trẻ em khuyên dùng	
Nhóm cân nặng	**Cài đai:**
Nhóm 0+ tới 13 kg	Ghế Maxi Cosi Cabriofix Số phê duyệt E4 04 444 305
Nhóm II **15 kg tới 25 kg**	Ghế Britax Römer KIDFIX XP Số phê duyệt E1 04 301 304
Nhóm III **22 kg tới 36kg**	Ghế Britax Römer KIDFIX XP Số phê duyệt E1 04 301 304

Ghế trẻ em khuyên dùng	**Isofix:**
Nhóm 0+ **tới 13 kg**	Ghế trẻ em Britax Baby Safe Plus Isofix Base Số phê duyệt E1 04 301 146
Nhóm I **9 kg tới 18 kg**	Ghế trẻ em Maxi Cosi 2 way Pearl có đế cố định 2 chiều Số phê duyệt E4 129R – 000 001
Nhóm II **15 kg tới 25 kg**	Ghế trẻ em Britax Römer KIDFIX XP Số phê duyệt E1 04 301 304
Nhóm III **22 kg tới 36 kg**	Ghế trẻ em Britax Römer KIDFIX XP Số phê duyệt E1 04 301 304

Lắp đặt hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ ở hàng ghế thứ ba

- Được phép lắp ghế trẻ em có dây đai ở hàng ghế thứ ba.
- Hàng ghế thứ 2 phải tiến về phía trước nhiều nhất.
- Tháo tựa đầu
- Khi lắp ghế trẻ em trên hàng ghế thứ ba, sử dụng chức năng ra vào dễ dàng của hàng ghế thứ 2.
- Sau khi lắp và thắt dây đai ghế trẻ em, đảm bảo rằng hàng ghế thứ 2 cố định và tựa lưng khóa ở vị trí thẳng đứng, nghĩa là tựa lưng cố định ở nấc đầu tiên.

■ **Ghế trẻ em khuyên dùng cho hàng ghế thứ ba**

- Nhóm I/II/III
- Hệ thống ghế trẻ em Combi Buon Junior Air

Phân loại theo cân nặng	**Nhóm kích thước**	**Cơ chế**	**Ghế ngoài**
Có dây đai:			
Nhóm 0+ tới 13 kg		Gabarit	X
Nhóm I /II 9 kg tới 25 kg		Gabarit	X
Nhóm II 15 kg tới 25 kg		Gabarit	X
Nhóm III 22 kg tới 36 kg		Gabarit	X
Kèm cũi trẻ em	F	ISO/L1	X
	G	ISO/L2	X

Hệ thống ghế trẻ em I-size	E D C B B1 B2	ISO/R1 ISO/R2 ISO/R3 ISO/F2 ISO/F2X ISO/B2	X
X= Vị trí ghế không phù hợp cho hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ Isofix ở nhóm cân nặng này			

Bảo đảm an toàn chỗ ngồi cho trẻ

Có thể khóa các dây đai an toàn ghế sau lại để ghế khỏi bị kéo ra khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ.

Khóa hệ thống ghế dành cho trẻ nhỏ

1. Kéo dây đai an toàn ra hết cỡ.
2. Dùng dây đai an toàn để cố định ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ.
3. Khóa dây đai an toàn lại.

Mở khóa hệ thống ghế dành cho trẻ nhỏ

1. Mở khóa dây đai an toàn.
2. Tháo hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ.
3. Để dây đai an toàn tự động hồi về.

Hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ dạng CHỐT CÀI

CHỐT CÀI: Móc và đai giữ dưới dành cho trẻ nhỏ.

Tuân theo thông tin của nhà sản xuất
Hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ dạng CHỐT CÀI
Để lắp và sử dụng hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ dạng CHỐT CÀI, tuân theo thông tin vận hành và an toàn của nhà sản xuất hệ thống đó, nếu không sẽ làm giảm tác dụng của thiết bị.◂

Lắp chân móc CHỐT CÀI bên dưới

Có thể sử dụng các móc bên dưới để gắn hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ vào ghế của xe với tổng trọng lượng kết hợp của trẻ nhỏ và hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ lên tới 30kg khi giữ trẻ bằng bộ dây đai an toàn bên trong.

Gài sao cho đúng các móc CHỐT CÀI bên dưới

Đảm bảo các móc CHỐT CÀI bên dưới đều được gài đúng cách và hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ áp khít vào lưng ghế, nếu không mức độ bảo vệ có thể sẽ bị giảm.◂

Trước khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ dạng CHỐT CÀI, kéo dây đai an toàn ra khỏi hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ.

■ **Vị trí**

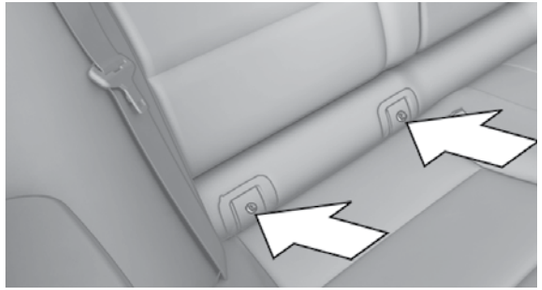

Các chân móc CHỐT CÀI bên dưới nằm sau các nắp được đánh dấu

Lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ ISOFIX hoặc I-SIZE

1. Để lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, tham khảo hướng dẫn sử dụng hệ thống.
2. Đảm bảo nối đúng cách cả hai móc CHỐT CÀI

LUX SA2.0 Điều khiển

Hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ một dây buộc

■ Các điểm lắp

Có 3 điểm lắp dây giữ trên của hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ dạng CHỐT CÀI.

Các mắt cài

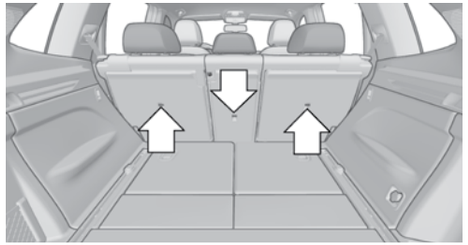

Chỉ sử dụng các mắt cài cho dây giữ phía trên để cố định hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ, nếu không có thể làm hỏng các mắt cài.◂

Sau khi điều chỉnh hoặc đặt lại ghế (hàng thứ hai)

Tuân theo các chú ý sau.

Nếu không có thể dẫn đến tử vong hoặc chấn thương nghiêm trọng.

Dùng tay lay thử ghế và lưng ghế để đảm bảo ghế và lưng ghế được khóa chắc chắn vào đúng vị trí

■ Dẫn hướng dây giữ

Dây giữ

Đảm bảo không luồn dây giữ phía trên qua các cạnh sắc và không làm xoắn dây khi nối với móc cài phía trên. Nếu không dây không thể cố định chắc chắn hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ em khi có tai nạn xảy ra.◂

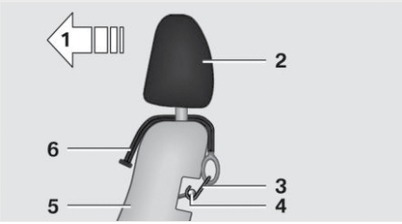

1. Hướng di chuyển
2. Tựa đầu
3. Móc cài dây giữ phía trên
4. Điểm/mắt cài
5. Tựa lưng ghế
6. Dây giữ phía trên

■ Nối dây giữ phía trên với mắt cài.

1. Nâng tựa đầu nếu cần thiết.
2. Dẫn hướng dây giữ phía trên vào giữa các thanh đỡ của tựa đầu.
3. Nếu có dây giữ, đi dây vào giữa tựa lưng và nắp khoang hành lý.
4. Nối các móc của dây giữ phía trên với các mắt cài.
5. Kéo dây giữ xuống để siết chặt dây.
6. Hạ thấp và khóa các tựa đầu khi cần thiết.

Khóa các cửa lên xuống xe và cửa kính

Các cửa sau

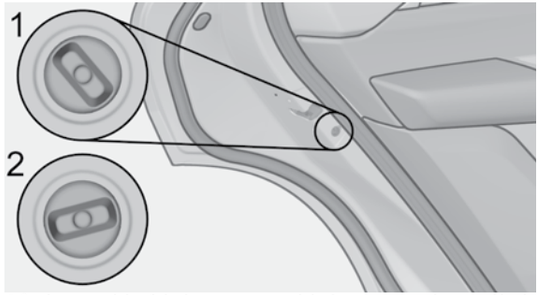

Sử dụng chìa khóa cơ, xoay khóa tương ứng với vị trí 1, có thể mở cửa sau từ bên trong và bên ngoài. Xoay khóa tương ứng với vị trí 2, chỉ có thể mở cửa sau từ bên ngoài.

Công tắc an toàn cho cửa kính sau

Ấn nút trên cửa xe bên lái để khóa điều chỉnh lên xuống kính trên các cửa sau.

Hành khách ở hàng ghế sau sẽ không điều chỉnh lên xuống được các cửa kính sau. Ấn công tắc an toàn khi có trẻ nhỏ trên xe, nếu không có thể gây thương tích cho trẻ khi đóng cửa kính mà không quan sát.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Công tắc động cơ

Khái niệm

Đảm bảo rằng cần số ở vị trí P. Nhấn và giữ bàn đạp phanh
Nhấn nút công tắc động cơ để khởi động.

Bật khóa điện

Nhấn nút công tắc động cơ nhưng không đạp phanh.

Tất cả các hệ thống của xe đã sẵn sàng hoạt động. Hầu hết các đèn cảnh báo và chỉ báo trong cụm đồng hồ sẽ sáng lên trong khoảng thời gian khác nhau.

Để tiết kiệm ắc quy khi động cơ không hoạt động, hãy tắt khóa điện và các hệ thống điện tử hoặc các thiết bị tiêu thụ điện không cần thiết.

Tắt khóa điện

Ấn nút công tắc động cơ lần nữa nhưng không đạp phanh.

Tất cả các đèn chỉ báo trong cụm đồng hồ tắt.
Để tiết kiệm ắc quy khi động cơ không hoạt động, tắt khóa điện và các hệ thống điện tử hoặc các thiết bị tiêu thụ điện không cần thiết.

Hộp số vị trí P với khi tắt khóa điện
Xe tự động vào số P khi tắt khóa điện. Ví dụ khi rửa xe tự động, hãy chắc chắn rằng bạn không vô tình tắt khóa điện◂

Khóa điện tự động tắt khi xe không chuyển động và động cơ dừng và:

- ▸ Khi khóa xe, và khi đèn cốt bật.
- ▸ Ngay trước khi ắc quy phóng điện hoàn toàn, vẫn có thể khởi động được động cơ. Chức năng này chỉ hoạt động khi tắt đèn cốt.
- ▸ Khi mở hoặc đóng cửa bên lái, dây đai an toàn ghế lái không được cài và đèn cốt tắt.
- ▸ Khi dây đai an toàn của ghế lái không được cài, nếu cửa bên lái mở và đèn cốt tắt.
- ▸ Đèn cốt chuyển sang đèn báo đỗ xe sau khoảng 15 phút không sử dụng.

Khi tắt khóa điện, mở hoặc đóng cửa bên lái, tháo dây đai an toàn của ghế lái sẽ vẫn kích hoạt trạng thái/chế độ chờ.

Chế độ chờ:

Ấn nút công tắc động cơ khi xe ở trang thái không hoạt động, chế độ chờ được kích hoạt. Chế độ chờ sẽ tự động tắt trong vòng 20 phút khi không sử dụng.

Khởi động động cơ

■ **Gợi ý**

Khu vực khép kín
Không để động cơ chạy trong các khu vực khép kín, người lái và hành khách trên xe có thể hít phải khí thải có thể dẫn đến bất tỉnh và tử vong. Khí thải có chứa carbon monoxit, một loại khí không màu, không mùi rất độc.◂

Không có người ở trong xe
Không để động cơ hoạt động khi không có người ở trong xe, làm vậy có thể gây nguy hiểm. Trước khi ra khỏi xe với động cơ đang chạy, cài phanh tay và cần số về vị trí P hoặc số trung gian để xe không thể di chuyển.◂

Khởi động động cơ nhiều lần
Tránh khởi động xe nhiều lần liên tiếp. Nếu không, nhiên liệu sẽ không được đốt cháy hoặc được đốt cháy không hoàn toàn gây quá nhiệt và làm hỏng bộ trung hòa khí xả.◂

Không cần thiết phải hâm nóng động cơ. Bắt đầu lái xe ngay với tốc độ động cơ vừa phải.

■ **Khởi động động cơ**

1. Nhấn bàn đạp phanh.
2. Ấn nút Công tắc động cơ.

Hệ thống khởi động tự động kích hoạt trong một khoảng thời gian nhất định và dừng lại ngay sau khi động cơ đã khởi động.

Dừng động cơ

■ **Tắt động cơ**

1. Chọn số P khi xe đã dừng
2. Ấn công tắc động cơ
   Động cơ tắt.
   Chế độ chờ bật.
3. Cài phanh tay.

Gợi ý

Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa
Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa khi ra khỏi xe để tránh trẻ nhỏ tự ý khởi động động cơ.◂

Cài phanh tay và các biện pháp bảo vệ cần thiết
Cài phanh tay khi đỗ xe, nếu không xe có thể chuyển động. Khi lên dốc hoặc xuống dốc, lưu ý bẻ vô lăng theo hướng của lề đường để đảm bảo an toàn hơn cho xe. ◂

Trước khi lái xe vào khu vực rửa xe

Để xe có thể di chuyển vào khu vực rửa xe, hãy lưu ý các thông tin có liên quan đến việc rửa xe tự động ➔*T.184*.

Chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động

Khái niệm

Chức năng Khởi động/Dừng tự động giúp tiết kiệm nhiên liệu. Hệ thống sẽ tắt động cơ khi xe dừng di chuyển, ví dụ như khi tắc đường hoặc dừng đèn giao thông. Khóa điện vẫn bật. Động cơ sẽ tự động khởi động trở lại và bạn có thể tiếp tục lái xe.

Một số bộ phận xe có thể bị mòn sớm hơn do ảnh hưởng của hệ thống này.

Chế độ tự động

Chức năng Khởi động/Dừng tự động hoạt động sau mỗi lần khởi động động cơ.

Chức năng này được kích hoạt ở tốc độ xe đạt khoảng 8 km/h.

Tắt động cơ

Động cơ tự động tắt khi dừng xe và thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Cần số ở vị trí D.
- Bàn đạp phanh vẫn được nhấn khi xe đứng yên.
- Dây đai an toàn ghế lái được cài và cửa xe bên lái được đóng.

■ Hiển thị trong cụm đồng hồ

Ⓐ Màn hình chỉ báo chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động đã sẵn sàng để khởi động động cơ tự động.

Ⓐ OFF Màn hình chỉ báo chưa đủ điều kiện để dừng động cơ tự động.

■ Lưu ý

Động cơ sẽ không tự động tắt trong các trường hợp sau:

- Nhiệt độ bên ngoài quá thấp.
- Nhiệt độ bên ngoài cao, hệ thống điều khiển điều hòa không khí tự động đang hoạt động ở mức cao.
- Khoang hành khách chưa được sưởi ấm hoặc làm mát đến mức yêu cầu.
- Động cơ chưa đạt đến nhiệt độ hoạt động.
- Bánh xe đang xoay hoặc vô lăng đang được đánh lái.
- Sau khi lái xe số lùi hoặc dừng ở vị trí đỗ xe P.
- Sương mù trên cửa kính khi đang bật hệ thống điều khiển điều hòa không khí tự động.
- Ắc quy trong tình trạng không tốt.
- Nắp ca pô đang mở.

Khởi động động cơ

Động cơ tự động khởi động lại khi nhả bàn đạp phanh.

Sau khi động cơ khởi động, tăng tốc xe như bình thường.

■ Chế độ an toàn

Sau khi động cơ tự động tắt sẽ không tự khởi động lại trong các trường hợp dưới đây:

- Không cài dây đai an toàn của ghế lái hoặc cửa bên lái mở.

Các đèn báo sáng trong khoảng thời gian khác nhau

Chỉ có thể khởi động động cơ bằng nút công tắc động cơ.

■ Lưu ý

Dù không có ý định lái xe đi tiếp, động cơ đã dừng sẽ tự động khởi động trong các trường hợp sau:

- Khoang khách quá nóng trong khi hệ thống điều hòa không khí tự động đang bật chức năng làm mát.
- Đánh lái vô lăng.
- Vị trí hộp số thay đổi từ D sang N, R hoặc M/S.
- Vị trí hộp số thay đổi từ P sang N, D, R hoặc M/S.
- Xe bắt đầu lăn bánh.
- Sương mù trên kính khi đang bật hệ thống điều khiển điều hòa không khí tự động.
- Ắc quy trong tình trạng không tốt.
- Khoang khách quá lạnh trong khi hệ thống điều hòa không khí tự động đang bật chức năng sưởi.
- Áp lực chân không của bầu trợ lực phanh thấp. Ví dụ bàn đạp phanh phải nhấn nhiều lần liên tiếp.

Tránh để động cơ dừng tự động

■ Khái niệm

Ở nút giao thông, lái xe ngay có thể ngăn chặn việc dừng động cơ tự động.

■ Ngăn động cơ dừng tự động bằng việc sử dụng bàn đạp phanh

Có thể ngăn động cơ dừng trong vòng 1 giây sau khi xe dừng chuyển động

- Ngay sau khi xe dừng, nhấn mạnh bàn đạp phanh
- Sau đó đạp bàn đạp phanh bằng lực thông thường

■ Kích hoạt/tắt hệ thống bằng tay

Ấn nút.

▸ Đèn báo màu đỏ: Chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động tắt.

Trong trường hợp chức năng khởi động/Dừng động cơ tự động đang được kích hoạt, động cơ sẽ tự khởi động ngay sau khi tắt chức năng này

Trong trường hợp bình thường, động cơ sẽ được khởi động thông qua công tắc động cơ.

▸ Đèn báo màu xanh: Chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động được kích hoạt.

■ Dừng hẳn xe khi chức năng dừng động cơ tự động được kích hoạt

Khi động cơ dừng tự động, bạn có thể dừng hẳn xe, bằng cách thực hiện các bước sau, ví dụ trong trường hợp rời khỏi xe.

1. Nhấn công tắc động cơ để tắt khóa điện. Chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động tắt. Hộp số tự động gài về số P.
2. Đặt phanh tay.
   Sau đó, động cơ có thể khởi động bình thường thông qua công tắc động cơ.

Tắt chức năng Khởi động/Dừng động cơ một cách tự động

Trong những trường hợp nhất định, chức năng Khởi động/Dừng động cơ tự động sẽ tự động tắt vì lý do an toàn, ví dụ khi hệ thống phát hiện người lái rời khỏi xe.

■ Lỗi

Nếu tính năng Khởi động/Dừng động cơ tự động không thể điều khiển động cơ một cách tự động nữa, màn hình hiển thị thông báo kiểm tra. Bạn vẫn có thể tiếp tục lái xe. Tuy nhiên, cần kiểm tra lại hệ thống.

Khởi động động cơ khẩn cấp

Khởi động động cơ bằng chế độ khẩn cấp trên chìa khóa điều khiển từ xa

Nếu màn hình hiển thị thông báo kiểm tra (ví dụ pin chìa khóa yếu), đặt chìa khóa điều khiển từ xa trong khoang chứa đồ nhỏ dưới tựa tay trước như hình minh họa.

Ấn nút công tắc động cơ trong vòng 10 giây trong khi nhấn bàn đạp phanh.

Nếu không hiệu quả, hãy thay đổi một chút vị trí của chìa khóa điều khiển từ xa và lặp lại quy trình trên.

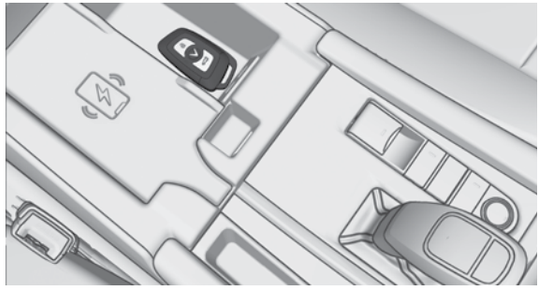

Phanh tay

Khái niệm

Phanh tay được sử dụng để ngăn không cho xe lăn bánh trong khi đỗ xe.

Cài đặt

Kéo công tắc. Đèn LED trên công tắc và đèn chỉ báo trong cụm đồng hồ sáng. Phanh tay đã được cài đặt.

Khi lên dốc hoặc xuống dốc, lưu ý bẻ vô lăng theo hướng của lề đường để đảm bảo an toàn cho xe. ◂

Trong khi lái xe

Dừng đỗ khẩn cấp trong khi lái xe

Kéo công tắc và giữ. Xe sẽ phanh từ từ khi kéo công tắc.

Đèn báo sáng màu đỏ, có chuông tín hiệu và đèn phanh sáng.

Phanh tay được kích hoạt khi tốc độ xe giảm xuống còn dưới 3km/h.

Nhả phanh

Khi công tắc động cơ bật:

Nhấn nhẹ công tắc trong khi đạp phanh hoặc cài số P. Đèn LED trên công tắc và đèn báo trong cụm đồng hồ tắt.

Phanh tay được nhả ra.

Nhả tự động

Để nhả tự động, hãy sử dụng bàn đạp ga/chân ga.

Khi nhả phanh tay, đèn LED và đèn báo sẽ tắt. Với các điều kiện dưới đây, phanh tay sẽ tự động nhả bằng việc sử dụng bàn đạp ga/chân ga:

- ▸ Động cơ đang chạy
- ▸ Vào số
- ▸ Dây đai an toàn ghế lái được cài và các cửa đều đóng

Sơ ý vận hành bàn đạp ga/chân ga
Đảm bảo không sử dụng bàn đạp ga/chân ga một cách không chủ ý, nếu không xe sẽ di chuyển và có nguy cơ gặp tai nạn.◂

Mang theo chìa khóa điều khiển từ xa bên mình khi ra khỏi xe để tránh trẻ nhỏ có thể vô ý nhả phanh tay.◂

Lỗi

Trong trường hợp lỗi phanh tay, hãy sử dụng chặn bánh xe để đảm bảo xe không lăn bánh khi ra khỏi xe.

Đèn báo rẽ, đèn pha, công tắc nháy đèn pha

Đèn báo rẽ

Không gập gương chiếu hậu bên ngoài
Không gập gương chiếu hậu bên ngoài khi đang lái xe và khi các đèn báo rẽ/đèn cảnh báo đang hoạt động, nếu không các đèn nháy phụ trên gương chiếu hậu sẽ không còn nằm ở vị trí quy định và gây khó nhìn cho người lái.◂

Gương sẽ tự động mở ra trong trường hợp tốc độ xe vượt qua một tốc độ nhất định.◂

Sử dụng đèn báo rẽ

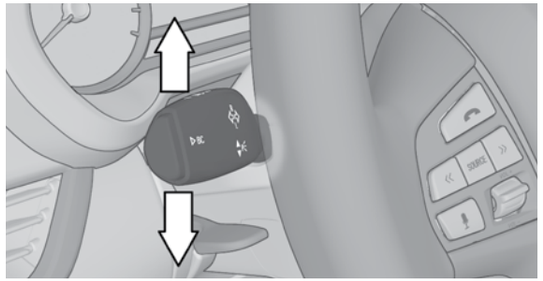

Gạt cần đến hết hành trình để bật báo rẽ.

Để tắt, đưa cần gạt về vị trí ban đầu

Đèn nháy bất thường báo hiệu đèn báo rẽ đã bị hỏng.

■ **Kích hoạt báo rẽ ba lần**

Gạt cần nửa hành trình. Đèn báo rẽ sẽ nháy 3 lần.

■ **Báo rẽ nhanh**

Gạt cần nửa hành trình và giữ ở vị trí đó trong khoảng thời gian mà bạn muốn đèn báo rẽ sáng.

Đèn pha, công tắc nháy đèn pha

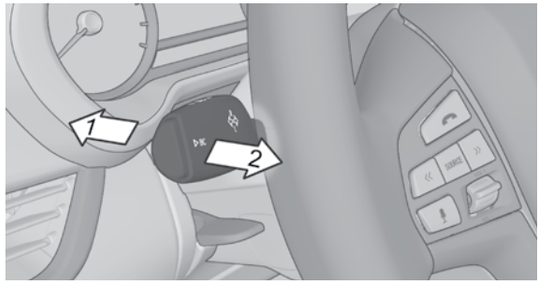

- ▸ Để bật đèn pha, gạt theo hướng 1.
- ▸ Nháy đèn pha, gạt theo hướng 2.

Hệ thống rửa kính

Bật/tắt cần gạt nước và chế độ gạt nước một lần

Không bật cần gạt nước khi có dấu hiệu đóng băng trên kính.
Không bật cần gạt nước khi có dấu hiệu đóng băng trên kính chắn gió, nếu không có thể làm hỏng lưỡi cần gạt và mô tơ gạt nước kính chắn gió.◂

Không dùng cần gạt nước khi không có nước trên kính chắn gió
Không bật cần gạt nước khi có dấu hiệu đóng băng trên kính chắn gió vì có thể làm hỏng lưỡi gạt hoặc gây mòn lưỡi gạt nhanh.◂

■ **Bật**

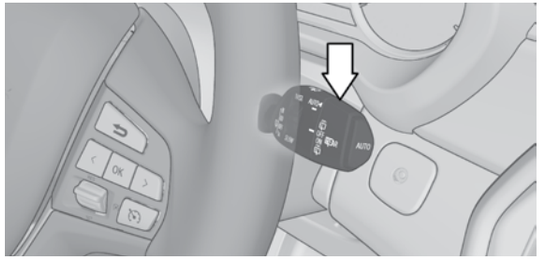

Kéo cần gạt nước lên.
Khi nhả, cần gạt sẽ tự động trở về vị trí ban đầu.

▸ Tốc độ gạt nước thông thường: kéo lên một lần. Cần gạt nước chuyển sang chế độ hoạt động ngắt quãng khi xe đứng yên.
▸ Tốc độ gạt nước nhanh: kéo hai lần hoặc kéo một lần đến hết hành trình.
Nếu đang ở chế độ gạt nước nhanh, cần gạt nước sẽ chuyển sang tốc độ thông thường khi xe đứng yên.

■ **Tắt cần gạt nước và chế độ gạt nước một lần**

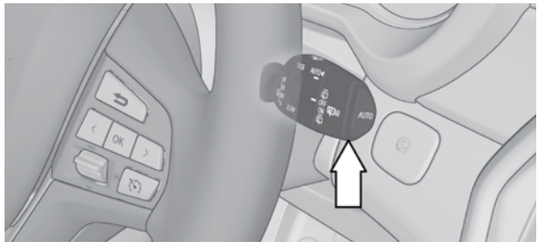

Kéo cần gạt nước xuống.
Khi nhả, cần gạt sẽ tự động trở về vị trí ban đầu.

▸ Chế độ gạt nước một lần: kéo xuống một lần
▸ Để tắt chế độ gạt nước thông thường: kéo xuống một lần

▸ Để tắt chế độ gạt nước nhanh: kéo xuống hai lần

Cảm biến mưa

■ **Khái niệm**

Cảm biến mưa tự động kiểm soát thời gian giữa các lần gạt nước dựa vào cường độ mưa. Cảm biến mưa nằm trên kính chắn gió, ngay sau gương chiếu hậu bên trong xe.

■ **Kích hoạt/vô hiệu hóa**

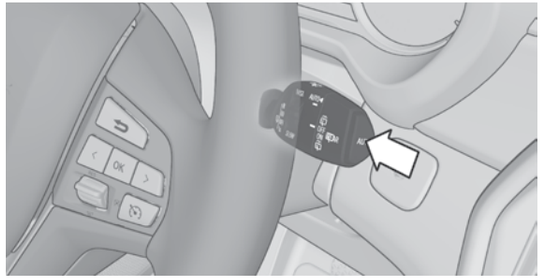

Nhấn nút trên cần gạt nước để bật. Nhấn một lần nữa để tắt.
Đèn LED sáng và cần gạt nước bắt đầu hoạt động. Cần gạt nước sẽ không hoạt động khi có băng trên kính chắn gió.

Tắt cảm biến mưa khi rửa xe
Tắt cảm biến mưa khi xe đi qua máy rửa xe tự động, nếu không có thể gây hư hỏng khi kích hoạt gạt nước ngoài ý muốn.◂

■ **Độ nhạy cảm biến mưa**

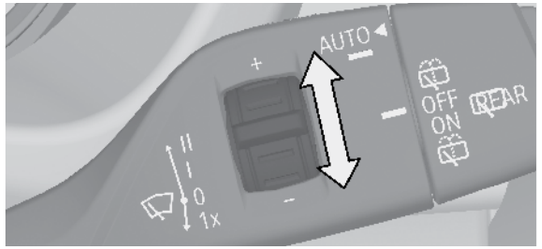

Vặn núm điều chỉnh.

Rửa kính chắn gió

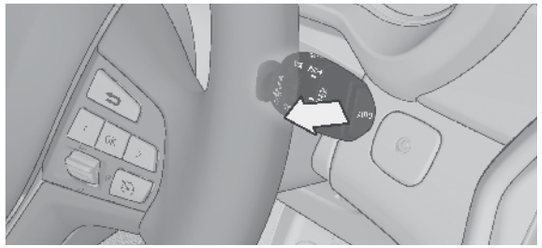

Kéo cần gạt nước về phía sau.

Hệ thống phun nước rửa lên trên kính chắn gió và kích hoạt chế độ gạt nước một lần.

Không sử dụng hệ thống rửa kính ở nhiệt độ đóng băng
Không sử dụng hệ thống rửa kính nếu nhận thấy dung dịch nước rửa sẽ đóng băng trên kính chắn gió, nếu không có thể gây che khuất tầm nhìn. Vì vậy hãy sử dụng chất chống đông.

Tránh sử dụng hệ thống rửa kính khi bình đựng nước rửa kính trống rỗng, nếu không có thể làm hỏng bơm.◂

Vòi phun nước rửa kính chắn gió

Vòi phun nước rửa kính chắn gió tự động được sấy nóng khi bật khóa khởi động.

Cần gạt nước kính sau

Bật cần gạt nước kính sau

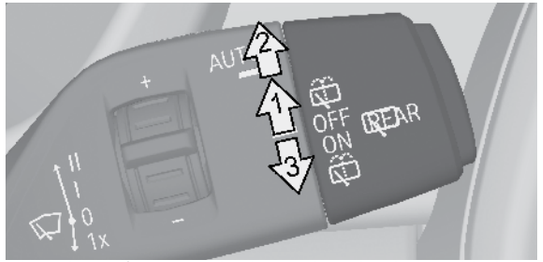

Vặn công tắc sang vị trí ON, theo hướng mũi tên 1: chế độ gạt ngắt quãng. Khi cài số lùi, hệ thống chuyển sang chế độ vận hành liên tục.

Rửa cửa kính sau

Khi công tắc ở vị trí ON: vặn công tắc lên xa hơn, theo hướng mũi tên 2. Khi nhả công tắc sẽ tự động trở về vị trí ON.

Khi công tắc ở vị trí OFF: vặn công tắc xuống, theo hướng mũi tên 3 . Khi nhả công tắc sẽ tự động trở về vị trí OFF.

Đưa cần gạt nước về vị trí sửa chữa

Đưa cần gạt nước về vị trí sửa chữa ví dụ như khi thay các lưỡi gạt hoặc trong điều kiện băng giá.

1. Bật công tắc khởi động và tắt.
2. Đảm bảo các lưỡi gạt không bị đóng băng trên kính chắn gió trong điều kiện băng giá.
3. Nhấn cần gạt nước đến hết hành trình và giữ khoảng 3 giây cho đến khi cần gạt nước nằm ở vị trí gần như thẳng đứng.
4. Sau khi sửa chữa hoàn tất. Bật khóa điện, cần gạt nước sẽ tự động trở về vị trí ban đầu.

Nước rửa kính

Thông tin chung

Chất chống đông nước rửa kính
Chất chống đông dễ cháy và có thể gây thương tích nếu không được sử dụng đúng cách.
Vì vậy, để chất chống đông cách xa các nguồn đánh lửa.
Để chất chống đông trong hộp đựng kín ban đầu và cách xa tầm với của trẻ nhỏ.
Tuân theo các lưu ý và chỉ dẫn trên hộp đựng.

Bình chứa nước rửa kính

Thêm nước rửa kính
Chỉ thêm nước rửa khi động cơ nguội, sau đó đóng kín nắp bình chứa để ngăn nước rửa tiếp xúc với các chi tiết nóng của động cơ.
Nước rửa kính bị đổ ra có thể gây hỏa hoạn và thương tích.◂

Tất cả các vòi phun nước rửa kính đều lấy nước từ một bình.

Đổ vào bình chứa hỗn hợp dung dịch nước rửa kính chắn gió cô đặc và nước tinh khiết. Nếu cần thiết, bổ sung chất chống đông theo khuyến nghị

của nhà sản xuất.

Pha nước rửa kính theo đúng tỉ lệ được khuyến cáo trước khi đổ vào bình chứa.

Không thêm nước rửa kính chắn gió cô đặc và chất chống đông chưa pha loãng và không đổ nước tinh khiết vào bình chứa, nếu không có thể làm hỏng hệ thống gạt nước.
Không pha trộn nước rửa kính của nhiều nhà sản xuất, nếu không có thể gây tắc vòi phun nước rửa kính chắn gió.
Đổ vào bình chứa tối thiểu: 1 lít.

Hộp số tự động Steptronic

Vị trí cần số

■ D: số tiến, vị trí tự động

Vị trí số dùng trong điều kiện lái xe thông thường. Có thể tiến lên mọi số.

■ R: số lùi

Chỉ cài số lùi khi xe đứng yên.

■ N: số trung gian

Ví dụ, xe có thể lăn khi cài số trung gian trong nhà rửa xe tự động.
Khi tắt khóa điện ➔*T.56*, xe tự động cài số P.

■ P: Đỗ xe

Chỉ cài khi xe đứng yên. Các bánh xe sẽ bị khóa.
Tự động cài vị trí P:

- ▸ Sau khi tắt động cơ khi xe đang ở trạng thái chờ hoặc khi tắt khóa điện và khi đang cài số R hoặc D.
- ▸ Khi tắt khóa điện, nếu đang cài số N.
- ▸ Nếu dây đai an toàn được tháo khóa, cửa bên lái mở và không nhấn bàn đạp phanh trong khi xe đang đứng yên và cài số D hoặc R.

Trước khi ra khỏi xe, đảm bảo xe ở vị trí cần số P trên hộp số tự động. Nếu không xe có thể tự lăn bánh.

■ Chế độ tăng tốc tức thời

Nhấn bàn đạp ga đến hết hành trình tại vị trí bướm ga mở hoàn toàn.

Cài vị trí cần số

- ▸ Khi xe đứng yên và không nhấn bàn đạp phanh, không thể cài sang số khác khi xe đang cài số P
- ▸ Khi xe đứng yên, nhấn bàn đạp phanh trước khi chuyển số từ vị trí P hoặc N, nếu không sẽ không thể thực hiện lệnh sang số: xe vẫn ở trạng thái khóa sang số.

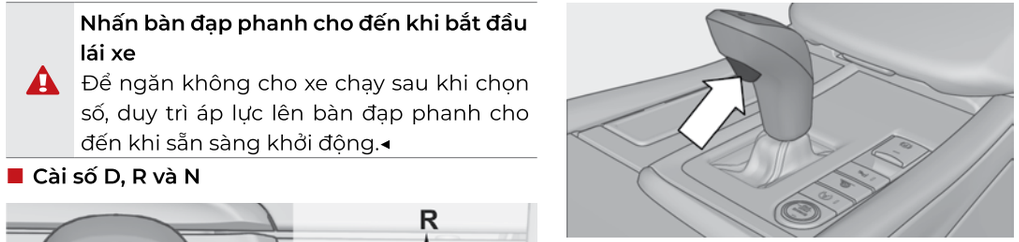

Nhấn bàn đạp phanh cho đến khi bắt đầu lái xe
Để ngăn không cho xe chạy sau khi chọn số, duy trì áp lực lên bàn đạp phanh cho đến khi sẵn sàng khởi động.◂

■ Cài số D, R và N

Đẩy cần số để cài vị trí số mong muốn
Sau khi nhả, cần số quay về vị trí chính giữa.

Ấn nút mở khóa để:

- ▸ Cài số R.
- ▸ Thoát số P.

■ Cài số P

Ấn nút P.

■ **Kích hoạt chế độ điều khiển bằng tay**

1. Đẩy cần số sang bên trái ra khỏi vị trí D.
2. Đẩy cần số về phía trước hoặc kéo về phía sau.
   Chế độ điều khiển bằng tay được kích hoạt và đổi số.
   Cụm đồng hồ hiển thị số được chọn, ví dụ: M1.
   Một khi động cơ đạt tốc độ vòng quay tối đa, chế độ điều khiển bằng tay tự động sang số cao khi cần thiết.

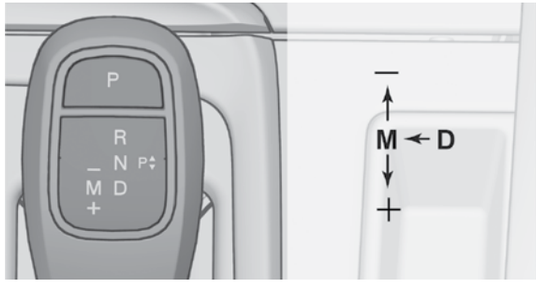

■ **Chuyển sang chế độ điều khiển bằng tay**

▸ Để sang số thấp: đẩy cần số về phía trước.
▸ Để sang số cao: kéo cần số về phía sau.

Chỉ có thể sang số khi động cơ và xe ở tốc độ phù hợp, ví dụ: không thể sang số thấp khi tốc độ vòng quay động cơ quá lớn.

Cụm động hồ sẽ hiển thị nhanh số được chọn, theo sau là số hiện tại.

■ **Kết thúc chế độ điều khiển bằng tay**

Ấn cần số về phía bên phải. Số D sẽ hiển thị trên cụm đồng hồ.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Cụm đồng hồ

Tổng quan, cụm điều khiển

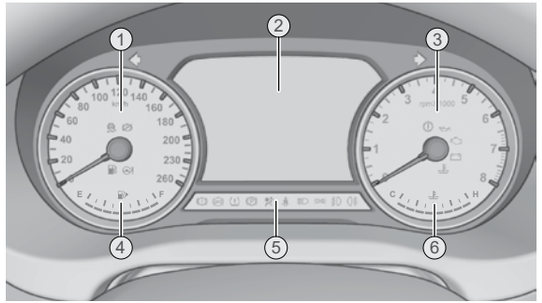

1. Đồng hồ hiển thị vận tốc
2. Màn hình LCD
3. Đồng hồ đo tốc độ vòng quay động cơ
4. Đồng hồ nhiên liệu
5. Đèn chỉ báo
6. Nhiệt độ nước làm mát động cơ

Tổng quan, màn hình LCD

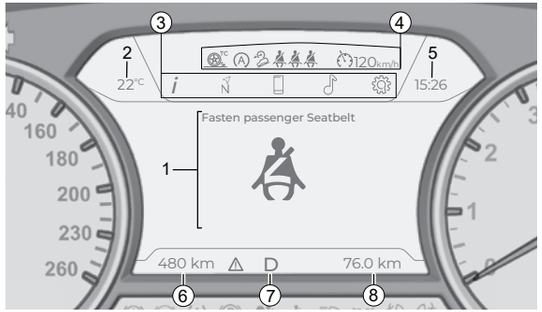

1. Màn hình cảnh báo
2. Nhiệt độ bên ngoài
3. Menu
4. Hệ thống thông tin cho người lái
5. Thời gian
6. Đồng hồ đo quãng đường
7. Vị trí cần số
8. Đồng hồ đo hành trình

Khu vực 4 có thể thể hiện các đèn hiển thị như sau:

- Chế độ ưu tiên lực kéo
- Hệ thống Khởi động - Dừng động cơ tự động
- Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn
- Hệ thống kiểm soát hành trình
- Hệ thống hỗ trợ đổ đèo

Hệ thống tự động kiểm tra

Khái niệm

Hệ thống tự động kiểm tra sẽ theo dõi các tính năng trong xe và cảnh báo cho lái xe tình trạng lỗi trong hệ thống được theo dõi

Màn hình hiển thị thông báo lỗi kết hợp với đèn báo hoặc đèn cảnh báo và tin nhắn bằng chữ trong cụm đồng hồ.

Ngoài ra, sẽ có thể phát tín hiệu âm thanh và thông báo bằng chữ trên màn hình điều khiển

Đèn chỉ báo/Đèn cảnh báo

Chỉ báo và đèn cảnh báo trong cụm đồng hồ có thể cùng sáng lên với màu sắc khác nhau.

Khi khởi động động cơ hoặc bật khóa khởi động, một số đèn chức năng sẽ sáng lên và chỉ sáng tạm thời sau một thời gian nhất định

■ Tổng quan: Đèn chỉ báo/Đèn cảnh báo

Biểu tượng tính năng hoặc hệ thống

- Đèn báo rẽ
- Phanh tay
- Đèn sương mù phía sau
- Đèn sương mù phía trước
- Đèn pha

- Đèn vị trí
- Hệ thống điều khiển cân bằng điện tử ESC
- Đèn chỉ báo lỗi động cơ
- Phanh
- Cảnh báo áp suất lốp
- Cảnh báo dây đai an toàn
- Đèn cảnh báo túi khí
- Cảnh báo hệ thống trợ lực lái
- Cảnh báo hệ thống chống bó cứng phanh ABS
- Cảnh báo hộp số
- Cảnh báo sắp hết nhiên liệu
- Cảnh báo hệ thống sạc điện
- Cảnh báo nhiệt độ nước làm mát
- Đèn cảnh báo mức dầu động cơ
- Hệ thống kiểm soát hành trình
- Có ít nhất 1 thông báo kiểm tra được hiển thị hoặc lưu trữ

■ Thông báo bằng chữ

Thông báo bằng chữ kèm theo biểu tượng trên cụm đồng hồ đi kèm với ý nghĩa của các đèn cảnh báo và hiển thị.

■ Thông báo phụ bằng chữ

Có thể tra cứu thông tin bổ sung như nguyên nhân gây lỗi hoặc biện pháp khắc phục thông qua

hệ thống kiểm tra tự động.

Thông tin bổ sung của tin nhắn khẩn cấp tự động hiển thị trên màn hình điều khiển

■ **Biểu tượng**

Tùy theo thông điệp cảnh báo có thể thực hiện các bước dưới đây.

- ▸ [i] "Sách hướng dẫn sử dụng"
  Tra cứu sách hướng dẫn sử dụng
- ▸ ⚠ Yêu cầu dịch vụ" Liên hệ nhà phân phối"

Ẩn thông báo kiểm tra

OK Nhấn nút OK trên cụm công tắc trên vô lăng.

- ▸ Màn hình không ngừng hiển thị một số thông báo kiểm tra cho đến khi lỗi chức năng được khắc phục. Nếu xảy ra nhiều lỗi cùng lúc, màn hình hiển thị thông báo liên tiếp.

  Có thể ẩn các thông báo này sau khoảng 10 giây. Sau đó, thông báo sẽ tự động hiển thị lại.
- ▸ Các thông báo kiểm tra khác tự động ẩn sau khoảng 20 giây. Thông báo được lưu và sẽ hiện lại sau đó.

Hiện thông báo kiểm tra đã lưu

1. "Thông tin xe"
2. "Tình trạng xe"
3. ⚠"Kiểm tra"
4. Lựa chọn thông báo bằng chữ.

Thông báo sau khi kết thúc hành trình

Các thông báo đặc biệt hiển thị trong quá trình lái xe sẽ hiển thị lại sau khi khóa khởi động tắt.

Đồng hồ nhiên liệu

Xe nằm trên mặt phẳng nghiêng có thể khiến đồng hồ chỉ thị không đúng.

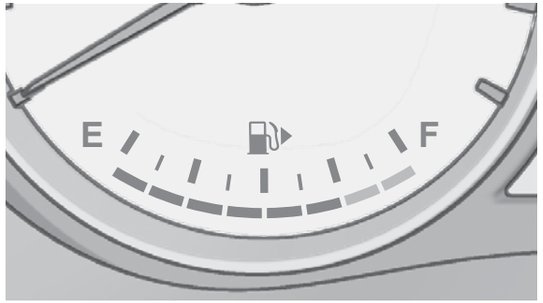

Đồng hồ đo tốc độ vòng quay động cơ

Tránh để động cơ chạy ở vùng tốc độ màu đỏ. Trong phạm vi này, nhiên liệu sẽ không được cung cấp liên tục để bảo vệ động cơ.

Đồng hồ nhiệt độ dung dịch nước làm mát

- ▸ Động cơ nguội: kim chỉ ở mức nhiệt độ thấp. Lái xe ở tốc độ vừa phải
- ▸ Nhiệt độ hoạt động bình thường: kim chỉ ở giữa hoặc bên trái của màn hình nhiệt độ.
- ▸ Động cơ nóng: kim chỉ ở phần bên phải của màn hình nhiệt độ. Màn hình có thể hiển thị thông báo kiểm tra.

Nếu dung dịch làm mát và động cơ quá nóng, màn hình hiển thị thông báo kiểm tra. Kiểm tra mức dung dịch nước làm mát ➔*T.160*

Phạm vi đi được còn lại

Sau khi đạt đến phạm vi đi được còn lại cho phép:

- ▸ Màn hình hiển thị thông báo.
- ▸ Phạm vi đi được còn lại hiển thị trên máy tính.

Màn hình liên tục hiển thị thông báo khi phạm vi đi được còn lại dưới 80 km.

Nạp nhiên liệu ngay

Bổ sung nhiên liệu ngay khi **cảnh báo sắp hết nhiên liệu** xuất hiện với phạm vi đi được còn lại (➔*T.75*), nếu không sẽ không đảm bảo hoạt động của động cơ và có thể xảy ra hư hỏng.

Hiển thị phạm vi hành trình

1. "Cài đặt"
2. "Màn hình thông tin"

3. “Hiển thị bổ sung”
Phạm vi đi được còn lại hiển thị trên cụm đồng hồ.

Mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại

Màn hình hiển thị lượng tiêu hao nhiên liệu hiện tại. Bạn có thể kiểm tra xem mình đang lái xe hiệu quả và thân thiện với môi trường hay không

Màn hình hiển thị lượng tiêu hao nhiên liệu hiện tại.

1. “Cài đặt”
2. “Màn hình thông tin”
3. “Hiển thị bổ sung”

Màn hình vạch tiêu thụ nhiên liệu hiện tại thể hiện trên cụm đồng hồ

Hiển thị vị trí cần số

Khái niệm

Hệ thống sẽ khuyến nghị số phù hợp nhất và hiệu quả nhất với nhiên liệu cho tình trạng lái xe hiện tại. Tùy theo trang bị của xe và phiên bản xe, có thể bật thủ công bộ hiển thị vị trí cần số của hộp số tự động.

Trên các xe không có bộ hiển thị cần số, màn hình hiển thị số đang hoạt động.

Hiển thị trong màn hình thông tin

Thông tin từ máy tính được thể hiện trong màn hình thông tin trên bảng táp lô.

Tìm thông tin trên màn hình thông tin

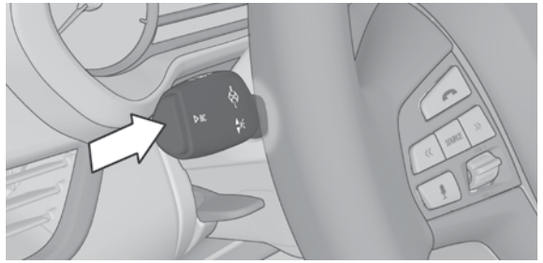

Nhấn nút máy tính trên cần gạt bên trái.
Thông tin được thể hiện trên màn hình thông tin của bảng táp lô.

Thông tin tổng quát

Nhấn liên tục nút trên cần gạt đèn báo rẽ sẽ hiện ra màn hình thông tin dưới đây:

- ▸ Phạm vi đi được còn lại.
- ▸ Mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình
- ▸ Số km hành trình

Đối với màn hình điều khiển đa năng

- ▸ Mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại

Đối với màn hình điều khiển đa năng

- ▸ Tốc độ trung bình
- ▸ Ngày

Không dành cho màn hình điều khiển đa năng

- ▸ Thời gian đến

Khi kích hoạt chế độ dẫn đường trong hệ thống định vị

- ▸ Khoảng cách tới điểm đến

Khi kích hoạt chế độ dẫn đường trong hệ thống định vị

- ▸ Mũi tên của hệ thống định vị

Khi kích hoạt chế độ dẫn đường trong hệ thống định vị

Thông tin chi tiết

■ **Phạm vi đi được còn lại**

Hiển thị phạm vi đi được ước tính với mức nhiên liệu còn lại.

Phạm vi đi được tính toán dựa trên cách lái xe trong vòng 30km gần nhất.

Nếu chỉ còn đủ nhiên liệu cho dưới 80km, màn hình sẽ đổi màu.

■ **Mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình**

Mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được tính trong khoảng thời gian động cơ đang hoạt động. Mức tiêu thụ nhiên liệu trung bình được tính cho quãng đường đã đi từ lần thiết lập lại gần nhất.

■ **Tốc độ trung bình**

Khoảng thời gian đỗ xe và dừng động cơ sẽ không được tính vào tốc độ trung bình.

■ **Cài đặt lại giá trị trung bình**

Để thiết lập lại các giá trị trung bình, nhấn nút OK trên vô lăng.

■ **Khoảng cách tới đích đến**

Khoảng cách còn lại tới điểm đến chỉ được hiển thị trên màn hình hệ thống định vị.

■ **Thời gian dự tính**

Thời gian đến ước tính được hiển thị nếu điểm đến được nhập vào hệ thống định vị trước khi bắt đầu xuất phát.
Thời gian phải được cài đặt chính xác.

Nhật ký hành trình

Chiếc xe này được trang bị 3 loại nhật ký hành trình.

Hành trình A:	Thường xuyên thiết lập lại giá trị khi cần.
Hành trình B:	Thường xuyên thiết lập lại giá trị khi cần
Tổng quãng đường:	Giá trị không thể thiết lập lại được.

■ **Thiết lập lại nhật ký hành trình**

1. Tìm hành trình A hoặc hành trình B
2. Nhấn và giữ nút OK
3. Tất cả các giá trị được cài đặt lại.

Hiển thị trên màn hình điều khiển

Hiển thị trên máy tính bảng hoặc nhật ký hành trình trên màn hình hiển thị

1. "Thông tin xe"
2. "Thông tin tổng hợp" hoặc "nhật ký hành trình"

■ **Cài đặt mức tiêu thụ nhiên liệu**

1. Chuyển đến mức tiêu thụ nhiên liệu
2. Nhấn và giữ nút OK
3. Tất cả các giá trị được cài đặt lại.

Cảnh báo tốc độ

Khái niệm

Hiển thị giới hạn tốc độ mà khi xe đạt đến tốc độ đó thì hệ thống sẽ phát cảnh báo.
Thông báo sẽ lại hiện ra khi tốc độ của xe đã giảm xuống ít nhất 5km/h so với tốc độ giới hạn cài đặt.

Hiển thị, cài đặt hoặc thay đổi giới hạn

1. "Thiết lập"
2. "Giới hạn tốc độ"
3. "Nhấn OK để thiết lập"
4. Nhấn nút tiến/lùi trên vô lăng cho đến khi hiển thị giới hạn mong muốn.
5. Nhấn OK để kết thúc. Giới hạn tốc độ được lưu.

Kích hoạt/ngừng kích hoạt giới hạn

1. "Thiết lập"
2. "Giới hạn tốc độ"
3. "Cảnh báo"

Cài đặt tốc độ hiện tại làm giới hạn

1. "Thiết lập"
2. "Giới hạn tốc độ"
3. "Lựa chọn tốc độ hiện tại"
4. Nhấn OK để kết thúc.

Tốc độ hiện tại của xe được lưu làm tốc độ giới hạn.

Cài đặt trên màn hình điều khiển

Thời gian

■ **Cài đặt múi giờ**

1. "Thiết lập"
2. "Thời gian/Ngày"
3. "Múi giờ"
4. Lựa chọn múi giờ mong muốn.

Múi giờ đã được lưu.

■ **Cài đặt thời gian**

1. "Thiết lập"
2. "Thời gian/Ngày"
3. "Thời gian:"
4. Nhấn nút tiến/lùi trên vô lăng cho đến khi hiển thị số giờ mong muốn.
5. Nhấn chọn để kết thúc
6. Nhấn nút tiến/lùi trên vô lăng cho đến khi hiển thị số phút mong muốn.
7. Nhấn OK để kết thúc.

Thời gian đã được lưu.

■ **Cài đặt định dạng thời gian**

1. "Thiết lập"
2. "Thời gian/Ngày"
3. "Định dạng:"

4. Lựa chọn định dạng mong muốn.
Định dạng thời gian đã được lưu.

■ **Cài đặt thời gian tự động**

Tùy vào phiên bản, thời gian, ngày và múi giờ sẽ được tự động cập nhật nếu cần thiết.
1. "Thiết lập"
2. "Thời gian/Ngày"
3. "Cài đặt thời gian tự động"

Ngày

■ **Cài đặt ngày**

1. "Thiết lập"
2. "Thời gian/Ngày"
3. "Ngày:"
4. Nhấn nút tiến/lùi trên vô lăng cho đến khi hiển thị ngày mong muốn.
5. Nhấn bộ điều khiển.
6. Thực hiện cài đặt cần thiết đối với tháng và năm.

Ngày đã được lưu.

■ **Cài đặt định dạng ngày tháng**

1. "Thiết lập"
2. "Thời gian/Ngày"
3. "Định dạng:"
4. Lựa chọn định dạng mong muốn.

Định dạng ngày tháng đã được lưu.

Ngôn ngữ

■ **Cài đặt ngôn ngữ**

Để cài đặt ngôn ngữ trên Màn hình điều khiển:
1. "Thiết lập"
2. "Ngôn ngữ/Đơn vị"
3. "Ngôn ngữ:"
4. Lựa chọn ngôn ngữ mong muốn.

Cài đặt được lưu lại cho chìa khóa điều khiển từ xa đang sử dụng.

■ **Cài đặt hội thoại bằng giọng nói**

Hội thoại bằng giọng nói đối với hệ thống kích hoạt giọng nói.

Độ sáng

■ **Cài đặt độ sáng**

Để cài đặt độ sáng trên Màn hình điều khiển:
1. "Thiết lập"
2. " Màn hình điều khiển"
3. "Độ sáng"
4. Nhấn nút tiến/lùi trên vô lăng cho đến khi đạt được độ sáng mong muốn.
5. Nhấn OK để kết thúc.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong model sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Tổng quan

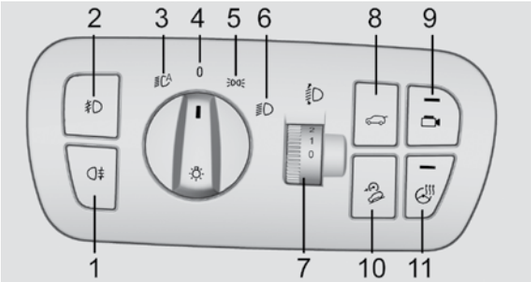

1. Đèn sương mù phía sau
2. Đèn sương mù phía trước
3. Chế độ đèn tự động, các đèn báo, đèn ban ngày
4. Tắt đèn, chỉ còn đèn ban ngày
5. Đèn báo đỗ xe - Đèn vị trí, đèn ban ngày
6. Đèn cốt, các đèn báo
7. Điều chỉnh phạm vi chiếu sáng đèn pha
8. Mở cửa hậu
9. Camera toàn cảnh
10. Hệ thống hỗ trợ xuống dốc HDC
11. Sưởi vô lăng

Đèn báo đỗ xe/đèn cốt, điều chỉnh cụm đèn pha

Thông tin chung

Vị trí công tắc: 0, ≡D, ≡D

Đèn ngoài xe sẽ tự động tắt khi cửa bên lái mở và tắt khóa điện.

Đèn vị trí

Vị trí công tắc ≡D ⊂≡: các đèn vị trí trên xe sẽ sáng. Không bật đèn vị trí trong thời gian dài, nếu không ắc quy của xe có thể hết điện và dẫn đến khó khởi động động cơ.

Nên bật đèn báo đỗ một bên khi đỗ xe ➔ *T.83.*

Đèn cốt

Vị trí công tắc ≡D khi khóa khởi động bật:
On: đèn cốt sáng

Các đèn báo

Khi đỗ xe, để công tắc ở vị trí hoặc : đèn báo đỗ xe và đèn nội thất sáng lên nhanh khi mở khóa xe tùy theo điều kiện ánh sáng xung quanh.

■ **Kích hoạt/vô hiệu hóa**

1. "Thiết lập"
2. "Thông tin xe"
3. "Ánh sáng"

Tính năng tắt đèn từ từ

Sau khi tắt công tắc động cơ và bật công tắc nháy đèn pha, đèn cốt sẽ sáng thêm một khoảng thời gian ngắn.

■ **Cài đặt khoảng thời gian**

1. "Cài đặt"
2. "Thông tin xe"
3. "Đèn chờ"
4. Đặt khoảng thời gian

Điều chỉnh cụm đèn tự động

Vị trí công tắc : đèn cốt bật và tắt tự động, ví dụ khi qua đường hầm, lúc mờ sáng hoặc khi có mưa. Đèn chỉ báo trong cụm động hồ sẽ sáng.

Khi công tắc đèn ở vị trí đèn TỰ ĐỘNG, đèn hậu và cụm đèn pha sẽ tự động BẬT hoặc TẮT tùy theo lượng ánh sáng bên ngoài xe.

Cụm đèn có thể bật khi bầu trời vẫn xanh nhưng mặt trời đã xuống thấp.

Đèn cốt luôn sáng khi bật đèn sương mù.

Trách nhiệm cá nhân

Việc điều chỉnh đèn tự động không thể thay thế phán đoán cá nhân trong việc xác định khi nào nên bật đèn cho phù hợp với điều kiện ánh sáng xung quanh.

Ví dụ, cảm biến sẽ không thể phát hiện sương mù hoặc thời tiết xấu. Trong những điều kiện thời tiết như vậy, bạn nên luôn bật đèn bằng tay để tránh gặp phải những rủi ro về an toàn.◂

Đèn ban ngày

Khi mở khóa điện, đèn ban ngày sáng ở vị trí 0, hoặc . Sau khi tắt khóa điện, đèn báo đỗ xe sáng ở vị trí .

Đèn DRL (đèn ban ngày) sẽ tắt khi:

- ▸ Đèn pha BẬT
- ▸ Động cơ dừng (trừ trường hợp động cơ dừng do bật chế độ "Khởi động/Dừng tự động")
- ▸ Sử dụng phanh tay.

■ **Kích hoạt/vô hiệu hóa**

Do một số quốc gia yêu cầu lái xe phải bật đèn ban ngày, nên có thể không tắt đèn này được

1. "Thiết lập"
2. "Chiếu sáng"
3. "Đèn ban ngày"

Đèn báo đỗ xe bên đường

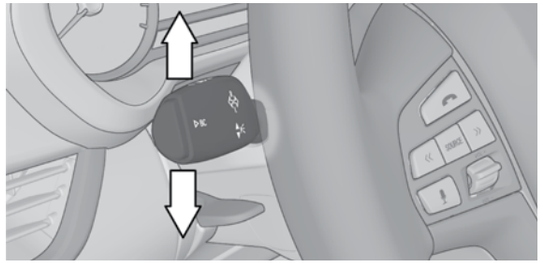

Đèn xe nháy sáng 1 bên

■ **Bật**

Khi khóa khởi động tắt, gạt cần gạt lên hoặc xuống hết hành trình.

■ **Tắt**

Gạt cần gạt về vị trí trung gian theo hướng ngược lại.

Đèn pha

Bật và tắt đèn pha bằng tay

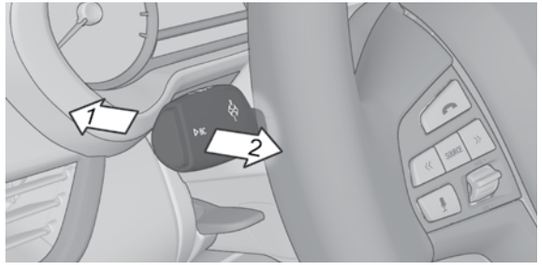

- ▸ Bật đèn pha, gạt theo hướng mũi tên 1.
- ▸ Tắt đèn pha / nháy đèn pha, gạt theo hướng mũi tên 2.

Đèn sương mù

Đèn sương mù phía trước

Cần bật đèn cốt trước

Ấn nút. Đèn chỉ báo màu xanh lá cây sáng lên.

Nếu kích hoạt điều chỉnh đèn trước tự động, đèn cốt sẽ tự động sáng khi bật đèn sương mù phía trước.

Đồng hồ táp lô

Điều chỉnh

Bật đèn báo đỗ xe hoặc đèn cốt để điều chỉnh độ sáng.
Điều chỉnh độ sáng bằng biểu tượng trên màn hình trung tâm

Đèn nội thất

Thông tin chung

Đèn nội thất, đèn nội thất phía dưới, đèn táp pi cửa và đèn trần đều được điều khiển tự động.

1. BẬT/TẮT đèn đọc sách bên trái
2. BẬT/TẮT đèn đọc sách bên phải
3. BẬT/TẮT tự động đèn nội thất (Được kết nối với trạng thái của cửa xe)
4. BẬT/TẮT đèn nội thất

Đèn sẽ tự động tắt sau 30 phút nếu người dùng tắt động cơ nhưng vẫn bật đèn

Bật và tắt đèn nội thất

Ấn nút.
Để tắt hẳn: ấn và giữ nút khoảng 3 giây.
Bật đèn: ấn nút để bật.

Đèn đọc sách

Ấn nút.
Đèn đọc sách nằm ở hàng ghế trước và sau.

Đèn sẽ tự động tắt sau 30 phút nếu người dùng tắt động cơ nhưng vẫn bật đèn

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong model series đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Hệ thống túi khí

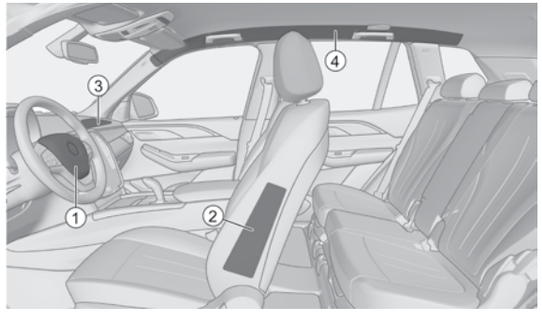

① Túi khí trước, bên lái
② Túi khí bên
③ Túi khí trước, bên ghế phụ trước
④ Túi khí rèm

Túi khí trước

Túi khí trước giúp bảo vệ người lái và hành khách phía trước khỏi các va chạm ở mặt trước mà dây đai an toàn không đủ để giữ hành khách tránh khỏi chấn thương.

> ⚠ Do không thể tắt hệ thống túi khí trước nên không được để trẻ nhỏ ngồi ở ghế phụ trước.

Túi khí bên

Khi có va chạm bên thân xe, túi khí bên giúp bảo vệ vùng ngực và đùi hai bên thân.

Túi khí rèm

Khi có va chạm bên thân xe, túi khí rèm giúp bảo vệ đầu.

Tác dụng bảo vệ

> ⚠ Túi khí sẽ không bung ra trong mọi tình huống va chạm, ví dụ khi có va chạm nhẹ.

Cách tối ưu hiệu quả bảo vệ của hệ thống túi khí

- Luôn giữ khoảng cách với túi khí.
- Luôn nắm chặt vành vô lăng, tay nắm vào vị trí 3 giờ và 9 giờ để giảm thiểu tối đa nguy cơ bàn tay hoặc cánh tay bị thương khi túi khí bung ra.

LUX SA2.0
Điều khiển

- Không để người, vật nuôi hoặc đồ vật trong khoảng không giữa túi khí và người lái/hành khách.
- Không để đồ trên nắp che túi khí bên ghế phụ trước.
- Không che bảng táp lô và cửa kính bên ghế phụ trước, không dùng nhãn dán hoặc tấm che phủ, và không lắp các loại giá đỡ như giá đỡ dụng cụ dẫn đường và điện thoại di động.
- Đảm bảo hành khách phía trước ngồi đúng vị trí, chân để trong khu vực sàn để chân, nếu không có thể gặp chấn thương khi túi khí bung ra.
- Không lắp đệm ghế ngồi hoặc đồ vật không được chỉ định cụ thể lên các loại ghế có tích hợp túi khí bên.
- Không để quần áo (ví dụ: áo khoác) trên tựa lưng.
- Đảm bảo mọi người trên xe giữ đầu cách xa túi khí bên và không tựa vào túi khí rèm, nếu không có thể gây chấn thương khi túi khí bung ra.
- Không tháo hệ thống túi khí.
- Không tháo vô lăng.
- Không bôi các chất kết dính vào tấm che túi khí trên táp lô, không che chắn hoặc tự ý thay đổi dưới bất kỳ hình thức nào.
- Không điều chỉnh các chi tiết hoặc bộ phận dây điện trong hệ thống túi khí, vô lăng, bảng táp lô, ghế ngồi, trần xe và hai bên trần.◂

Trong một số trường hợp ngay cả khi người dùng đã tuân theo chỉ dẫn nhưng vẫn có thể gặp phải chấn thương khi tiếp xúc với túi khí.

Tiếng ồn khi kích hoạt và bung túi khí có thể làm giảm thính lực tức thời, thậm chí còn dẫn đến khiếm thính tạm thời với những người nhạy cảm.

Trong trường hợp lỗi hệ thống túi khí và sau khi túi khí đã bung

Không chạm vào các chi tiết ngay sau khi hệ thống được kích hoạt, nếu không có thể gây bỏng.

Chỉ để Nhà phân phối kiểm tra sửa chữa hoặc tháo túi khí và tháo cụm bơm túi khí.

Để người không có chuyên môn tác động vào hệ thống có thể gây hỏng hóc trong trường hợp khẩn cấp hoặc kích hoạt túi khí ngoài ý muốn, và có thể gây thương tích.◂

Các thông tin và cảnh báo trên túi khí cũng có trên tấm chắn nắng.

Hệ thống túi khí sẵn sàng hoạt động

Khi bật khóa điện, đèn báo trong cụm đồng hồ sáng trong một thời gian ngắn cho biết toàn bộ hệ thống túi khí và bộ căng đai đã sẵn sàng hoạt động.

Lỗi hệ thống túi khí

- Đèn báo không sáng khi bật khóa điện.
- Đèn báo sáng liên tục.

Khi có lỗi cần kiểm tra hệ thống túi khí ngay

Kiểm tra hệ thống túi khí ngay lập tức khi xảy ra lỗi, nếu không hệ thống sẽ không hoạt động chính xác trong trường hợp xảy ra tai nạn nghiêm trọng.◂

Để chân trong khu vực để chân

Đảm bảo hành khách phía trước để chân trong khu vực để chân, nếu không túi khí bên phụ trước có thể hoạt động không đúng cách.◂

Hệ thống theo dõi áp suất lốp gián tiếp iTPMS

Khái niệm

iTPMS là hệ thống theo dõi áp suất lốp gián tiếp thông qua cảm biến và xử lý tín hiệu, có thể theo dõi được áp suất của 1-4 lốp xe.

Hệ thống không trực tiếp đo áp suất của lốp xe.

iTPMS sử dụng 2 nguyên lý để phát hiện ra lốp bị non hơi: thứ nhất là theo dõi thay đổi bán kính quay bánh xe và nguyên lý thứ hai là theo dõi sự dao động trong chuyển động quay của bánh xe. Kết hợp thông tin nêu trên sẽ cho ra tín hiệu có thể phát hiện tình trạng không đủ áp suất trên bánh xe.

Các yêu cầu chức năng

Chỉ kích hoạt hệ thống khi áp suất lốp chính đang ở trạng thái tiêu chuẩn, nếu không sẽ không đảm bảo độ tin cậy của hệ thống. Khởi động lại hệ

thống sau mỗi lần điều chỉnh áp suất lốp hoặc sau mỗi lần thay lốp hoặc thay bánh xe.

Màn hình hiển thị trạng thái

Trạng thái hiện tại của Hệ thống theo dõi áp suất lốp có thể hiển thị trên Màn hình điều khiển, cho dù hệ thống theo dõi áp suất lốp có được kích hoạt hay không.

"Thông tin xe"
"Hệ thống theo dõi áp suất lốp"

Trạng thái được hiển thị trên màn hình.

Thiết lập lại

Quá trình khởi tạo sử dụng áp suất lốp hiện tại làm giá trị tham chiếu để phát hiện lốp không đủ áp suất. Hệ thống bắt đầu khởi tạo bằng cách xác nhận áp suất lốp.

Không thiết lập lại hệ thống khi lái xe với lốp được trang bị xích mùa đông.

Thiết lập lại khi xe ở trạng thái đứng yên.

Thực hiện cài đặt lại cảnh báo áp suất lốp xe:
1. Thiết lập của xe
2. Thiết lập lại cảnh báo áp suất lốp
3. Nhấn "OK" để kết thúc.

Quá trình thiết lập lại sẽ hoàn tất trong quá trình lái xe, và có thể bị gián đoạn bất cứ lúc nào. Quá trình thiết lập sẽ tiếp tục khi tiếp tục lái xe.

Cảnh báo không đủ áp suất lốp

Đèn cảnh báo màu vàng sáng. Màn hình hiển thị tin nhắn kiểm soát lỗi. Lốp xe không đủ áp suất bị xịt lốp hoặc non hơi.

1. Giảm tốc độ và dừng xe cẩn thận.
   Tránh phanh gấp và bẻ lái đột ngột.
2. Kiểm tra lốp xe.

Lái xe với lốp không đủ áp suất có thể tăng nguy cơ xảy ra tai nạn nghiêm trọng.◂

Hạn chế của hệ thống

Hỏng lốp đột ngột
Không thể báo trước hiện tượng hỏng lốp đột ngột do ảnh hưởng từ bên ngoài.◂

Hệ thống có thể phản hồi chậm hoặc bị lỗi trong các trường hợp sau:
- ▸ Khi hệ thống chưa được thiết lập .
- ▸ Khi lái xe trên mặt đường phủ tuyết hoặc trơn trượt.

- ▸ Lái xe theo phong cách thể thao: gia tốc ngang cao, trượt bánh xe chủ động (drift).
- ▸ Khi lái xe với lốp có trang bị dây xích mùa đông.

Những điều cần thực hiện khi bị xịt lốp

1. Xác định lốp hỏng.
Thực hiện kiểm tra áp suất lốp trên cả 4 lốp xe.
Nếu áp suất lốp ở cả 4 lốp vẫn đúng, màn hình giám sát lốp có thể chưa được kích hoạt. Trong trường hợp này, thiết lập lại hệ thống.

Nếu không thể xác định được lốp bị hỏng, hãy liên hệ với Nhà phân phối.

2. Sửa chữa lốp hỏng (nếu có).

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Hệ thống chống bó cứng phanh ABS

ABS ngăn ngừa bó cứng bánh xe khi phanh

Đối với xe được trang bị hệ thống ABS, xe vẫn có thể đánh lái trong quá trình phanh

ABS hoạt động ngay sau khi khởi động động cơ.

Hệ thống hỗ trợ phanh (BA)

Khi phanh gấp, hệ thống này sẽ tự động gia tăng thêm lực phanh. Từ đó quãng đường phanh ngắn lại . Không giảm áp lực lên bàn đạp phanh trong suốt quá trình phanh.

Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)

Hệ thống này hỗ trợ lái xe trên đường dốc. Không cần dùng phanh tay.

1. Dùng phanh chân để giữ xe dừng.
2. Nhả phanh chân và lái xe đi ngay.

Sau khi nhả phanh chân, xe sẽ được giữ tại chỗ trong khoảng 1 giây.

Tùy theo tải trọng xe hoặc khi đang sử dụng moóc, xe có thể bị kéo nhẹ về phía sau.

Lái xe đi ngay
Sau khi nhả phanh chân, bắt đầu lái xe đi ngay do hệ thống hỗ trợ lái xe sẽ không giữ được xe tại chỗ quá 1 giây quá đó và xe sẽ lăn ngược lại.◂

Hệ thống điều khiển cân bằng điện tử ESC

Khái niệm

Hệ thống ESC cân bằng lực kéo trên các bánh xe, việc trang bị hệ thống này giúp chuyển động của xe ổn định hơn. Tùy theo điều kiện vận hành, ESC giúp giữ cho xe chạy ổn định bằng cách giảm tốc độ động cơ và phanh từng bánh xe.

Điều chỉnh phong cách lái theo tình huống.
Người lái phải có trách nhiệm lái xe đúng cách để đảm bảo an toàn cho mình và hành khách

Các nguyên lý vật lý là không thể thay đổi, kể cả với tính năng hỗ trợ ESC.

Đèn LED chỉ báo/cảnh báo

Đèn LED báo nháy: ESC kiểm soát lực kéo và lực phanh.
Đèn LED báo sáng liên tục: ESC đang gặp lỗi.

Chế độ ưu tiên lực kéo (TC)

Chế độ ưu tiên lực kéo (TC) là một phần của hệ thống ESC trong đó tối ưu hóa mô men kéo trên các bánh xe.

Chế độ này đảm bảo mô men kéo tối đa trên các bánh xe khi xe di chuyển trên những điều kiện đường xá đặc biệt như đường tuyết...

Hãy lái xe cẩn thận kể cả khi xe đã được trang bị chức năng này.

Rất hữu ích khi kích hoạt nhanh chế độ TC trong các trường hợp đặc biệt dưới đây:

- ▸ Khi lái xe trên đường bùn lầy, hoặc đường phủ tuyết...
- ▸ Khi lái xe trên các bề mặt phủ tuyết dầy hoặc bùn lầy.
- ▸ Khi lái xe với lốp được trang bị xích mùa đông.

Kích hoạt/Tắt chế độ ưu tiên lực kéo (TC)

Kích hoạt chế độ ưu tiên lực kéo sẽ cung cấp lực kéo tối đa trên các bề mặt. Hệ thống bị hạn chế trong quá trình tăng tốc và khi vào cua.

■ **Kích hoạt chế độ ưu tiên lực kéo (TC)**

Ấn nút
‘ Bật Chế độ ưu tiên lực kéo’ hiển thị trên cụm đồng hồ và đèn LED chỉ báo TC sáng.

■ **Tắt chế độ ưu tiên lực kéo (TC)**

Ấn nút lần nữa.
‘ Tắt Chế độ ưu tiên lực kéo’ và đèn LED chỉ báo TC tắt.

■ **Đèn LED chỉ báo/cảnh báo**

Khi TC được kích hoạt, CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN LỰC KÉO (TC) và đèn LED ESC-OFF sẽ hiển thị trên màn hình điều khiển.

Đèn LED chỉ báo sáng: Chế độ ưu tiên lực kéo (TC) được kích hoạt.

Đèn LED ESC-OFF sẽ phát tín hiệu giảm độ ổn định khi đang sử dụng chế độ kiểm soát lực kéo (TC).

HDC – Hệ thống hỗ trợ đổ đèo

Khái niệm

HDC là hệ thống hỗ trợ đổ đèo, tự động kiểm soát tốc độ của xe trên các đoạn đường xuống dốc cao. Không cần nhấn bàn đạp phanh, xe vẫn di chuyển ở tốc độ mà bạn thiết lập.

Có thể kích hoạt hệ thống hỗ trợ đổ đèo khi tốc độ dưới 30 km/h. Khi lái xe xuống dốc, xe giảm tốc độ đến mức bạn thiết lập và sau đó giữ tốc độ không đổi.

Trường hợp bạn đang dùng phanh, hệ thống sẽ ở chế độ chờ. Hệ thống không phanh xe lại trong suốt thời gian này.
Chỉ sử dụng hệ thống HDC ở số thấp hoặc ở vị trí số D hoặc R.

Kích hoạt hệ thống HDC

Ấn nút, đèn LED chỉ báo HDC sáng.

Tắt hệ thống HDC

Ấn nút, đèn LED chỉ báo HDC tắt. HDC-tự động tắt khi tốc độ xe trên 40 km/h.

Điều chỉnh tốc độ HDC

■ **Tăng tốc độ:**
Để tăng tốc độ xe khi hệ thống HDC đang hoạt động, hãy nhấn nhẹ bàn đạp ga/chân ga. Nhả bàn đạp ga/chân ga khi xe đạt đến tốc độ mong muốn. HDC tiếp tục hoạt động với tốc độ mới được cài đặt.

■ **Giảm tốc độ:**
Để giảm tốc độ xe khi hệ thống HDC đang hoạt động, hãy giảm tốc bằng bàn đạp phanh. Nhả bàn đạp phanh khi xe đạt đến tốc độ mong muốn. HDC tiếp tục hoạt động với tốc độ mới được cài đặt.

Màn hình hiển thị trong cụm đồng hồ

Đèn LED chỉ báo sáng: HDC được kích hoạt.

Lỗi

Màn hình cụm đồng hồ hiển thị thông báo. HDC không hoạt động do nhiệt độ phanh cao.

Hệ thống kiểm soát chống lật xe (ROM)

Công nghệ kiểm soát chống lật xe ROM liên tục giám sát cách xử lý xe của bạn bằng cảm biến. Nếu phát hiện ra bất kỳ điều gì có thể gây lật xe, hệ thống sẽ kiểm soát lực phanh và lái trên từng bánh xe để kiểm soát tình hình và giúp xe ổn định.

Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp (ESS)

ESS giúp cảnh báo các phương tiện xung quanh khi phanh khẩn cấp. Hệ thống sẽ nhấp nháy đèn phanh sau trong khi phanh, và tự động kích hoạt đèn cảnh báo nguy hiểm khi xe đã dừng.

Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD)

Hệ thống phân bổ lực phanh điện tử (EBD) là công nghệ phanh tự động phân phối lực lên mỗi bánh xe dựa trên điều kiện đường xá, tốc độ, tải trọng, v.v. Cùng với hệ thống chống bó cứng phanh ABS, EBD có thể phân phối lực phanh ít nhiều lên mỗi bánh để tối đa hóa khả năng dừng đồng thời duy trì kiểm soát xe.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Hệ thống kiểm soát hành trình

Khái niệm

Hệ thống hoạt động trong phạm vi tốc độ bắt đầu từ 30 km/h và lên đến 160 km/h.

Hệ thống duy trì tốc độ đã cài đặt bằng cách sử dụng các nút điều khiển trên vô lăng.

Điều kiện bất lợi
Không sử dụng hệ thống nếu gặp những điều kiện bất lợi cản trở việc lái xe ở tốc độ ổn định, ví dụ như:
- Trên đoạn đường cong.
- Trên đường đông.
- Trên những đoạn đường trơn trượt, có sương mù, tuyết hoặc mưa, hoặc trên mặt đường lầy lội.

Nếu không có thể mất kiểm soát xe và gây tai nạn.◂

Hướng dẫn

■ **Tổng quan**

Ấn nút	Chức năng
	Bật/tắt hệ thống kiểm soát hành trình.
	Kéo công tắc xuống: Lưu/giữ tốc độ.
	Kéo công tắc lên: Khôi phục lại tốc độ.
	Nhấn công tắc: Cài đặt hệ thống ở chế độ chờ.

■ **Bật**

Ấn nút trên vô lăng.
Sau khi bật, hệ thống kiểm soát hành trình ở chế độ chờ.

■ **Tắt**

Hệ thống bị ngừng hoặc gián đoạn
Nếu hệ thống bị ngừng hoặc gián đoạn, hãy chủ động xử lý bằng cách phanh, đánh lái và nếu cần thiết bằng các thao tác khác, nếu không sẽ có nguy cơ xảy ra tai nạn.◂

Ấn nút trên vô lăng.
- Nếu đang hoạt động hoặc ở chế độ chờ: nhấn 1 lần.

Màn hình tắt. Tốc độ thiết lập đã lưu bị xóa.

■ **Gián đoạn**

Hệ thống bị gián đoạn tự động nếu:
- Dùng phanh.
- Cần số bị gạt ra khỏi vị trí D.
- ESC đang kiểm soát độ ổn định.
- HDC được kích hoạt.

■ **Gạt công tắc xuống**

Ở chế độ chờ, gạt công tắc xuống SET để lấy tốc độ thực tế.

Ở chế độ hoạt động, gạt công tắc xuống làm giảm tốc độ thực tế xuống khoảng 1 km/h.

Ở chế độ hoạt động, gạt xuống và giữ công tắc lâu làm giảm tốc độ liên tục.

■ **Gạt công tắc lên**

Nếu hệ thống kiểm soát hành trình ở chế độ chờ và đã có tốc độ được lưu trữ, gạt công tắc lên RES để xe tăng tốc hoặc giảm tốc đến tốc độ đã được lưu trữ.

Ở chế độ hoạt động, gạt công tắc lên làm tăng tốc độ thực tế lên khoảng 1 km/h.

Ở chế độ hoạt động, gạt lên và giữ công tắc lâu làm tăng tốc độ liên tục.

■ **Nhấn công tắc**

Nếu hệ thống kiểm soát hành trình đang ở chế độ hoạt động, nhấn công tắc để cài đặt hệ thống ở chế độ chờ.

Tốc độ được lưu trữ vẫn còn.

■ **Chế độ vượt**

Hệ thống kiểm soát hành trình đang hoạt động, bạn nhấn bàn đạp chân ga để tăng tốc. Khi bạn bỏ chân ra khỏi bàn đạp chân ga trong một khoảng thời gian nhất định, hệ thống kiểm soát hành trình sẽ thiết lập lại tốc độ đã được lưu. Khi bạn để chân lên bàn đạp ga quá một khoảng thời gian nhất

định, chế độ kiểm soát hành trình sẽ được đặt ở chế độ chờ.

Màn hình hiển thị trong cụm đồng hồ

■ Đèn LED chỉ báo

Tùy theo trang bị của xe, đèn LED chỉ báo trên cụm đồng hồ sẽ sáng khi hệ thống đã được bật.

■ Tốc độ mong muốn

- Đèn sáng màu xanh: hệ thống đang hoạt động.
- Đèn sáng màu cam: hệ thống bị gián đoạn.
- Đèn không sáng: hệ thống đã tắt.

■ Màn hình trạng thái tóm tắt

Tốc độ đã được lựa chọn.
Nếu thông báo Kiểm tra xuất hiện nhanh trên màn hình, có thể chưa đáp ứng được các yêu cầu về vận hành hệ thống.

PDC- Hệ thống hỗ trợ đỗ xe

Khái niệm

PDC hỗ trợ khi đỗ xe. Khi đến gần các đối tượng ở phía trước hoặc phía sau, xe của bạn sẽ ra tín hiệu bằng:

- Chuông tín hiệu.
- Màn hình hiển thị.

Thông tin chung

Việc đo lường được thực hiện bởi cảm biến siêu âm. Tùy theo chướng ngại vật và điều kiện môi trường, phạm vi hoạt động vào khoảng 1,5 m.

Một cảnh báo âm thanh được phát ra đầu tiên bởi:

- Hai cảm biến góc phía trước và hai cảm biến góc phía sau khi cách đối tượng khoảng 70 cm.
- Cảm biến giữa phía trước và phía sau khi cách đối tượng khoảng 1,50 m.

Để đảm bảo hoạt động của toàn hệ thống:

- Không che cảm biến bằng hình dán hoặc những vật tương tự.
- Giữ cảm biến sạch sẽ.
- Khi rửa xe bằng vòi cao áp, không xịt vào cảm biến quá lâu và giữ khoảng cách tối thiểu là 30 cm.

■ Trách nhiệm cá nhân

Người lái cần đảm bảo trách nhiệm trong quá trình lái xe, không được phụ thuộc vào hệ thống. Do hạn chế về kỹ thuật, hệ thống có thể không phản hồi một cách chính xác trong tất cả các tình huống giao thông.

Liên tục theo dõi và tập trung vào việc lái xe, vào khu vực xung quanh xe và tình hình giao thông và chủ động can thiệp khi cần, nếu không sẽ có nguy cơ xảy ra tai nạn.

Tránh lái xe quá nhanh với PDC.
Tránh tiếp cận đối tượng quá nhanh.
Tránh lái xe đi ngay khi PDC chưa sẵn sàng.
Vì lí do kỹ thuật, hệ thống có thể phát cảnh báo chậm.

Tổng quan

■ Nút bấm PDC

PDC- Hệ thống hỗ trợ đỗ xe

■ Bật/Tắt

Bật tự động

Khi động cơ đang hoạt động, cài cần số vào vị trí R.

Tự động tắt khi di chuyển về phía trước

Hệ thống tắt khi vượt quá tốc độ hoặc khoảng cách lái xe nhất định.
Bật lại hệ thống nếu cần thiết.

Bật/Tắt thủ công

Ấn nút.

- Bật: Đèn LED sáng.
- Tắt: Đèn LED tắt.

Màn hình

■ Chuông tín hiệu

Khi xe gần 1 đối tượng, chuông sẽ kêu theo hồi để cảnh báo khoảng cách với đối tượng đó.

Càng gần đối tượng, thì khoảng cách giữa các hồi chuông báo càng gần nhau.

Chuông sẽ kêu liên tiếp nếu khoảng cách đến đối tượng nhỏ hơn 40 cm

Với PDC ở phía đầu xe, nếu đối tượng có cả ở đằng trước và đằng sau xe, chuông cảnh báo sẽ kêu lần

lượt bắt đầu từ chướng ngại vật ở gần xe nhất.

Chuông báo sẽ bị gián đoạn sau khoảng 3 giây khi:
- Nếu như xe di chuyển song song với bức tường.
- Khi xe di chuyển xa khỏi vật thể khoảng hơn 10 cm
- Khi cần số ở vị trí P

■ Cảnh báo

Màn hình điều khiển có thể hiện thị thông báo khi xe tiếp cận một đối tượng nào đó. Màn hình sẽ xuất hiện ngay khi kích hoạt Hệ thống hỗ trợ đỗ xe PDC. Phạm vi của cảm biến được thể hiện bằng màu đỏ, xanh và vàng

Giới hạn hệ thống

■ Giới hạn của cảm biến siêu âm

Việc phát hiện các đối tượng có thể gặp phải những giới hạn về mặt vật lý của cảm biến siêu âm trong các trường hợp sau:
- Đối với trẻ nhỏ và động vật nhỏ.
- Đối với những người mặc những kiểu trang phục như áo khoác.
- Nếu có nhiễu sóng siêu âm từ bên ngoài như khi vượt qua các xe hoặc máy móc phát ra âm thanh lớn.
- Khi cảm biến bị bẩn, đóng băng, hỏng hoặc lệch vị trí.
- Trong một số điều kiện thời tiết nhất định như độ ẩm cao, mưa, tuyết, quá nóng hoặc gió mạnh.
- Khi kéo xe khác.
- Đối với các vật thể mỏng hoặc hình mũi nhọn.
- Đối với các vật thể đang di chuyển.
- Đối với các vật thể được nâng lên, nhô ra như gờ mép hoặc hàng hóa.
- Đối với những vật thể có góc hoặc mép sắc.
- Đối với những vật thể có kết cấu bề mặt sắc nhọn như hàng rào.
- Đối với những vật thể có bề mặt rỗng.

Các vật thể thấp đã được hiển thị như lề đường, có thể rơi vào điểm mù của cảm biến trước hoặc sau một hồi âm báo liên tiếp.

■ Cảnh báo sai

PDC có thể phát cảnh báo trong các trường hợp dưới đây cho dù không có chướng ngại vật nào trong phạm vi dò:
- Khi trời mưa to.
- Khi cảm biến rất bẩn hoặc bị đóng băng.
- Khi cảm biến phủ tuyết.
- Trên bề mặt đường gồ ghề.

- Trên các bề mặt không bằng phẳng như đường xóc.
- Trong các tòa nhà lớn có những bức tường vuông góc và phẳng như trong các ga-ra ngầm.
- Khi xả mạnh.
- Do các nguồn siêu âm khác như máy quét, máy lau bằng hơi nước cao áp hoặc đèn neon.

■ Lỗi

Một thông báo kiểm tra hiện lên.

Phạm vi của cảm biến được thể hiện là vùng bóng mờ trên màn hình điều khiển.

PDC không hoạt động. Cần kiểm tra lại hệ thống.
Để đảm bảo hoạt động của toàn hệ thống:
- Giữ cảm biến sạch sẽ và không bị đóng băng.
- Không dán bất kỳ hình dán nào lên cảm biến.
- Khi rửa xe bằng vòi cao áp, không xịt vào cảm biến quá lâu và giữ khoảng cách tối thiểu là 30 cm.

Hệ thống quan sát quanh xe

Khái niệm

Hệ thống quan sát quanh xe bao gồm hệ thống hỗ trợ camera sau, hệ thống camera trước và bên cạnh xe, có thể giúp lái xe khi đỗ, điều khiển và ở những khu vực lối ra và giao lộ phức tạp.
- Camera sau
- Camera toàn cảnh

Camera sau

■ Khái niệm

Camera sau hỗ trợ khi đỗ xe hoặc đi lùi. Khu vực phía sau xe được thể hiện trên màn hình điều khiển.

■ Gợi ý

Kiểm tra tình hình giao thông xung quanh xe bằng mắt thường. Nếu không, tai nạn có thể xảy ra do những người tham gia giao thông hoặc những vật thể nằm ngoài phạm vi quan sát của camera.

■ Tổng quan

Camera

Camera nằm ở cửa hậu. Chất lượng hình ảnh có thể kém đi do bụi bẩn.
Lau thấu kính ➔*T.185***Bật/Tắt**

Bật tự động

Khi động cơ đang hoạt động, cài cần số vào vị trí R. Hình ảnh của camera sau sẽ hiện lên nếu như hệ thống đã được bật.

Tự động tắt khi đang di chuyển về phía trước

Hệ thống sẽ tắt khi vượt quá tốc độ (15 km/h) hoặc xe đi được một quãng đường nhất định (50 m).
Bật lại hệ thống nếu cần thiết.

Tự động tắt khi đang di chuyển lùi
Hệ thống tắt khi vượt quá tốc độ nhất định (15 km/h) và bật lại khi tốc độ xe nhỏ hơn một tốc độ nhất định (10 km/h).

■ Hiển thị trên màn hình điều khiển

Các yêu cầu chức năng
- ▸ Camera sau bật.
- ▸ Cửa hậu đóng hoàn toàn.

Lộ trình
- ▸ Được thể hiện trên hình ảnh của camera sau khi hiện lên hình ảnh khu vực phía sau.
- ▸ Giúp bạn ước chừng khoảng trống cần thiết để đỗ xe và điều khiển xe trên đường dốc.
- ▸ Độc lập với góc bẻ lái hiện tại và được điều chỉnh liên tục so với di chuyển của vô lăng.

Camera toàn cảnh

■ Khái niệm

Camera toàn cảnh tích hợp với camera sau, hỗ trợ trong việc đỗ và điều khiển xe. Khu vực xung quanh cửa và khu vực đường xung quanh xe được thể hiện trên màn hình quan sát.

■ Thông tin chung

Hình ảnh được ghi bởi cả 2 camera tích hợp trong các gương chiếu hậu bên ngoài, camera ở lưới tản nhiệt trên phía trước và camera sau. Phạm vi tối thiểu cách cạnh, đầu và đuôi xe 2 m. Theo đó, hệ thống sẽ dễ dàng dò ra các chướng ngại vật có độ cao bằng độ cao của các gương chiếu hậu bên ngoài

> ⚠ Kiểm tra tình hình giao thông xung quanh xe bằng mắt thường. Nếu không, có thể xảy ra tai nạn do người tham gia giao thông hoặc các vật thể nằm ngoài tầm quan sát của các camera.

■ Tổng quan

Nút bấm
Chỉ có khi xe được trang bị hệ thống quan sát quanh xe, người dùng có thể dùng nút bấm để kích hoạt /tắt bằng tay.

Camera
Các camera quan sát quanh xe được đặt ở đáy của gương chiếu hậu bên ngoài và trên lưới tản nhiệt đầu xe đến camera sau. Chất lượng hình ảnh có

thể kém đi do bụi bẩn.
Lau thấu kính ➔*T.185*.

■ Bật/Tắt

Bật tự động
Khi động cơ đang hoạt động, cài cần số vào vị trí R. Hình ảnh từ trên cao và phía sau xe sẽ hiện ra nếu hệ thống được bật.

Tự động tắt khi đang di chuyển về phía trước
Hệ thống sẽ tắt khi vượt quá tốc độ (15km/h) hoặc khoảng cách lái xe nhất định (50m).
Bật lại hệ thống nếu cần thiết.

Tự động tắt khi đang di chuyển lùi
Hệ thống tắt khi vượt quá tốc độ nhất định (15 km/h) và bật lại khi tốc độ xe nhỏ hơn một tốc độ nhất định (10 km/h).

Bật/Tắt thủ công
Ấn nút.
- ▸ Bật: Đèn LED sáng.
- ▸ Tắt: Đèn LED tắt.

■ Màn hình

Cảnh báo
Việc xe tiếp cận một vật thể nào đó có thể được hiển thị trên màn hình điều khiển. Cảnh báo của hệ thống PDC sẽ được thể hiện bên dưới hình ảnh camera nếu PDC đang hoạt động.

Màn hình sẽ xuất hiện ngay khi kích hoạt hệ thống quan sát quanh xe.

Khi hệ thống hoạt động, có thể chuyển đổi tầm nhìn giữa các bên, đầu và đuôi xe một cách thủ công hoặc tự động.

Lựa chọn tầm nhìn tự động
Đẩy cần số sang vị trí R. Màn hình hiển thị quan sát phía trên và phía sau.

Nếu cần số không ở vị trí R và không bật tín hiệu rẽ: Màn hình hiển thị quan sát phía trên và hai bên
Nếu cần số không ở vị trí R và bật tín hiệu rẽ: Màn hình hiển thị quan sát phía trên và phía trước.

Lựa chọn tầm nhìn thủ công
Chạm hình ảnh dưới hình ảnh của camera để lựa chọn tầm nhìn mong muốn bằng tay và bỏ chế độ lựa chọn tầm nhìn tự động.

Chạm khu vực phía trước xe: Hiển thị quan sát từ phía trên và phía trước

Chạm khu vực phía sau xe: Hiển thị quan sát từ phía trên và phía sau

Chạm khu vực bên trái xe: Hiển thị quan sát từ phía trên và bên trái

Chạm khu vực bên phải xe: Hiển thị quan sát từ phía trên và bên phải

Lựa chọn nhìn toàn màn hình

Nếu tầm nhìn phía trước và phía sau được thể hiện, có thể chuyển đổi giữa việc xem toàn màn hình và chia màn hình bằng cách chạm vào màn hình 2 lần.

Giới hạn hệ thống

Có thể không sử dụng được hệ thống quan sát quanh xe trong các trường hợp sau:

- Khi cửa mở.
- Khi nắp cốp mở.
- Có một gương chiếu hậu bên ngoài bị gập vào.
- Trong vùng ánh sáng yếu.

Thông báo kiểm tra hiện lên trong một số những trường hợp trên.

Hệ thống cảnh báo điểm mù

Khái niệm

Khi xe di chuyển với vận tốc lớn hơn 15 km/h, hệ thống cảnh báo điểm mù được kích hoạt. Hệ thống báo liệu có xe nào ở trong điểm mù hay không, mũi tên 1 hoặc đang đến từ phía sau ở làn đường bên cạnh, mũi tên 2.

Đèn hình tam giác lắp gần gương chiếu hậu bên ngoài sẽ sáng mờ.

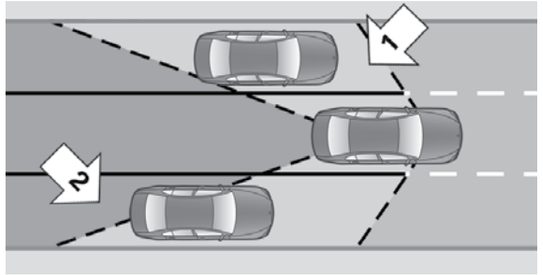

Trước khi bạn chuyển làn sau khi đã bật đèn báo rẽ, hệ thống sẽ phát cảnh báo trong các trường hợp được mô tả ở trên. Đèn hình tam giác lắp gần gương chiếu hậu bên ngoài nhấp nháy.

Trách nhiệm cá nhân
Hệ thống không thay thế được phán đoán cá nhân của lái xe trong tình huống giao thông.

Cần phải luôn nắm bắt được tình hình giao thông và các phương tiện xung quanh, nếu không vẫn có thể xảy ra tai nạn cho dù đã có các cảnh báo.

Tổng quan

■ Cảm biến siêu âm

Cảm biến siêu âm được đặt trong cản trước và sau xe.

Bật/Tắt tính năng

Trong menu của xe, có thể bật hoặc tắt tính năng hệ thống cảnh báo điểm mù theo ý muốn.

Màn hình

■ Phần thông tin

Đèn hình tam giác lắp gần gương chiếu hậu bên ngoài chỉ báo khi có các phương tiện trong điểm mù hoặc đang tiến đến gần.

■ Cảnh báo

Nếu đặt đèn báo rẽ khi xe đang ở khu vực đông đúc, đèn hình tam giác lắp trên gương ngoài sẽ nhấp nháy.

Cảnh báo sẽ dừng khi tắt đèn báo rẽ hoặc các phương tiện khác rời khỏi khu vực.

Giới hạn hệ thống

Hệ thống có thể không hoạt động hết tính năng trong các trường hợp sau:

- Khi có một phương tiện đang đến gần với tốc độ lớn hơn xe của bạn.
- Trong trường hợp sương mù dày đặc, mưa to hoặc tuyết rơi nhiều.

- Ở những khúc cua gấp hoặc những làn đường hẹp.
- Nếu cảm biến bị bẩn hoặc bị đóng băng, hoặc bị dán đè lên.

Màn hình hiển thị thông báo kiểm tra khi hệ thống có vấn đề.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Điều khiển sấy kính và âm lượng

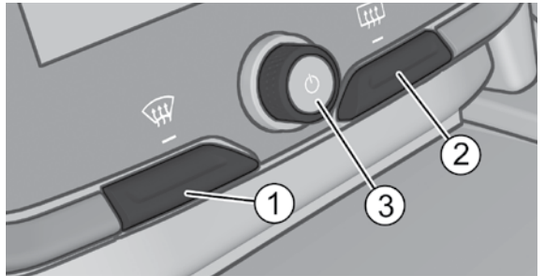

1. Ấn nút -BẬT/TẮT - Sấy kính phía trước (tốc độ quạt gió tối đa/nhiệt độ “cao”)
2. Ấn nút -BẬT/TẮT - Sấy kính phía sau
3. Xoay núm – Âm lượng/ BẬT/TẮT

- Ấn nút – tắt tiếng/bật tiếng
- Nhấn giữ – TẮT nguồn.
- Vặn theo chiều kim đồng hồ – tăng âm lượng
- Vặn ngược chiều kim đồng hồ – giảm âm lượng
- Nếu không có nguồn âm thanh, âm lượng theo cài đặt mặc định.
- Việc điều chỉnh âm lượng này sẽ được đồng bộ với cài đặt âm lượng trên màn hình.
- Ấn mạnh tất cả các nguồn âm thanh tắt tiếng trừ chức năng điện thoại và tất cả âm thanh cảnh báo.
- Ấn nhanh tất cả các nguồn âm thanh tắt tiếng trừ chức năng điện thoại, điều hướng và tất cả âm thanh cảnh báo.

Cách mở/đóng chức năng điều khiển điều hòa không khí toàn màn hình

Để mở menu thao tác, chạm biểu tượng điều hòa trên màn hình hiển thị chính. Biểu tượng này cho biết cài đặt điều hòa thực tế cho lái xe.

Thao tác này dẫn tới menu thao tác điều hòa chính. Để đóng menu thao tác, chạm ⓧ ở cạnh dưới màn hình.

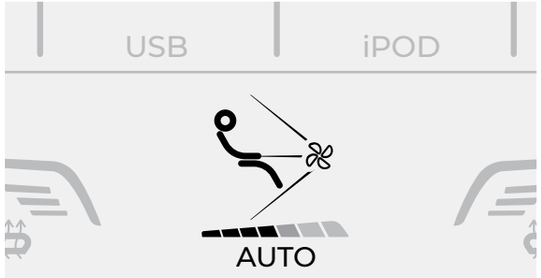

Màn hình điều khiển điều hòa không khí

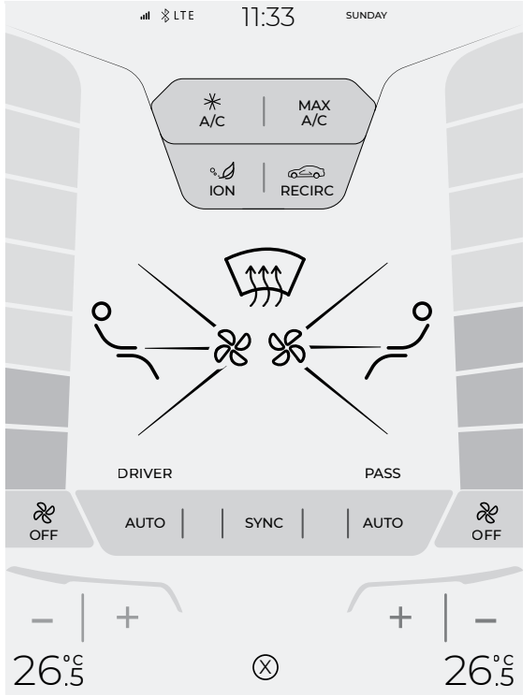

Điều hòa không khí – Chức năng "BẬT/TẮT điều hòa"

A/C

Tổng quan về điều hòa không khí

Ở chế độ thủ công ("AUTO" tắt), ấn nút "A/C" sẽ BẬT máy nén điều hòa không khí. Nút "A/C" sáng, chế độ thủ công đang hoạt động.

Ấn lại nút "A/C" sẽ TẮT máy nén điều hòa không khí.

Nút "A/C" không sáng nữa, chế độ "thủ công" vẫn đang hoạt động.

Ở chế độ "Tự động/AUTO", ấn nút "A/C"sẽ TẮT máy nén điều hòa không khí. Nút điều hòa không khí không sáng, nhưng chế độ "Tự động" vẫn hoạt động.

Sau khi vào chế độ chờ (ACC) điều hòa không khí được kích hoạt lại theo mặc định và khách hàng phải ấn lại nút "A/C" nếu không muốn dùng chức năng điều hòa không khí.

Điều hòa không khí – Chức năng "Điều hòa tối đa"

MAX A/C

Khái niệm "Điều hòa tối đa":

Trong cả chế độ "TỰ ĐỘNG" và "THỦ CÔNG", khách hàng có thể chọn vận hành làm mát tối đa bằng cách điều chỉnh giá trị nhiệt độ bên trong về mức nhỏ nhất.

Nút "MAX A/C" sẽ sáng khi kích hoạt.

Có thể kích hoạt chức năng này ở phía bên lái và bên khách và hệ thống tự động thực hiện tiếp các điều chỉnh sau:

- Tốc độ quạt gió tối đa.
- Chế độ phân phối gió ở vùng thân.
- Bật chế độ tuần hoàn không khí.
- Chức năng "ĐỒNG BỘ" tắt
- Bật máy nén điều hòa không khí

Chuyển sang chế độ "ĐIỀU HÒA TỐI ĐA" khi đang sử dụng chế độ "TỰ ĐỘNG", hệ thống sẽ thay đổi như sau:

- Mức quạt gió => tắt chế độ "TỰ ĐỘNG", chỉ thay

đổi mức quạt gió, không thay đổi các chức năng khác.

- Chế độ điều chỉnh gió => tắt chế độ "TỰ ĐỘNG", chỉ thay đổi chế độ điều chỉnh gió, không thay đổi các chức năng khác.
- Điều chỉnh nhiệt độ:

  Bên lái: duy trì ở chế độ "TỰ ĐỘNG", tắt chế độ "ĐIỀU HÒA TỐI ĐA",

  Bên khách: duy trì ở chế độ "TỰ ĐỘNG", tắt "ĐIỀU HÒA TỐI ĐA" và giảm nhiệt độ bên lái xuống "0,5" °C.
- Chế độ tuần hoàn không khí => duy trì ở chế độ "TỰ ĐỘNG".
- Nút điều hòa không khí trên màn hình=> tắt chế độ "TỰ ĐỘNG", chỉ thay đổi tình trạng điều hòa không khí.

Chuyển sang chế độ "ĐIỀU HÒA TỐI ĐA" khi đang sử dụng chế độ "THỦ CÔNG"

- Mức quạt gió => duy trì chế độ "THỦ CÔNG", chỉ thay đổi mức quạt gió, không thay đổi các chức năng khác.
- Chế độ điều chỉnh gió => duy trì chế độ "THỦ CÔNG", chỉ thay đổi chế độ điều chỉnh gió, không thay đổi các chức năng khác.
- Điều chỉnh nhiệt độ:

  Bên lái: duy trì ở chế độ "THỦ CÔNG".

  Bên khách: duy trì ở chế độ "THỦ CÔNG", bật chức năng "ĐỒNG BỘ", giảm nhiệt độ bên lái xuống "0,5" °C.
- Chế độ tuần hoàn không khí => duy trì ở chế độ "THỦ CÔNG",
- Nút điều hòa không khí trên màn hình => duy trì chế độ "THỦ CÔNG", chỉ thay đổi tình trạng điều hòa không khí.

Điều hòa không khí – Chức năng "ion hóa"

ION

Khái niệm

Chức năng ion hóa làm sạch và tươi mát không khí bên trong xe. Quá trình ion hóa không khí bên trong xe không gây mùi.

BẬT/TẮT chức năng

Khi bật, chức năng ion hóa sẽ chạy "Chế độ làm sạch" trong 5 phút. Sau đó chức năng ion sẽ về

"Chế độ không khí sạch" cho tới khi TẮT chức năng hoặc TẮT động cơ. Khi "BẬT", nút "ION" sẽ sáng.

Trạng thái này sẽ được duy trì cho đến khi có sự thay đổi.

Ví dụ: trạng thái BẬT & vào chế độ chờ (ACC) chức năng ion sẽ khởi động lại với "chế độ làm sạch".

Điều hòa không khí – Chức năng "ĐỒNG BỘ"

SYNC

Khái niệm

Ấn nút "ĐỒNG BỘ", nhiệt độ cài đặt cho bên lái sẽ được dùng cho cả bên lái xe và bên khách. Đèn báo "ĐỒNG BỘ" trên màn hình bật.

Ấn lại nút "ĐỒNG BỘ", nhiệt độ phía bên khách giống như đã lưu trước đó và đèn báo "ĐỒNG BỘ" trên màn hình sẽ tắt.
Có thể sử dụng chức năng "ĐỒNG BỘ" trong chế độ "TỰ ĐỘNG" và điều hòa "Thủ công".

Nút "ĐỒNG BỘ" sẽ sáng khi kích hoạt.
Khi không bật chức năng "ĐỒNG BỘ", có thể điều chỉnh riêng nhiệt độ phía người lái và hành khách.

Điều hòa không khí – Chức năng "TỰ ĐỘNG"

AUTO

Khái niệm

Cả người lái và hành khách có thể cài đặt chế độ tự động riêng biệt ("TỰ ĐỘNG") cho hệ thống điều hòa không khí / sưởi ở phía họ.

Trong chế độ tự động, có thể cài đặt nhiệt độ khác nhau cho người lái và hành khách.

Có thể kích hoạt chức năng bằng cách ấn nút "TỰ ĐỘNG" trên màn hình cho người lái hoặc hành khách. Nút "TỰ ĐỘNG" sẽ sáng khi kích hoạt.

Nhiệt độ đầu ra, mức độ quạt gió và phân phối gió được cài đặt phù hợp để đạt nhiệt độ đã đặt.

Nếu kích hoạt chế độ tự động và khách hàng thay đổi điều chỉnh gió hoặc mức độ quạt gió, chế độ TỰ ĐỘNG chỉ tắt cho phía tương ứng (người lái hoặc hành khách).

Các chức năng khác sẽ duy trì như đã cài đặt, chỉ tính năng điều chỉnh gió và/hoặc quạt gió sẽ thay đổi tùy theo khách hàng cài đặt.

Trong chế độ TỰ ĐỘNG, ấn lại nút TỰ ĐỘNG sẽ không làm thay đổi chức năng nào. Chế độ tự động vẫn giữ bật (nút bấm để bật chức năng "TỰ ĐỘNG").

Trong chế độ "TỰ ĐỘNG", ấn nút "RECIRC" trên màn hình, chức năng sẽ vẫn ở chế độ TỰ ĐỘNG, chỉ phải thay đổi trạng thái tuần hoàn không khí.

Điều hòa không khí – Chức năng "Tuần hoàn không khí"

Khái niệm

Trong chế độ "THỦ CÔNG", có hai chế độ tuần hoàn không khí:
1. Lấy gió trong
2. Lấy gió ngoài

Mỗi lần ấn nút "RECIRC", luồng gió thay đổi giữa chế độ lấy gió ngoài và lấy gió trong. Bật/tắt nút "RECIRC" trong màn hình điều khiển trung tâm để biết trạng thái tuần hoàn không khí thực tế.
Trong chế độ "TỰ ĐỘNG", chế độ tuần hoàn không khí phải thay đổi tự động.

Có ba vị trí cánh tuần hoàn không khí:
1. Lấy gió trong
2. Lấy gió ngoài một phần
3. Lấy gió ngoài

Điều hòa không khí – Chức năng "Cài đặt quạt gió & TẮT quạt gió"

Khái niệm

Có thể điều chỉnh riêng các quạt gió cho bên lái và bên khách.

Trong chế độ "ĐỒNG BỘ", cài đặt quạt gió cho bên lái sẽ được thực hiện cho cả bên khách.

Khi thay đổi cài đặt quạt gió bên khách trong chế độ "ĐỒNG BỘ", chế độ "ĐỒNG BỘ" sẽ tự động tắt.

Có thể tắt riêng quạt gió bằng cách ấn một trong các nút "TẮT quạt gió".

"Trong chế độ ĐỒNG BỘ":
Tắt quạt gió bên lái sẽ tắt tất cả các bên.

Khi quạt gió ở các bên tắt, máy nén điều hòa tự động tắt.

Bật lại quạt gió bên lái sẽ kích hoạt cài đặt quạt gió đã lưu cho các bên. Chế độ "ĐỒNG BỘ" sẽ tự động bật.

Bật lại quạt gió bên khách sẽ kích hoạt cài đặt quạt gió đã lưu chỉ cho bên khách. Chế độ "ĐỒNG BỘ" tắt.

Điều hòa không khí – Chức năng "Điều chỉnh gió"

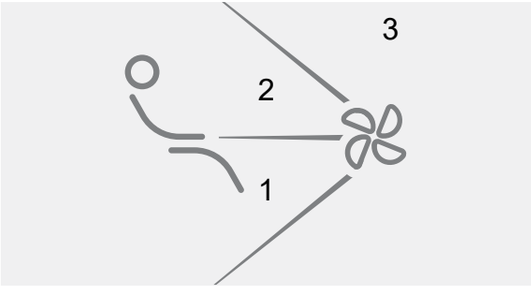

Khái niệm:

Có thể điều chỉnh riêng biệt luồng gió thổi vào thân dưới ("1") và thân trên ("2") cho bên lái và bên khách.

Không thể điều chỉnh riêng luồng gió thổi vào kính chắn gió ("3") cho bên lái và bên khách. Bật/tắt luồng gió thổi vào kính chắn gió bằng nút này.

Không ảnh hưởng tới nhiệt độ không khí và khoảng cách thổi gió.

Trong chế độ "ĐỒNG BỘ", cài đặt luồng gió cho bên lái sẽ được thực hiện cho cả bên khách.

Khi thay đổi cài đặt luồng gió bên khách "1" và/hoặc "2" trong chế độ "ĐỒNG BỘ", chế độ "ĐỒNG BỘ" tự động tắt.

Khi thay đổi cài đặt luồng gió "3" trong chế độ "ĐỒNG BỘ", chế độ "ĐỒNG BỘ" không bị ảnh hưởng.

Điều hòa không khí – Chức năng "Cài đặt nhiệt độ"

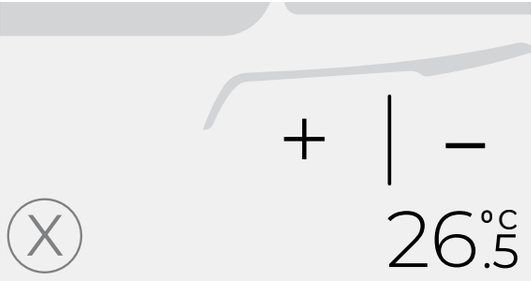

Khái niệm

Với điều hòa 2 vùng, khách hàng có thể điều chỉnh nhiệt độ phía bên lái và bên khách từ mức "THẤP" (=16°C) đến mức "CAO" (=32°C)

Hành khách trong khoang sau không thể cài đặt nhiệt độ. Nhiệt độ và luồng gió luôn phụ thuộc vào cài đặt của người lái.

Trong chế độ "TỰ ĐỘNG", nhiệt độ sẽ được điều khiển tự động theo nhu cầu.

Trong chế độ "THỦ CÔNG", có thể cài đặt nhiệt độ khác nhau cho người lái và hành khách.

Để cài đặt nhiệt độ, chạm biểu tượng "+/-" hiển thị để thay đổi nhiệt độ. 5 giây sau thao tác cuối cùng, màn hình thông báo sẽ biến mất.

Chế độ "ĐỒNG BỘ":

Nhiệt độ cài đặt cho bên lái sẽ được cài đặt cho cả bên khách.
Cài đặt nhiệt độ riêng cho bên khách, chế độ "ĐỒNG BỘ" tự động tắt.

Để cài đặt nhiệt độ khi đang không ở màn hình thao tác điều hòa không khí, chạm vào hiển thị nhiệt độ trên màn hình và màn hình điều chỉnh xuất hiện cùng biểu tượng "+/-" để thay đổi nhiệt độ.

5 giây sau thao tác cuối cùng, màn hình thông báo sẽ biến mất.

Điều chỉnh cửa gió

Cửa gió phía trước

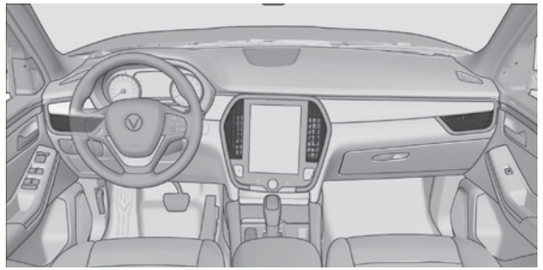

Hoạt động của cửa gió ra
Gió có thể thổi sang bên trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

Gạt cần sang hết hướng "X" để đóng cửa gió.

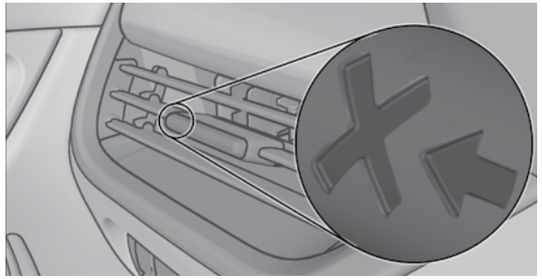

Điều chỉnh luồng khí thổi

▸ Luồng khí thổi để làm mát:
Điều chỉnh cửa gió thổi trực tiếp về hướng bạn, ví dụ khi ánh nắng mặt trời làm nóng bên trong xe.

▸ Luồng khí thổi tự do:
Điều chỉnh cửa gió sao cho luồng gió đi qua người.

Cửa ở hàng ghế thứ hai, ở giữa

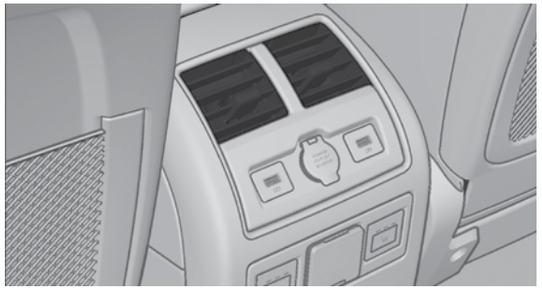

Gió có thể thổi sang bên trái hoặc phải, lên trên hoặc xuống dưới.

Gạt cần sang hết hướng “X” để đóng cửa gió.

Cửa ở hàng ghế thứ ba, ở giữa

Nút bật quạt. Đèn LED sáng.

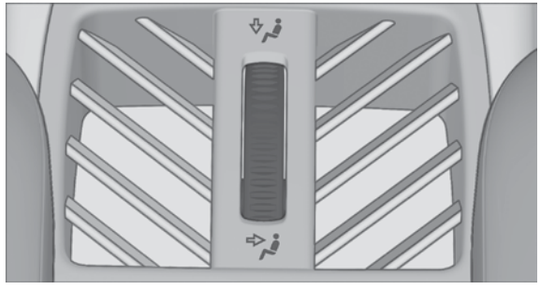

Núm điều chỉnh dùng để điều chỉnh gió:

- ▸ Vặn núm điều chỉnh về phía trước, gió sẽ thổi trong khu vực để chân
- ▸ Vặn núm điều chỉnh về phía sau, gió sẽ thổi trong chỗ đựng đồ giữa các ghế.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Đầu mồi thuốc

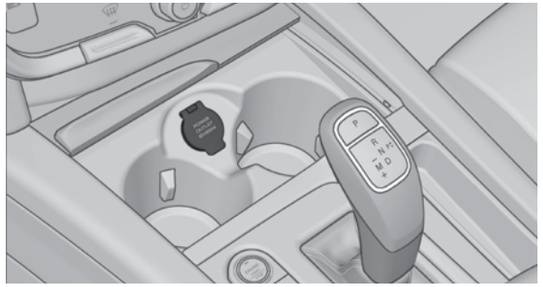

Nhấn vào nút

Thao tác

Nhấn vào đầu mồi thuốc.

Có thể lấy đầu mồi thuốc ra ngay sau khi nắp bật lên.

Có nguy cơ bị bỏng

Chỉ cầm vào núm của đầu mồi thuốc khi nó đang nóng, nếu không có thể bị bỏng.

Tắt khóa khởi động và cầm theo chìa khóa điều khiển từ xa khi ra khỏi xe để tránh trẻ nhỏ nghịch đầu mồi thuốc và bị bỏng.◂

Đậy lại lắp sau khi sử dụng

Lắp lại đầu mồi thuốc hoặc nắp sau khi sử dụng, nếu không đồ vật có thể rơi vào trong đầu mồi thuốc gây đoản mạch.

Nối các thiết bị điện

Không cắm các thiết bị sạc vào ổ cắm 12V trong xe

Không cắm bộ sạc ắc quy vào ổ cắm 12V được lắp đặt sẵn trong xe vì có thể làm hỏng ắc quy xe do mức tiêu thụ điện tăng.◂

Đậy lại lắp sau khi sử dụng
Lắp lại nắp đầu mồi thuốc hoặc nắp ổ cắm sau khi sử dụng, nếu không đồ vật có thể rơi vào trong đầu mồi thuốc gây đoản mạch.

Cổng cắm

Có thể dùng ổ cắm đầu mồi thuốc làm ổ cắm thiết bị điện khi động cơ đang chạy hoặc khi khóa khởi động bật. Tổng công suất tiêu thụ ở tất cả các ổ cắm không được vượt quá 140 W ở mức 12 V.

Không dùng các đầu nối không phù hợp vì có thể làm hỏng ổ cắm.

Phía sau cụm yên ngựa

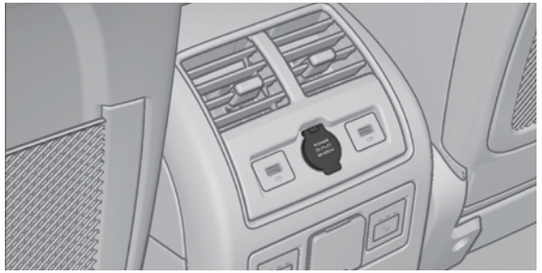

Tháo nắp đậy.

Trong khoang hành lý

Gập lên để mở nắp.

Cổng kết nối USB

Khái niệm

Kết nối để nhập và xuất dữ liệu trên các thiết bị USB, như:

- Âm nhạc, xem hướng dẫn sử dụng phần Dẫn đường, Giải trí và Truyền tin.

Tổng quan

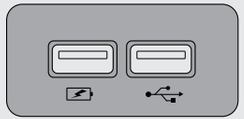

1. Cổng kết nối USB nằm trong hộp đựng bên dưới tựa tay giữa phía trước. Bạn có thể cắm thiết bị iPhone/iPod/MP3/USB Driver... qua cổng kết nối của xe và hiển thị tên nghệ sĩ, tên bài hát v.v. trên màn hình hiện số trong xe. Cũng có thể sử dụng cổng kết nối này để sạc thiết bị.

Để đảm bảo cổng cắm USB hoạt động tốt, dây sạc không được dài quá 1 m.

2. Chân cắm 5V DC chỉ có chức năng sạc.

Khi kết nối cần tuân theo những điều sau đây:

- Không dùng lực mạnh để cắm đầu nối với cổng USB.
- Không nối các thiết bị như quạt hoặc đèn với cổng USB

Ổ cắm 230 V và 5 V DC ở ghế sau

1 Ổ cắm x 230 V (tối đa 150W).
Ổ cắm loại E

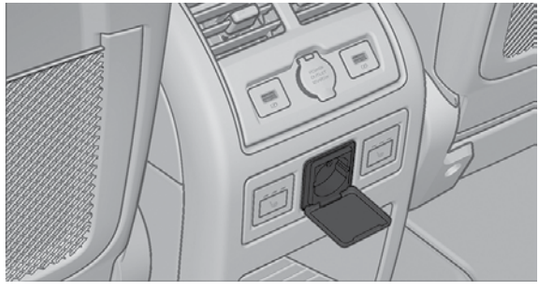

Chỉ được sử dụng khi động cơ hoạt động

Sạc không dây trong xe

Người dùng có thể mở hộc đồ giữa, sau đó đặt điện thoại vào trong hốc sạc sao cho mặt lưng quay vào thiết bị.

Khi phát hiện có điện thoại, sẽ có biểu tượng hiển thị trên màn hình.

Thông báo hiện ra trong cụm đồng hồ báo hiệu quá trình sạc bắt đầu.

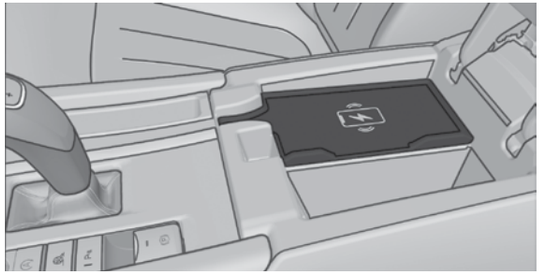

Khoang hành lý

Mở rộng khoang hành lý

■ Thông tin chung

Có thể mở rộng khoang hành lý bằng cách gập tựa lưng ghế sau xuống.

Tựa lưng ghế sau được chia theo tỷ lệ 40–20–40. Có thể gập riêng hai bên và phần giữa xuống.

Nguy cơ bị kẹp
Đảm bảo khu vực chuyển động của tựa lưng ghế sau không có vật cản trước khi gập xuống. Đặc biệt, đảm bảo không có ai tiếp cận hoặc ở trong khu vực chuyển động của tựa lưng ghế sau khi gập phần giữa xuống. Nếu không, có thể gây chấn thương hoặc hư hỏng.◂

Khóa cố định tựa lưng ghế sau
Trước khi lắp hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ vào tựa lưng ghế sau, nghiêng tựa lưng ghế sau sao cho ghế của trẻ dựa chắc chắn vào tựa lưng đó và cài chắc tựa lưng ghế sau.
Ghế của trẻ không được lắp chắc chắn làm tăng nguy cơ bị thương do những chuyển động không lường trước được của tựa lưng ghế sau.◂

Đảm bảo cài khóa chắc chắn
Đảm bảo khóa cố định chắc chắn tựa lưng khi gập lên. Khi tựa lưng được khóa chắc chắn, vùng cảnh báo đỏ trên ghế ngồi sẽ biến mất. Nếu tựa lưng không được khóa chắc chắn, hàng hóa trên xe có thể rơi vào khoang khách khi phanh xe hoặc khi xe chuyển động đột ngột và gây nguy hiểm cho người ngồi trên xe.◂

■ Gập hai bên xuống

Dựng thẳng ghế trước
Đảm bảo ghế trước tiến về phía trước một chút và ở vị trí dựng thẳng trước khi gập tựa lưng ghế sau xuống. Nếu không có thể làm hỏng tựa đầu ◂

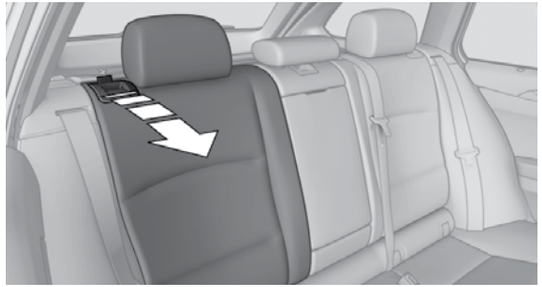

Cho tay vào trong hốc và kéo về phía trước.

■ Gập phần giữa xuống

Cho tay vào trong hốc và kéo về phía trước.

Tấm chắn nắng

Màn chắn nắng từ bên cạnh

■ **Mở**

1. Gập tấm chắn nắng xuống.

2. Tháo móc khỏi giá đỡ và xoay sang một bên.

3. Di chuyển về vị trí mong muốn.

■ **Đóng**

Thực hiện theo thứ tự ngược lại để đóng tấm chắn nắng.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Không để đồ vật lỏng lẻo trong khoang chứa đồ
Không đặt đồ vật vào trong khoang khách khi chưa cố định vật lại; nếu không có thể gây nguy hiểm cho hành khách trên xe khi phanh gấp.◂

Không đặt thảm không chính hãng trên bảng táp lô
Không đặt thảm không chính hãng trên bảng táp lô. Vật liệu thảm có thể làm hỏng bảng táp lô.◂

Khoang chứa đồ

Các khoang chứa đồ sau có sẵn trong xe:

- ▸ Ngăn đựng găng tay
- ▸ Khoang chứa ở táp pi cửa
- ▸ Khoang chứa đồ dưới tựa tay
- ▸ Tựa tay giữa
- ▸ Ngăn đựng kính
- ▸ Tấm lưới trên tựa lưng ghế trước

Ngăn đựng găng tay

Bên khách phía trước

Đóng ngay ngăn đựng găng tay lại
Đóng ngăn đựng găng tay ngay sau khi sử dụng khi đang lái xe; nếu không có thể gây thương tích nếu xảy ra tai nạn.◂

Mở

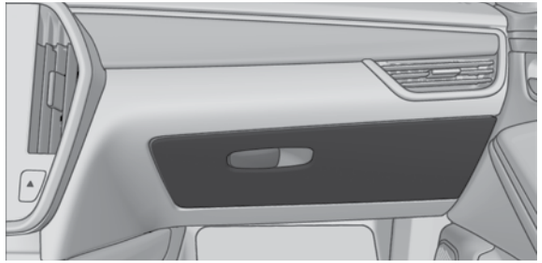

1. Kéo tay nắm để nhả ra
2. Kéo mở nắp

3. Đèn sáng lên

Đóng

Gập ngăn lại.

Khoang chứa ở táp pi cửa

Không để đồ dễ vỡ.
Không chứa các vật dễ vỡ, ví dụ: bình thủy tinh trong khoang, làm vậy có thể gây thương tích trong trường hợp xảy ra tai nạn.◂

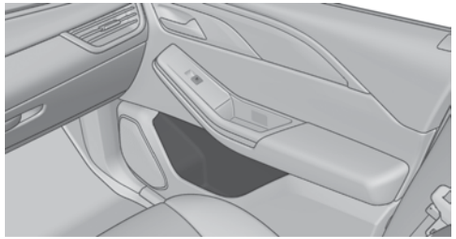

Khoang chứa đồ trên cụm yên ngựa

Mở

Trượt nắp đậy về phía trước.

Đóng

Trượt nắp đậy về phía sau.

Khoang chứa đồ nhỏ

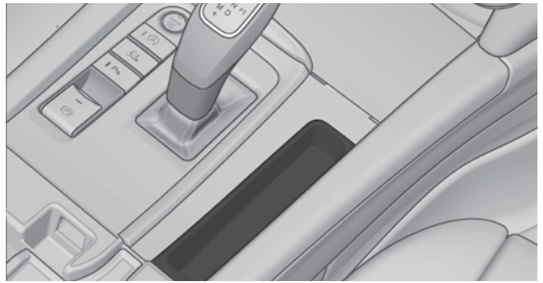

Có thể chứa các vật nhỏ như đồng xu.

Tựa tay ghế giữa phía trước

Mở

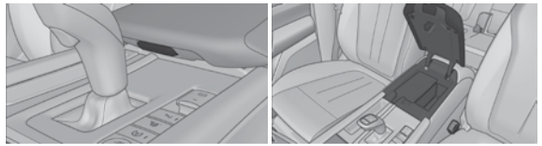

Ấn nhẹ nắp giữa xuống theo hướng mũi tên.

Đóng

Gập nắp xuống cho tới khi chốt đã khóa.

Kết nối thiết bị âm thanh ngoài

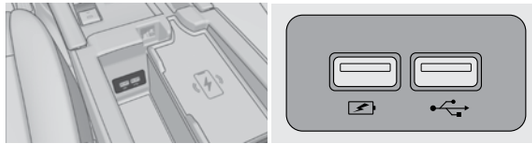

1. Ổ cắm 5V DC chỉ có chức năng sạc.
2. Ổ cắm USB nằm trong hộp đựng bên dưới tựa tay giữa phía trước.

Kiểm soát bộ nhớ ngoài cho phép cắm thiết bị iPhone/iPod/MP3/USB Driver, v.v qua giao diện của xe và hiển thị tên nghệ sĩ, tên bài hát, v.v trên phần đọc kỹ thuật số trong xe. Cũng có thể sử dụng ổ cắm này để sạc.

Ngăn đựng kính

Tổng quan

Ngăn đựng kính nằm giữa gương trong xe và đèn nội thất.

Mở

Ấn nắp lên phía trên để mở.

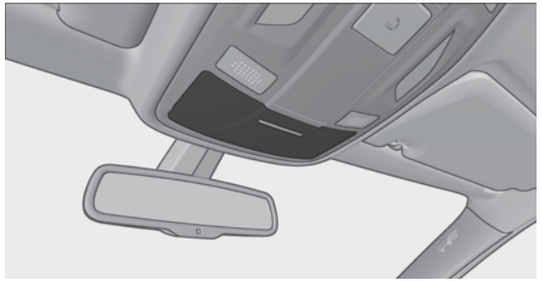

Đóng

Ấn nắp lên phía trên cho tới khi đã khóa.

Ngăn để cốc

Đặt bình nước chống vỡ và không đặt đồ uống đang nóng
Sử dụng bình nước chống vỡ và không dùng để đặt đồ uống nóng. Làm vậy có nguy cơ tăng thương tích hoặc nguy hiểm khi xảy ra tai nạn.◂

Bình nước không phù hợp
Không cố đặt các bình chứa không phù hợp vào ngăn để cốc. Làm vậy có thể gây hư hỏng.◂

Phía trước

■ Tổng quan

Trong cụm yên ngựa.
Trượt nắp đậy về phía trước.

Hai ngăn để cốc nằm ở cụm yên ngựa.

■ Đóng

Trượt nắp đậy về phía sau.

Phía sau

Ấn nắp đậy về phía sau
Ấn nắp đậy về phía sau trước khi gập tựa tay giữa; nếu không có thể gây hư hỏng ngăn để cốc.◂

■ Tổng quan

Trong tựa tay ghế giữa.

■ Mở

1. Kéo móc treo và gập tựa tay giữa.

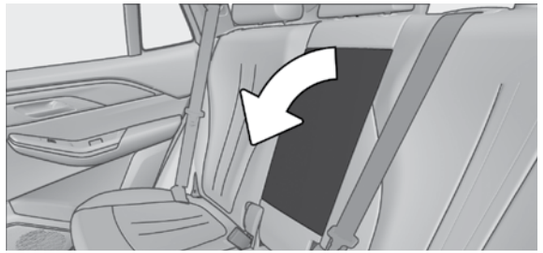

Hàng ghế thứ ba

■ Tổng quan

Ngăn để cốc nằm giữa các ghế của hàng ghế thứ ba.

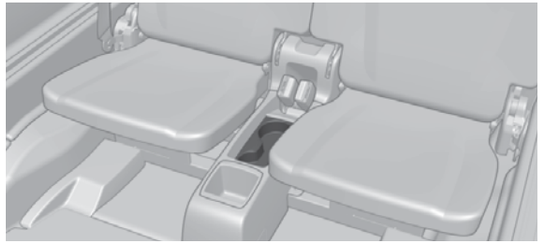

Móc treo quần áo

Móc treo quần áo nằm trên tay nắm trên trần xe.

Không cản trở tầm nhìn
Khi treo quần áo trên móc, đảm bảo không cản trở tầm nhìn lái xe.◂

Không treo vật nặng
Không treo vật nặng lên móc; làm vậy có thể gây nguy hiểm cho hành khách khi phanh gấp.◂

Khoang chứa đồ phía sau

Khoang chứa đồ bên dưới

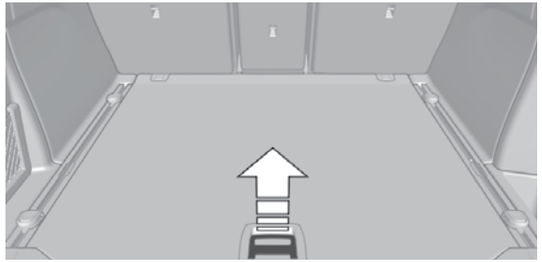

Nâng sàn lên. Khoang chứa đồ bên dưới chia thành các khoang nhỏ.

Móc treo/móc treo đa năng

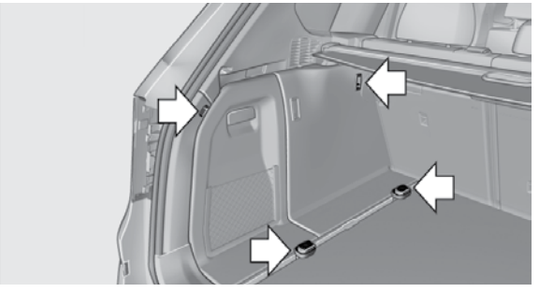

Dây giữ

Dây giữ nằm trên ốp trang trí phải dùng để giữ các vật nhỏ.

Lưới

Có thể để các vật nhỏ vào trong lưới bên trái khoang hành lý.

Khoang chứa đồ bên phải

Khoang chứa đồ chống thấm nước nằm bên phải sàn để đồ.

Khoang chứa đồ bên trái

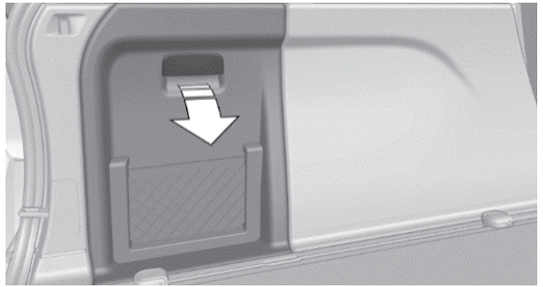

Kéo tay nắm.

Móc treo trong khoang hành lý

Để cố định hàng hóa dùng các móc treo trong khoang hành lý.

Móc treo có rãnh trong khoang hành lý

Để cố định hàng hóa dùng các móc treo trong khoang hành lý.

LUX SA2.0
Điều khiển

Lưới để đồ

Cũng có thể sử dụng lưới đàn hồi để cố định hàng hóa.

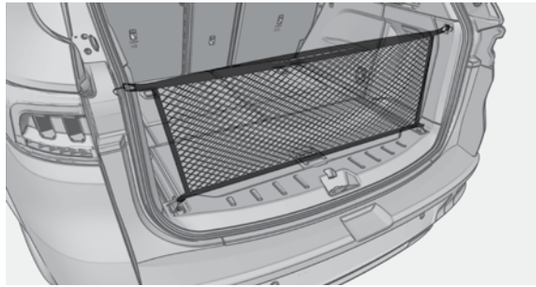

LUX SA2.0

Kỹ năng lái xe

Chương này cung cấp cho bạn thông tin trong quá trính lái xe. Đồng thời mô tả thêm các tính năng, phụ kiện giúp bạn có được trải nghiệm lái xe an toàn, thoải mái và hiệu quả.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Giai đoạn chạy rà

Thông tin chung

Giai đoạn chạy rà là một giai đoạn quan trọng

Những chỉ dẫn sau đây sẽ giúp tăng độ bền cho xe và tiết kiệm nhiêu liệu hơn cho người sử dụng.

Động cơ và bộ vi sai

Luôn tuân thủ giới hạn tốc độ quy định.

■ 2.000 km ban đầu

Không lái xe vượt quá tốc độ động cơ và vận tốc xe cho phép:

- ▸ Đối với động cơ VF 2.0 là 4.500 vòng/phút và 160 km/h.
  Tránh chở đầy tải hoặc tăng tốc đột ngột trong mọi tình huống.

■ Từ 2.000 km

Có thể tăng từ từ tốc độ động cơ và vận tốc của xe.

Lốp

Do các yếu tố kỹ thuật liên quan đến nhà sản xuất nên lốp không đạt được toàn bộ khả năng bám đường cho đến sau giai đoạn chạy rà.

Lái xe ở tốc độ vừa phải trong 300 km đầu tiên.

Hệ thống phanh

Hệ thống phanh cần chạy rà trong vòng 500 km ban đầu để đạt độ tiếp xúc tối ưu giữa đĩa phanh và má phanh. Lái xe ở tốc độ vừa phải trong giai đoạn chạy rà này.

Sau khi thay thế phụ tùng

Nếu thay mới bất kỳ bộ phận nào kể trên trong suốt quá trình sử dụng của xe cũng phải áp dụng giai đoạn chạy rà tương tự.

Lưu ý chung khi lái xe

Đóng cửa hậu

Lái xe khi đã đóng cửa hậu

Chỉ lái xe khi đã đóng cửa hậu, nếu không trong trường hợp xảy ra tai nạn hoặc khi phanh xe và khi xe chuyển động đột ngột có thể làm hành khách trên xe và những người tham gia giao thông khác bị thương và hỏng xe. Thêm vào đó, khí xả có thể xâm nhập vào khoang hành khách.◂

Nếu bắt buộc phải mở cửa hậu khi lái xe thì:

- ▸ Đóng tất cả các cửa kính.
- ▸ Tăng tốc độ quạt gió.
- ▸ Lái xe ở tốc độ vừa phải.

Hệ thống xả

Hệ thống xả

Hệ thống xả tạo ra nhiệt độ cao. Không tháo các tấm cách nhiệt đã được lắp sẵn và không phủ bất kì vật liệu nào lên ống xả. Đảm bảo các vật liệu dễ cháy như cỏ khô, lá cây, cỏ v.v. không tiếp xúc với hệ thống xả trong khi lái xe, khi xe ở chế độ chờ hoặc khi đỗ xe. Nếu không có thể gây hỏa hoạn, dẫn đến nguy cơ gây thương tích nghiêm trọng và thiệt hại về tài sản.

Không chạm vào ống xả nóng, làm vậy có nguy cơ bị bỏng.◂

Hiện tượng trượt nước

Trên mặt đường ướt hoặc đầy tuyết tan, khi xe di chuyển, nước sẽ tạo thành một lớp ngăn cách giữa lốp xe và mặt đường.

Hiện tượng này được gọi là trượt nước. Đặc trưng của hiện tượng này là lốp xe bị mất tiếp xúc một phần hoặc hoàn toàn với mặt đường, dẫn đến giảm khả năng điều khiển và phanh xe của người lái.

Xe bị trượt nước

Giảm tốc độ khi lái xe trên mặt đường ướt hoặc đầy tuyết tan để tránh xe bị trượt nước.◂

Lái xe qua vùng ngập nước

Độ sâu nước tối đa đối với vùng nước tĩnh:

- ▸ LUX SA 2.0: 50 cm

Lái xe chậm khi đi qua vùng ngập nước (vận tốc xe nhỏ hơn hoặc bằng vận tốc đi bộ)

Tuân thủ giới hạn về độ sâu và giới hạn vận tốc.

Không lái xe qua vùng nước có độ sâu quá lớn và vận tốc không vượt quá vận tốc đi bộ, nếu không có thể làm hỏng động cơ, hệ thống điện và hộp

số của xe.

Phanh an toàn

Chiếc xe này được trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS.

Đạp phanh hết cỡ là cách phanh hiệu quả nhất trong các trường hợp.

Với tính năng này, người lái vẫn có thể tránh chướng ngại vật bằng cách đánh lái nhẹ trong khi phanh.

Âm thanh phát ra từ mạch thủy lực cho biết ABS đang hoạt động.

■ Đồ vật trong phạm vi chuyển động của bàn đạp phanh và bàn đạp ga

Không để đồ vật trong khu vực quanh bàn đạp

Không để tấm lót sàn, thảm và bất kì đồ vật nào trong khu vực chuyển động của bàn đạp, nếu không có thể cản trở hoạt động của bàn đạp khi lái xe và dẫn đến nguy cơ xảy ra tai nạn.

Không đặt thêm tấm lót sàn lên trên tấm lót sàn nguyên bản hoặc các đồ vật khác.

Chỉ sử dụng tấm lót sàn chuyên dụng cho xe và có thể cố định được chắc chắn.

Đảm bảo cố định lại chắc chắn tấm lót sàn sau khi tháo ra để vệ sinh.◂

■ Lái xe trong điều kiện đường ướt

Khi đường ướt có phủ muối hoặc khi có mưa to, đạp nhẹ lên bàn đạp phanh sau vài km một lần.

Đảm bảo việc này không gây nguy hiểm cho những người tham gia giao thông khác.

Nhiệt sinh ra từ quá trình này giúp làm khô đĩa phanh và má phanh.

Làm vậy giúp duy trì hiệu quả phanh khi cần sử dụng.

■ Đường dốc

Về số thấp để hạn chế dùng phanh khi lái xe xuống dốc cao. Nếu không sẽ gây quá nhiệt hệ thống phanh, làm giảm tác dụng của hệ thống phanh.

Về số thấp để tăng hiệu quả phanh động cơ, cài số 1 nếu cần thiết.

Tránh để hệ thống phanh làm việc quá tải

Tránh để hệ thống phanh làm việc quá tải. Rà phanh nhẹ nhưng liên tục có thể gây quá nhiệt, mòn phanh và thậm chí làm mất tác dụng của phanh.◂

Không lái xe ở số trung gian

Không lái xe ở số trung gian hoặc khi đã dừng động cơ, phanh động cơ sẽ mất tác dụng trong trường hợp này.

Thêm vào đó, các tính năng hỗ trợ cho hệ thống lái và phanh sẽ không còn khi động cơ dừng.◂

■ Gỉ đĩa phanh

Đĩa phanh bị gỉ và má phanh bị bám bẩn nhiều hơn khi:

- ▸ Quãng đường xe đi ngắn.
- ▸ Không sử dụng xe trong thời gian dài.
- ▸ Không thường xuyên sử dụng phanh.

Hiện tượng gỉ xảy ra khi má phanh không thể duy trì được được áp suất tối thiểu lên đĩa phanh trong quá trình sử dụng phanh để làm sạch đĩa phanh.

Nếu đĩa phanh bị gỉ, hệ thống phanh có xu hướng không ổn định

Nước ngưng tụ dưới gầm xe

Khi sử dụng hệ thống điều hòa không khí tự động, nước ngưng tụ thoát ra bên dưới gầm xe.

Nước đọng lại dưới gầm xe như vậy là hiện tượng bình thường.

Lái xe trên đoạn đường xấu

Xe được trang bị bốn bánh chủ động có những lợi thế của một chiếc xe tải thông thường.

Không lái xe trên đường quá xấu

Không lái xe trên đường quá xấu, nếu không có thể gây hư hỏng xe.◂

Vì sự an toàn của chính bạn, của hành khách trên xe và xe, lưu ý những điểm sau:

- ▸ Làm quen với xe trước khi bắt đầu mỗi chuyến đi, tránh rủi ro khi lái xe.
- ▸ Điều chỉnh tốc độ xe theo điều kiện mặt đường. Lái xe ở tốc độ thấp khi đi trên mặt đường dốc và gồ ghề.
- ▸ Khi lái xe lên dốc hoặc xuống dốc: thêm dầu động cơ và dung dịch nước làm mát đến gần vạch MAX. Có thể di chuyển trên đoạn đường lên và xuống có độ dốc không vượt quá 50 %.

- Trên các đoạn đường xuống dốc đứng, hãy sử dụng hệ thống hỗ trợ đổ đèo.
  Hệ thống hỗ trợ đổ đèo ➔ T.92.

  Có thể di chuyển trên đoạn đường có độ dốc lên tới 33 %. Độ dốc cho phép tối đa là 50 %.
- Tránh để gầm xe tiếp xúc với mặt đất.

  Khoảng sáng gầm xe không được vượt quá 20 cm và có thể thay đổi tùy theo điều kiện tải trọng.
- Khi các bánh xe bị mất kiểm soát, hãy giảm tốc độ để hệ thống hỗ trợ ổn định chuyển động có thể phân phối lại lực tới các bánh xe. Sử dụng chức năng chống trượt TM nếu có.

Sau mỗi lần đi trên đoạn đường xấu

Sau mỗi lần đi trên đoạn đường xấu, hãy kiểm tra hư hỏng lốp và bánh xe để duy trì sự an toàn khi lái xe. Loại bỏ đất bám trên thân xe.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong model sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Thông tin chung

Chở quá tải trọng
Không chở quá trọng tải quy định. Chở quá tải trọng có thể gây quá nhiệt và làm bên trong lốp nhanh hỏng hơn. Điều này có thể làm mất áp suất lốp xe đột ngột.◂

Không để chất lỏng trong cốp
Đảm bảo không để chất lỏng lọt vào trong cốp, nếu không có thể làm hỏng xe.◂

Xác định tải trọng tối đa của xe

1. Xác định trên tem thông tin của xe.

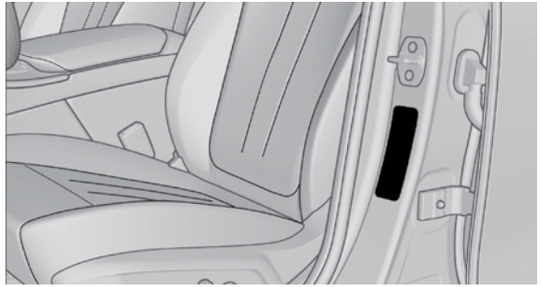

2. Xác định tổng trọng lượng của người lái và các hành khách ngồi trên xe.
3. Lấy tổng XXX kg trừ đi tổng trọng lượng của người lái và các hành khách trên xe.
4. Kết quả là tải trọng cho phép của hàng hóa và hành lý. Ví dụ, nếu XXX là 450 kg và trên xe có 4 hành khách nặng 70 kg thì tải trọng cho phép của hàng hóa và hành lý là 170 kg: 450 kg - 280 kg = 170 kg.
5. Xác định tổng trọng lượng của hàng hóa và hành lý được chở trên xe. Tổng trọng lượng đó có thể vượt quá tải trọng cho phép của hàng hóa và hành lý đã được tính ở bước 4.

Tải trọng

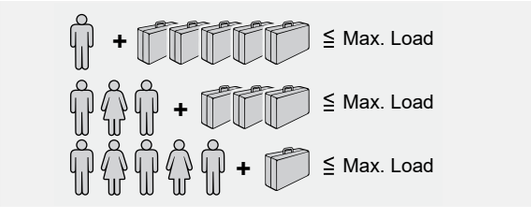

Tải trọng tối đa là tổng trọng lượng của hành khách trên xe và hành lý.

Hành khách càng nặng thì xe càng được chở ít hàng hóa.

Xếp hành lý

- Che phủ các cạnh sắc nhọn của hành lý.
- Hành lý nặng: hạn chế xếp gần phía trước, xếp ngay sau và dưới tựa lưng ghế phụ sau.
- Hành lý rất nặng: khi không có người ngồi ở hàng ghế sau, cố định dây đai an toàn ngoài vào móc khóa đối diện.
- Gập lưng ghế sau xuống để xếp hành lý nếu cần thiết.
- Không xếp hành lý lên mép trên của tựa lưng ghế.

Cố định hành lý

Móc treo trong khoang hành lý

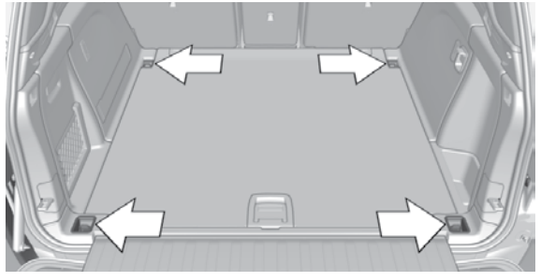

Sử dụng 4 móc treo trong khoang hành lý để cố định hành lý.

Móc treo trong khoang hành lý có thanh trượt

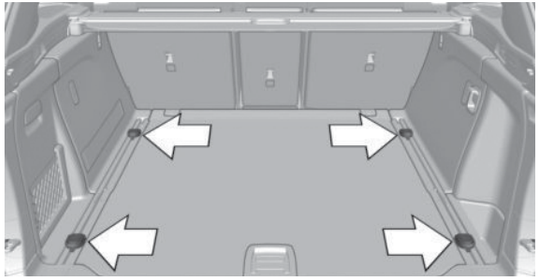

Sử dụng 4 móc treo có thể điều chỉnh được trong khoang hành lý để cố định hành lý.

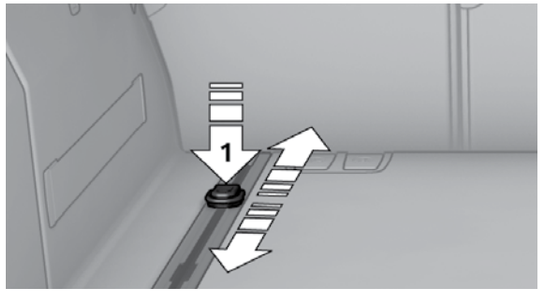

Để di chuyển các móc treo, nhấn nút, mũi tên 1.

Cố định hành lý

- Vật nhỏ và nhẹ: dùng dây giữ hoặc tấm lưới hoặc dây rút để cố định.
- Vật to và nặng: dùng dây chằng hành lý để cố định.

Cố định hành lý
Xếp và cố định hành lý như được mô tả ở trên, nếu không có thể gây nguy hiểm cho hành khách trên xe trong trường hợp phanh xe và xe chuyển động đột ngột.

Phải cố định chặt các vật nặng và cứng bên trong xe, nếu không đồ vật có thể va đập xung quanh khi phanh gấp, chuyển hướng đột ngột v.v. và gây nguy hiểm cho người ngồi trên xe.◂

Giá trên nóc xe

Chỉ lắp đặt giá trên nóc xe được phân phối bởi Vinfast.

Cố định

Tuân theo hướng dẫn lắp đặt giá trên nóc xe.

Chất hành lý

Đảm bảo khoảng trống phù hợp khi xe bị nghiêng. Giá trên nóc xe làm tăng trọng tâm xe khi xe có tải gây ảnh hưởng lớn đến sự ổn định của xe và phản ứng khi đánh lái.

Do đó, cần lưu ý những điểm sau khi xe có tải và lái xe:

- Không vượt quá tải trọng nóc xe/cầu xe và tổng trọng lượng xe quy định.
- Phân phối đều tải trọng trên nóc xe.
- Tải trọng trên nóc xe không được quá lớn.
- Luôn đặt những vật nặng nhất xuống dưới.

- Cố định chắc chắn hàng hóa trên nóc xe, tức là dùng dây đai buộc chặt lại.
- Không để hành lý nhô ra khu vực mở cửa hậu.
- Lái xe cẩn thận và tránh tăng tốc và phanh xe đột ngột. Vào cua nhẹ nhàng.

Chức năng kéo theo rơ moóc

Giá rơ moóc

Sử dụng giá rơ moóc có thể tháo rời theo hướng dẫn đi kèm của nhà sản xuất.

Gắn rơ moóc sẽ làm giảm hiệu quả hệ thống cản sau.

Vị trí rơ moóc

Rơ moóc nằm trong khoang hành lý dưới sàn.

Tháo và lắp

Để tháo và lắp rơ moóc tham khảo hướng dẫn bên dưới:

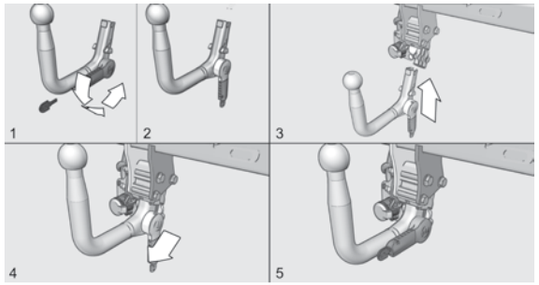

Trước khi lái xe

■ Tải trọng kéo

Tải trọng kéo tối thiểu không được dưới 25 kg. Tận dụng tối đa tải trọng kéo cho phép

Rơ moóc được lắp lên xe và do đó làm tăng trọng lượng xe. Tải trọng chuyên chở tối đa của xe giảm theo trọng lượng rơ moóc được lắp đặt.

> ⚠ Lưu ý không được vượt quá tổng tải trọng cho phép của xe.◂

■ Tải trọng

Khi kéo theo rơ moóc, đảm bảo tải trọng phân bổ xuống thấp và dồn về phía trục. Trọng tâm thấp sẽ tăng độ an toàn của toàn bộ rơ moóc và xe.

Khối lượng rơ moóc và tải trọng kéo theo không được vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

■ Áp suất lốp

Đặc biệt chú ý tới áp suất lốp xe và áp suất lốp của rơ moóc. Đối với xe, tham khảo ➔ *T.148* để biết thông tin về việc sử dụng áp suất lốp cho tải lớn hơn. Đối với rơ moóc, vui lòng tham khảo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

■ Thiết bị tiêu thụ điện

Khi lái xe đường dài, tắt các thiết bị tiêu thụ điện ảnh hưởng tới công suất ắc quy khi không cần thiết.

> ⚠ Trước khi khởi động, kiểm tra chức năng của đèn phía sau rơ moóc. Đèn hậu không hoạt động có thể phạm luật và gây nguy hiểm cho người tham gia giao thông khác. ◂

■ Lái xe với rơ moóc

> ⚠ Tuân thủ tốc độ tối đa cho phép ở mỗi quốc gia, nhưng không nên vượt quá 80 km/h. Nếu không, có thể gây mất ổn định khi lái.

■ Xử lý chuyển động lắc lư

Nếu rơ moóc chuyển động lắc lư, ổn định rơ moóc bằng cách phanh mạnh ngay lập tức. Chỉ đánh lái khi cần, thực hiện một cách cẩn thận và chú ý tới những người tham gia giao thông khác.

■ Khi lên dốc

Được phép sử dụng chức năng kéo theo rơ moóc ở độ dốc tối đa 12% để đảm bảo an toàn và di chuyển dễ dàng. Nếu tải trọng đang kéo của rơ moóc cao hơn mức cho phép, giới hạn độ dốc tối đa là 8%.

■ Khi xuống dốc

Khi xuống dốc, rơ moóc có xu hướng lắc lư.
Về số thấp trước khi xuống dốc và lái xe từ từ.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Thông tin chung

Mức tiêu thụ nhiên liệu phụ thuộc vào một số yếu tố.

Thói quen lái xe và việc bảo dưỡng xe thường xuyên có thể ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nhiên liệu và mức độ ảnh hưởng đến môi trường.

Tháo dỡ hàng hóa không cần thiết

Thêm tải trọng làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.

Tháo các bộ phận đính kèm sau khi sử dụng

Tháo gương phụ, giá trên nóc xe hoặc các phụ kiện không còn cần thiết sau khi sử dụng.

Các bộ phận đính kèm trên xe làm giảm khí động học và làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu.

Đóng cửa kính

Lái xe khi cửa kính đang mở làm tăng sức cản không khí

Lốp

Thông tin chung

Lốp xe có thể ảnh hưởng đến mức tiêu thụ nhiên liệu theo nhiều cách khác nhau, ví dụ như kích thước của lốp xe.

Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp xe

Kiểm tra và điều chỉnh áp suất ốp xe nếu cần thiết, ít nhất 2 lần/tháng và trước khi bắt đầu một chuyến đi dài.

Áp suất lốp xe thấp làm tăng sức cản khi lăn bánh, do đó làm tăng mức tiêu thụ nhiên liệu và làm lốp mòn nhanh.

Lái xe đi ngay

Không cần hâm nóng động cơ tại chỗ. Bắt đầu lái xe đi ngay, nhưng ở tốc độ động cơ vừa phải.
Đây là cách nhanh nhất để động cơ đang nguội đạt đến nhiệt độ làm việc.

Giữ tầm nhìn phía trước thông thoáng

Tránh tăng tốc và phanh không cần thiết bằng cách duy trì một khoảng cách phù hợp với xe đi phía trước.

Lái xe êm dịu giúp giảm mức tiêu thụ nhiên liệu.

Tận dụng quán tính

Khi gần đến đèn đỏ, bỏ chân ra khỏi chân ga và để xe chạy theo quán tính đến khi dừng lại.

Khi xuống dốc, bỏ chân ra khỏi chân ga và để xe tự lăn.

Tắt động cơ khi dừng xe lâu

Tắt động cơ khi dừng xe lâu, ví dụ khi chờ đèn đỏ, ở ngã tư đường sắt hoặc khi tắc nghẽn giao thông.

Chức năng Khởi động/Dừng tự động

Chức năng khởi động/dừng tự động của xe sẽ tự động tắt động cơ khi xe dừng.

Mức tiêu thụ nhiên liệu và khí thải sẽ giảm khi tắt động cơ. Chỉ vài giây dừng động cơ cũng có thể giúp bạn tiết kiệm nhiên liệu.

Sử dụng hệ thống này, một số bộ phận trên xe có thể bị ăn mòn sớm hơn.

Ngoài ra, mức tiêu thụ nhiên liệu cũng được xác định bởi các yếu tố khác như thói quen lái xe, điều kiện đường xá, bảo dưỡng hoặc các yếu tố về môi trường.

Tắt các chức năng không cần dùng

Các chức năng như sưởi ghế – tính năng này có thể không áp dụng cho một số thị trường và sưởi kính sau cần rất nhiều năng lượng và làm giảm hiệu suất của xe, tắt các chức năng này nếu không thực sự cần thiết.

Bảo dưỡng xe

Bảo dưỡng xe thường xuyên để tăng hiệu quả sử dụng và tuổi thọ xe. Nên để nhà phân phối thực hiện việc bảo dưỡng xe.

LUX SA2.0

Hoạt động

Chương này cung cấp cho bạn thông tin về về quãng bảo dưỡng, các dung dịch dùng trên xe, vành và lốp xe, các hệ thống hỗ trợ khẩn cấp. Đồng thời mô tả thêm các tính năng, phụ kiện giúp bạn có được trải nghiệm lái xe an toàn, thoải mái và hiệu quả.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Đổ nhiên liệu kịp thời
Bổ sung nhiên liệu ngay khi **cảnh báo sắp hết nhiên liệu** xuất hiện với phạm vi đi được còn lại *(➔T.75)*, nếu không sẽ không đảm bảo hoạt động của động cơ và có thể xảy ra hư hỏng.

Nắp nhiên liệu

Mở

1. Nhấn vào cạnh sau của nắp bình nhiên liệu.

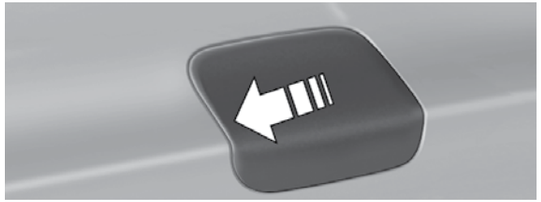

2. Xoay nắp nhiên liệu ngược chiều kim đồng hồ.

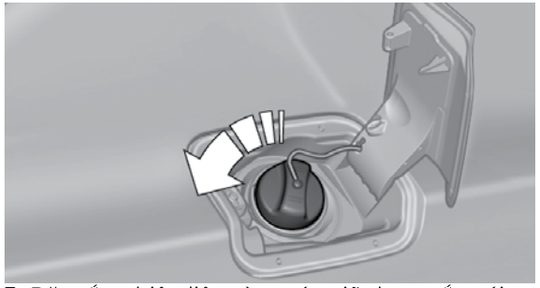

3. Đặt nắp nhiên liệu vào móc giữ được gắn với nắp bình nhiên liệu.

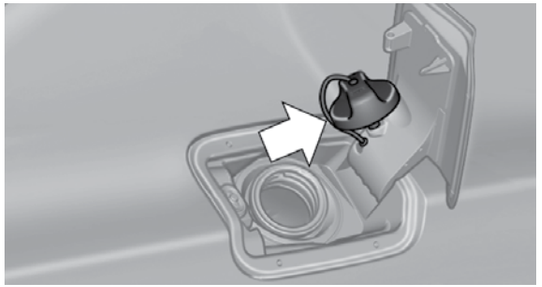

Đóng

1. Đậy nắp nhiên liệu và xoay theo chiều kim đồng hồ cho đến khi nghe rõ tiếng cách.
2. Đóng nắp bình nhiên liệu.

Không kéo dây giữ
Không kéo dây giữ chèn vào nắp nhiên liệu, nếu không nắp có thể không đóng kín và nhiên liệu có thể bay hơi ra ngoài.◂

Mở nắp bình nhiên liệu bằng tay

Ví dụ trong trường hợp có sự cố về điện.

1. Mở nắp chụp trên ốp trang trí bên phải.

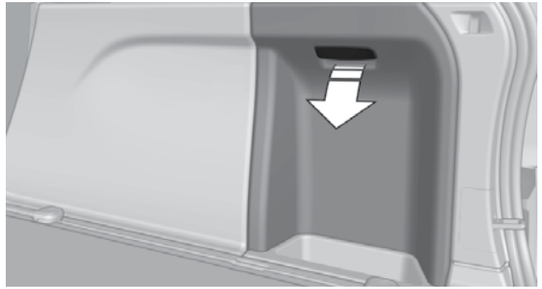

2. Kéo núm màu xanh lá cây có biểu tượng bơm nhiên liệu để nhả nắp bình nhiên liệu ra.

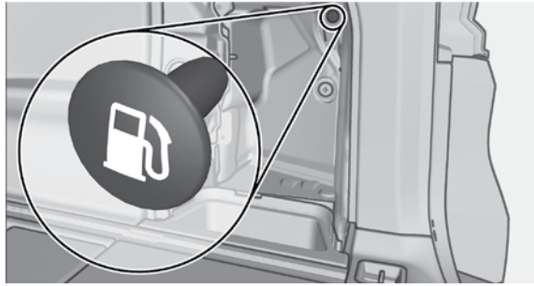

Khi tiếp nhiên liệu cần tuân theo những điều sau đây

Không đổ đầy tràn bình nhiên liệu
Không đổ đầy tràn bình nhiên liệu, nếu không nhiên liệu có thể tràn ra ngoài, gây nguy hiểm cho môi trường và làm hỏng xe.◂

Xử lý nhiên liệu
Tuân thủ các quy định về an toàn ở trạm xăng.◂

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Khuyến nghị về nhiên liệu

Tổng quan chất lượng nhiên liệu
Nhiên liệu dù tuân thủ các thông số kỹ thuật cũng có thể có chất lượng thấp. Trong trường hợp này, đổi trạm xăng hoặc sử dụng nhiên liệu có thương hiệu có chỉ số octan cao hơn, nếu không có thể xuất hiện các vấn đề về động cơ như khởi động động cơ kém, khả năng vận hành và hiệu suất xe kém.◂

Để tiết kiệm nhiên liệu tối ưu nhất thì xăng phải không có lưu huỳnh hoặc có hàm lượng lưu huỳnh rất thấp.

Chỉ đổ nhiên liệu không chì và không có chất phụ gia gây nguy hại cho xe.
Không đổ nhiên liệu có chì hoặc có chất phụ gia gây nguy hại cho xe như mangan hoặc sắt, nếu không có thể gây hư hỏng lâu dài cho bộ trung hòa khí xả và các bộ phận khác.◂

Chất lượng xăng

Vinfast khuyến nghị sử dụng xăng RON 95 E0 Level 4. Theo QCVN 1: 2015/BKHCN

Cấp nhiên liệu tối thiểu
Không sử dụng bất kỳ loại xăng nào dưới cấp nhiên liệu tối thiểu nếu không có thể làm giảm hiệu suất động cơ.◂

Chất lượng nhiên liệu
Sử dụng nhiên liệu kém chất lượng có thể tạo lắng cặn động cơ hoặc gây hư hỏng. Ngoài ra cũng có thể xuất hiện các vấn đề liên quan đến khả năng lái xe, khởi động và chết máy, đặc biệt trong một số điều kiện môi trường nhất định như nhiệt độ bên ngoài cao và ở chỗ cao.

Nếu gặp phải các vấn đề về khả năng lái xe, bạn nên chuyển sang sử dụng thương hiệu xăng chất lượng cao và có chỉ số octan cao hơn trong một vài lần đổ xăng. Để tránh cặn động cơ có hại, bạn nên mua xăng từ các nhà bán lẻ uy tín.

Không tuân theo những khuyến nghị này có thể dẫn đến việc phải bảo dưỡng xe đột xuất.◂

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Áp suất lốp xe

Thông tin an toàn

Các đặc điểm và áp suất của lốp ảnh hưởng đến:

- ▸ Tuổi thọ của lốp.
- ▸ An toàn giao thông.
- ▸ Sự thoải mái khi lái xe.

Kiểm tra áp suất

Qua một thời gian sử dụng, lốp xe sẽ bị giảm áp suất một chút. Điều này là bình thường.

Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp xe
Thường xuyên kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh khi cần thiết, ít nhất 2 lần/tháng và trước mỗi chuyến đi dài. Nếu không tuân thủ, áp suất lốp có thể không đảm bảo, dẫn đến tình trạng mất ổn định khi lái xe, làm hỏng lốp và có nguy cơ xảy ra tai nạn.◂

Lốp nóng lên khi xe chạy và áp suất lốp sẽ tăng theo nhiệt độ của lốp. Các chỉ số áp suất lốp là mức áp suất đo được khi lốp nguội hoặc ở nhiệt độ môi trường.

Chỉ kiểm tra áp suất lốp khi lốp nguội. Tức là sau khi xe chạy không quá 2 km hoặc khi xe đã dừng được ít nhất 2 giờ.

Sau khi điều chỉnh áp suất lốp xe:

- ▸ Khởi động lại Hệ thống giám sát áp suất lốp.

Các chỉ số áp suất

Bảng áp suất lốp bao gồm tất cả các chỉ số áp suất cho các lốp ở nhiệt độ môi trường. Các chỉ số này áp dụng cho các kích thước lốp tiêu chuẩn và các nhãn hiệu lốp khuyên dùng. Bạn có thể tham khảo thông tin này tại nhà phân phối.
Lưu ý những điểm sau để xác định đúng áp suất lốp:

- ▸ Kích thước lốp của xe.
- ▸ Tốc độ lái tối đa cho phép.

Bảng áp suất lốp xe

Để lái xe được thoải mái nhất, hãy lưu ý các giá trị áp suất trong bảng áp suất lốp và điều chỉnh khi cần thiết.

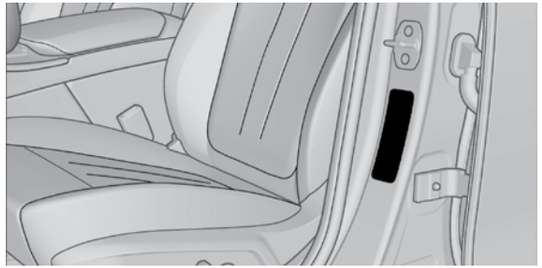

Các giá trị áp suất lốp này có thể được ghi trên nhãn áp suất lốp dán trên bệ cửa xe bên lái.
Các chỉ số áp suất được đo bằng bar:

■ Áp suất lốp cho xe hai cầu chủ động

SUV AWD	bar	kPa			bar	kPa
255/50 R18 109V XL M&S	2,5	250	max	285/45 R19 111W XL		2,4 240
	2,6	260	3,3 330			3,3 330
255/50 R19 107W XL 275/40 R20 106Y XL	2,3	230	max	315/35 R20 110Y XL		2,5 250
	2,6	260				3,2 320

■ Áp suất lốp cho xe cầu sau chủ động

SUV RWD	bar	kPa			bar	kPa
255/50 R18 109V XL M&S	2,5	250	2,5 250	max	285/45 R19 111W XL	2,5 250
	2,6	260	3,3 330			3,3 330
255/50 R19 107W XL 275/40 R20 106Y XL	2,3	230		max	315/35 R20 110Y XL	2,5 250
	2,6	260				3,2 320

Các ký hiệu trên lốp xe

Kích thước lốp

255/50 R 19 107 W XL
255: chiều rộng lốp, mm
50: tỷ lệ chiều cao/chiều rộng, %
R: cấu trúc bố dạng Radial
19: đường kính vành, inch
107: chỉ số tải trọng giới hạn
W: chỉ số tốc độ giới hạn
XL: tải trọng thêm, loại lốp này có thể sử dụng áp suất lốp cao hơn để chở nhiều trọng lượng hơn lốp tiêu chuẩn
M+S: lốp dùng cho mùa đông và tất cả các mùa

Chỉ số tốc độ bằng chữ cái

Q = tối đa 160 km/h

R = tối đa 170 km/h
S = tối đa 180 km/h
T = tối đa 190 km/h
H = tối đa 210 km/h
V = tối đa 240 km/h
W = tối đa 270 km/h
Y = tối đa 300 km/h

Số nhận dạng lốp xe

Mã số DOT: DOT xxxx xxx 0419
xxxx: mã nhà sản xuất lốp
xxx: kích thước và cấu trúc lốp
0419: thời gian sản xuất lốp

Thời gian sản xuất lốp

DOT ... 0419: lốp được sản xuất vào tuần thứ 4 của năm 2019.

Khuyến nghị

Nên thay lốp 6 năm/lần, không kể độ hao mòn lốp.

Phân hạng chất lượng lốp

Mức chất lượng của lốp có thể được tìm thấy trên mặt bên của lốp, giữa vai lốp và phần rộng nhất nếu có.

Gai lốp

Lốp dùng cho mùa hè

Khuyến nghị: Không lái xe khi chiều cao hoa lốp dưới 3 mm.
Nếu chiều cao hoa lốp dưới 3 mm sẽ làm tăng nguy cơ trượt khi đi trên đường có nước.

Lốp dùng cho mùa đông - có thể không áp dụng cho một số thị trường

Không lái xe khi hoa lốp xe sâu dưới 4 mm.

Chiều cao hoa lốp dưới 4 mm không phù hợp với điều kiện vận hành mùa đông.

Chiều cao hoa lốp tối thiểu

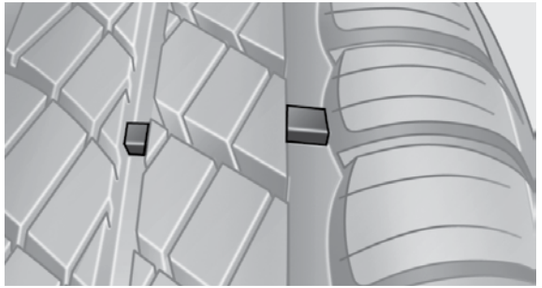

Chỉ báo mòn nằm trên lốp xe. Chiều cao tối thiểu

theo quy định là 1,6 mm.

Trên hông lốp xe có đánh dấu TWI, chỉ báo mòn lốp.

Hỏng lốp

Thông tin chung

Thường xuyên kiểm tra lốp xe xem có bị hư hỏng, có vật lạ mắc vào và có mòn lốp không.

Lưu ý

Lái xe trên bề mặt đường gồ ghề hoặc đường có nhiều mảnh vụn, đá vỉa đường và các chướng ngại vật khác có thể làm vành, lốp xe và các bộ phận giảm xóc bị hư hỏng nặng. Lái xe cẩn thận để tránh các nguy hiểm trên đường và giảm tốc độ xe, đặc biệt với xe dùng lốp thành mỏng.

Dấu hiệu hỏng lốp hoặc các hỏng hóc khác của xe:
- ▸ Rung bất thường khi lái xe.
- ▸ Tình huống bất thường như xe có xu hướng đi lệch sang trái hoặc phải. Các hư hỏng có thể xuất hiện do lái xe trên đường xấu, đường hỏng.

Trong trường hợp hỏng lốp
Nếu có dấu hiệu hỏng lốp, ngay lập tức giảm tốc độ và kiểm tra vành và lốp xe, nếu không sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn.

Liên hệ nhà phân phối gần nhất để nhận được sự hỗ trợ. Nếu không lốp hỏng có thể trở thành mối nguy hiểm đến tính mạng cho những người ngồi trên xe và những người tham gia giao thông khác.◂

Sửa chữa lốp hỏng
Vì lý do an toàn, nhà sản xuất xe khuyến nghị bạn không nên sửa chữa lốp đã hỏng mà nên thay mới. Nếu không có thể xảy ra hỏng hóc không mong muốn khác trong tương lai.◂

Thay vành và lốp xe

Lắp

Thông tin lắp lốp xe
Nên đến các nhà phân phối của VinFast để thực hiện lắp và cân bằng lốp xe.

Nếu không thực hiện đúng cách sẽ gây thiệt hại và có nguy cơ mất an toàn khi vận hành xe.◂

Thông tin vành và lốp

Bạn có thể hỏi nhà phân phối về vành/lốp xe phù hợp dành cho xe.

Vành và lốp không đúng chủng loại làm giảm chức năng của một loạt các hệ thống như ABS hoặc ESC.

Chỉ sử dụng lốp của cùng một nhà sản xuất để duy trì khả năng xử lý và phản ứng của xe.

Sau khi bị hỏng lốp, lắp lại vành và lốp xe nguyên bản lên xe càng sớm càng tốt.

Vành và lốp xe
Nhà sản xuất khuyến cáo bạn chỉ nên sử dụng loại vành và lốp xe được phê duyệt.

Nhà sản xuất không thể đánh giá các loại vành và lốp xe không được phê duyệt để xác định xem chúng có phù hợp khi sử dụng không, vì thế không thể đảm bảo xe vận hành an toàn khi lắp các loại vành và lốp xe này.◂

Nhãn hiệu lốp khuyên dùng

Nhà sản xuất khuyến nghị từng nhãn hiệu lốp cụ thể cho mỗi loại xe.

Hãy hỏi nhà phân phối để biết nhãn hiệu được dùng cho xe của bạn.

Khi sử dụng đúng cách, những loại lốp này sẽ đáp ứng các tiêu chuẩn cao nhất về an toàn khi vận hành.

Lốp mới

Do các yếu tố kỹ thuật liên quan đến nhà sản xuất nên lốp không đạt được toàn bộ khả năng bám đường cho đến sau giai đoạn chạy rà.

Lái xe ở tốc độ vừa phải trong 300 km đầu tiên.

Lốp xe chế lại

Nhà sản xuất khuyến nghị không nên lắp lốp xe đã được chế lại.

Lốp xe chế lại
Sử dụng lốp đã được chế lại có thể gây mất an toàn trong quá trình vận hành trên đường.◂

Đảo lốp giữa các trục

Nhà sản xuất xe khuyến nghị không nên đảo lốp giữa cầu trước và cầu sau.

Điều này có thể làm giảm các đặc tính vận hành.

Không được đảo lốp có kích thước trên cầu trước khác với cầu sau, tức là khi xe sử dụng các loại lốp khác nhau.

Bảo quản

Bảo quản vành và lốp xe ở nơi khô ráo, thoáng mát và càng ít tiếp xúc với ánh sáng càng tốt.

Giữ lốp tránh tiếp xúc với dầu nhờn và nhiên liệu.

Không nên bơm lốp vượt quá áp suất tối đa được quy định trên lốp.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Các vị trí quan trọng trong khoang động cơ

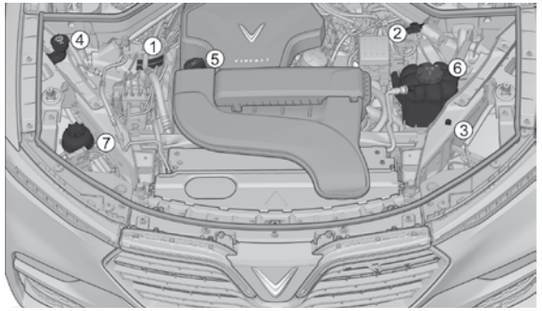

① Mã nhận dạng xe VIN
② Đầu cực Dương của hệ thống hỗ trợ khởi động
③ Đầu cực Âm của hệ thống hỗ trợ khởi động
④ Bình nước rửa kính
⑤ Vị trí đổ dầu động cơ
⑥ Bình nước làm mát
⑦ Bình dầu trợ lực lái

Nắp ca pô

Mở nắp ca pô

Thao tác trong khoang động cơ
Không thực hiện sửa chữa hoặc bảo trì xe khi chưa qua đào tạo kỹ thuật.

Nếu không thực hiện đúng cách sẽ có nguy cơ hư hỏng và gây mất an toàn.◂

Không được phép chạm vào khoang động cơ
Không nên chạm vào các chi tiết trong khoang động cơ. Làm vậy có thể gây thương tích, v.v do lúc đó các bộ phận đang hoạt động hoặc đang nóng.◂

1. Kéo cần gạt.

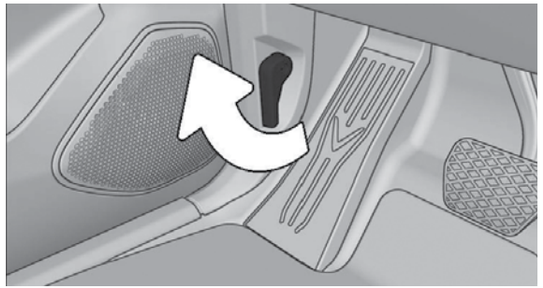

2. Gạt khóa mở nắp ca pô sang một bên để mở nắp ca pô.

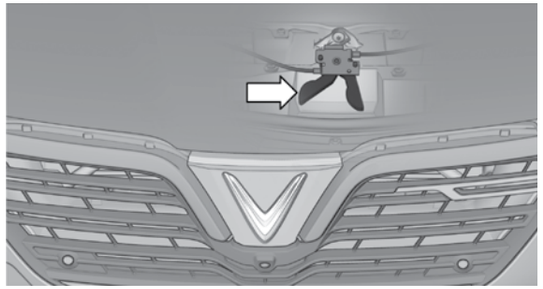

3. Đẩy nắp ca pô lên một chút cho tới khi thanh chống đẩy lên hoàn toàn.

Nguy cơ thương tích khi nắp ca pô mở
Có nguy cơ thương tích từ các bộ phận nhô ra khi nắp ca pô mở.◂

Đóng nắp ca pô

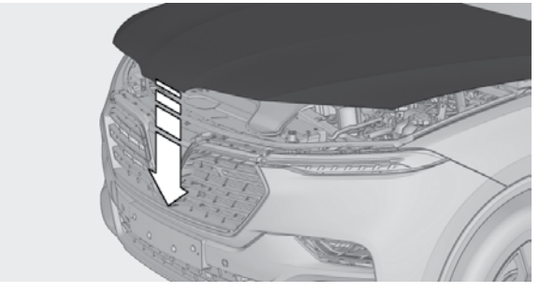

Để nắp tự rơi ở độ cao cách 40 cm. Không dùng tay ấn xuống nếu nắp ca pô không đóng hết, làm vậy có thể gây hư hỏng. Có âm thanh phát ra khi đóng nắp ca pô.

Nắp ca pô mở khi lái xe
Nếu thấy có bất kỳ dấu hiệu nắp ca pô chưa đóng hoàn toàn khi đang lái xe, thực hiện đóng nắp ca pô lại.◂

Nguy cơ bị kẹp
Đảm bảo rằng khoảng không đóng nắp ca pô thoáng, nếu không có thể gây thương tích.◂

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Thông tin chung

Lượng tiêu hao dầu động cơ tùy thuộc vào thói quen và điều kiện lái xe. Khi lái xe theo phong cách thể thao, lượng tiêu hao dầu động cơ sẽ cao hơn.

Do đó, thường xuyên kiểm tra dầu động cơ.

Xe của bạn được trang bị thiết bị kiểm tra mức dầu điện tử và que thăm dầu.

■ Màn hình hiển thị cảnh báo dầu

Trong trường hợp mức dầu thấp hoặc áp suất dầu thấp, màn hình hiển thị tin cảnh báo .

■ Tin nhắn hiển thị mức dầu

Chú ý tới các cảnh báo này.
Nếu mức dầu động cơ quá thấp, đổ thêm dầu trong vòng 200 km kể từ khi nhận được cảnh báo.

Mức dầu động cơ quá thấp
Bổ sung thêm dầu động cơ ngay; thiếu dầu động cơ có thể gây hư hỏng động cơ.◂

Chú ý không đổ quá nhiều dầu động cơ.
Hãy kiểm tra xe ngay lập tức, đổ dầu thừa có thể gây hư hỏng động cơ.◂

Kiểm tra mức dầu

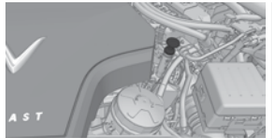

Trước khi kiểm tra mức dầu động cơ, thực hiện các thao tác sau

- ▸ Động cơ phải ở nhiệt độ làm việc và xe được đỗ trên mặt phẳng.
- ▸ Tắt máy và để trong vòng 5 phút.
- ▸ Mở nắp ca pô.
- ▸ Kéo que thăm dầu ra, dùng khăn lau sạch que.
- ▸ Cắm hết que thăm dầu vào lại.
- ▸ Kéo que thăm dầu ra và đọc mức dầu. Mức dầu phải nằm giữa vạch thấp nhất và vạch cao nhất. Không đo mức dầu khi động cơ đang chạy. Nếu mức dầu xuống vạch thấp nhất, màn hình

hiển thị thông báo.

Bổ sung thêm dầu động cơ

Thông tin chung

Tắt khóa khởi động và đỗ xe an toàn trước khi bổ sung thêm dầu động cơ.

Vị trí bổ sung dầu

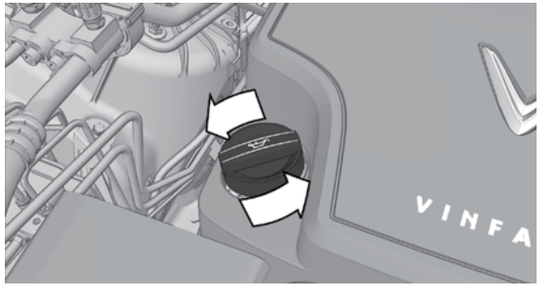

Chỉ bổ sung dầu khi màn hình cụm đồng hồ hiển thị thông báo hoặc khi mức dầu gần mức MIN trên que thăm dầu.

Bổ sung thêm 1 lít đối với động cơ 4 xy lanh.

Bổ sung thêm dầu
Bổ sung thêm dầu trong vòng 200 km tiếp theo.

Nếu không, động cơ có thể hư hỏng.◂

Không bổ sung quá nhiều dầu động cơ
Nếu vô ý đổ quá nhiều dầu, ngay lập tức kiểm tra xe, nếu không có thể làm hỏng động cơ.◂

Bảo vệ trẻ em
Để dầu, mỡ, v.v tránh xa tầm tay trẻ nhỏ và chú ý các cảnh báo trên bình dầu để tránh nguy hiểm tới sức khỏe.◂

Loại dầu khuyên dùng

Chú ý

Không sử dụng thêm chất phụ gia
Các chất phụ gia không rõ nguồn gốc có thể làm hỏng động cơ.◂

Độ nhớt của dầu động cơ
Khi lựa chọn dầu động cơ, đảm bảo rằng dầu động cơ có độ nhớt SAE 5W-30, nếu không có thể gây hư hại hoặc trục trặc động cơ.◂

Động cơ được đổ dầu Castrol Edge professional LL01 5W30 tại nhà máy. VinFast khuyên dùng dầu Castrol Edge professional LL01 5W30 khi bảo dưỡng.

Nếu không có loại dầu này, VinFast khuyến cáo dùng dầu theo tiêu chuẩn API SN với độ nhớt 5W 30 hoặc độ nhớt cao hơn.

Chất lượng dầu động cơ cực kỳ quan trọng đối với tuổi thọ động cơ.

Thay dầu động cơ

Chúng tôi khuyên bạn nên để nhà phân phối thay dầu động cơ cho xe.

Thời gian thay hoặc kiểm tra dầu là khi xe đạt 8.000 km hoặc 1 năm tùy điều kiện nào đến trước.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này cũng được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Nguy cơ bỏng từ động cơ nóng
Không mở hệ thống làm mát khi động cơ đang nóng; dung dịch nước làm mát thoát ra ngoài có thể gây bỏng.◂

Các chất phụ gia phù hợp
Chỉ sử dụng các chất phụ gia phù hợp; nếu không có thể gây hư hại động cơ. Chất phụ gia trong nước làm mát có có hại cho sức khỏe của bạn.◂

Dung dịch làm mát bao gồm nước và các chất phụ gia. Không phải tất cả các chất phụ gia bán trên thị trường đều phù hợp với xe.

Mức dung dịch làm mát

Nếu không có vạch Min. và Max. trong bình nước làm mát, hãy để nhà phân phối kiểm tra mức dung dịch làm mát và đổ thêm dung dịch làm mát nếu cần.

Kiểm tra

1. Để động cơ nguội.
2. Vặn nhẹ nắp bình nước làm mát ngược chiều kim đồng hồ để xả áp suất dư, và sau đó mở nắp.

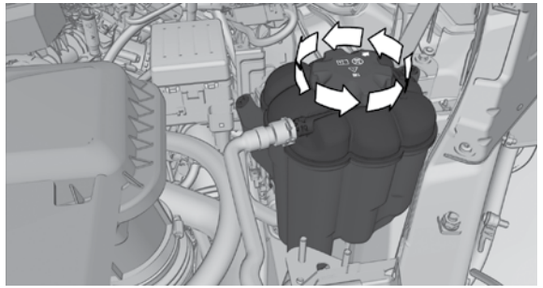

3. Mức dung dịch làm mát phù hợp nếu nằm giữa vạch Min. và vạch Max.

4. Nếu mức dung dịch làm mát dưới vạch Min., đổ thêm dung dịch làm mát như mô tả dưới đây.

Thêm dung dịch làm mát

1. Để động cơ nguội.
2. Vặn nhẹ nắp bình dữ trữ dung dịch làm mát ngược chiều kim đồng hồ để xả áp suất dư, và sau đó mở nắp.

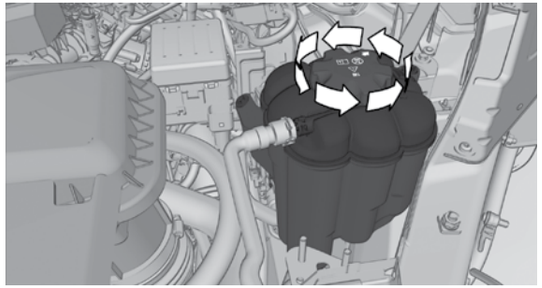

3. Nếu mức dung dịch làm mát thấp, từ từ đổ thêm tới mức quy định; không đổ tràn.
4. Vặn nắp cho tới khi nghe thấy tiếng cách. Mũi tên trên bình dự trữ dung dịch làm mát và nắp phải hướng vào nhau.
5. Khắc phục nguyên nhân gây rò rỉ dung dịch làm mát càng sớm càng tốt.

Xả thải

Tuân thủ quy định bảo vệ môi trường liên quan khi xả thải dung dịch nước làm mát và các chất phụ gia.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Ổ cắm cho hệ thống chẩn đoán lỗi OBD

Ổ cắm cho hệ thống chẩn đoán lỗi
Chỉ để kĩ thuật viên đã qua đào tạo và cấp chứng chỉ bởi Vinfast tác động vào hệ thống chẩn đoán lỗi nếu không, có thể gây lỗi vận hành cho xe.◂

Vị trí

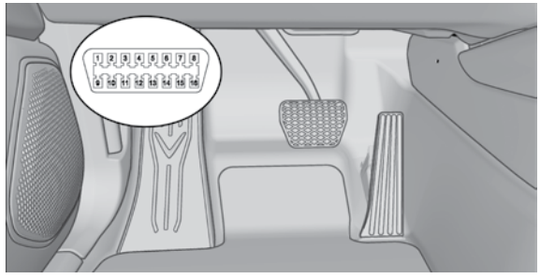

Ổ cắm OBD nằm ở vị trí bên trái phía dưới cụm táp lô.

Hệ thống khí xả

SERVICE ENGINE SOON Đèn cảnh báo sáng: Kiểm tra xe càng sớm càng tốt.

Đèn cảnh báo nhấp nháy trong các trường hợp sau:

Điều này cho biết hệ thống phát hiện có lỗi trong động cơ.

Giảm tốc độ xe và kiểm tra hệ thống ngay lập tức; động cơ bỏ lửa nghiêm trọng trong thời gian ngắn có thể gây hư hỏng các bộ phận kiểm soát

khí xả, đặc biệt là bộ trung hòa khí xả.

Chương này bao gồm các thông tin về bảo dưỡng và mục lục giúp bạn nhanh chóng tìm kiếm thông tin mong muốn.

Hạng mục bảo dưỡng O Kiểm tra ● Thay thế	Kilomet hoặc thời gian theo tháng, tùy điều kiện nào đến trước			
	x 1.000 km	8	16	24
	Thời gian (tháng)	12	24	36
ĐỘNG CƠ				
Dầu động cơ & Lọc dầu động cơ		●	●	●
Hệ thống sưởi, làm mát		O	O	O
Dung dịch nước làm mát động cơ		Thay thế sau mỗi 100.000 km hoặc 36 tháng		
Ống và đường nối dung dịch làm mát động cơ		O	O	O
Đường dẫn & đường nối nhiên liệu		O	O	O
Đai truyền động		Kiểm tra sau mỗi 8.000 km hoặc 12 tháng Thay thế sau mỗi 56.000 km hoặc 36 tháng		
Xích cam		O	O	O
HỆ THỐNG KHỞI ĐỘNG				
Ắc quy		O	O	O
Bugi		O	O	●
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT KHÍ XẢ VÀ NHIÊN LIỆU				

Lọc gió động cơ	O	O	●
Lọc nhiên liệu	O	O	●
Bộ hấp thụ khí xả & đường ống hơi	O	O	O
KHUNG GẦM VÀ THÂN XE			
Lọc gió điều hòa	O	●	O
Bồ xung ga điều hòa	O	●	O
Ống xả và giá đỡ	O	O	O
Nắp bình nhiên liệu, kết nối đường nhiên liệu	O	O	O
Dầu phanh	Thay thế sau mỗi 24 tháng		
Phanh và đường ống nối (bao gồm trợ lực phanh)	O	O	O
Má phanh và đĩa phanh	O	O	O
Bu lông/ đai ốc khung gầm, mỡ bôi trơn trục truyền động	O	O	O
Khớp cầu và cao su chắn bụi trục láp	O	O	O
Giảm xóc trước và sau	O	O	O
Vô lăng và các đăng lái	O	O	O
Dầu trợ lực lái	O	O	O
Dầu hộp số tự động	Thay thế sau mỗi 100.000 km		

Dầu vi sai trước	Thay thế sau mỗi 100.000 km		
Dầu vi sai sau	Thay thế sau mỗi 100.000 km		
Tình trạng lốp & Áp suất lốp	O	O	O
Đèn, còi, gạt nước kính chắn gió và nước rửa kính	O	O	O
Dây an toàn, khóa cài & bộ neo	O	O	O

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn trên xe, ví dụ là do thiết bị tùy chọn hoặc biến đổi theo từng quốc gia. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Bộ dụng cụ trên xe

1. Nâng sàn.

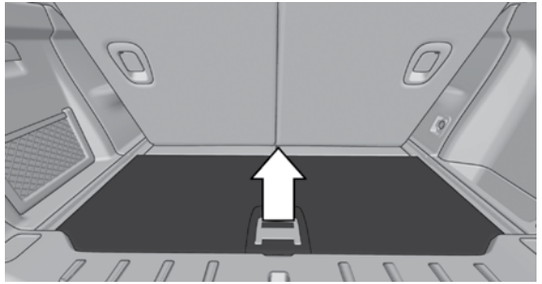

2. Lấy bộ dụng cụ đi kèm theo xe.

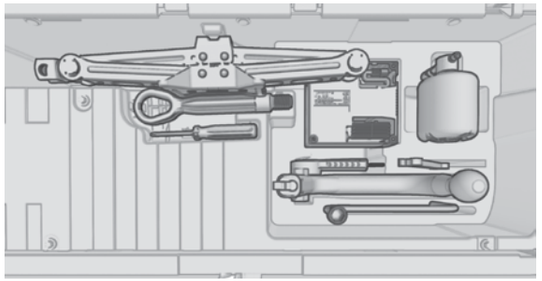

Thay lưỡi gạt nước

Không gập cần gạt khi không có lưỡi gạt
Không gập cần gạt khi chưa lắp lưỡi gạt; làm vậy có thể làm hỏng kính chắn gió .◂

Gập cần gạt xuống trước khi mở nắp ca pô
Trước khi mở nắp ca pô, đảm bảo lưỡi gạt tỳ vào kính chắn gió để tránh hỏng hóc.◂

Phía trước: Thay thế lưỡi gạt

Để bật chế độ thay lưỡi gạt, tắt khóa khởi động và kéo cần gạt xuống một lần.

1. Để thay lưỡi gạt, đưa cần gạt về vị trí sửa chữa.
2. Nhấc cần gạt ra khỏi kính chắn gió.

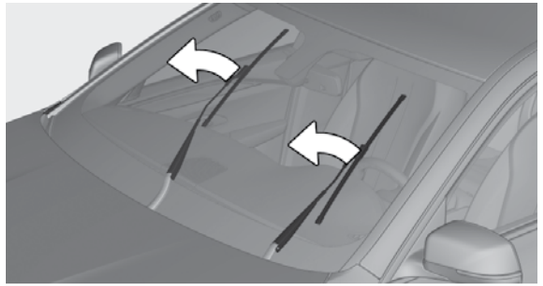

3. Nhấn vào vị trí như hình vẽ.

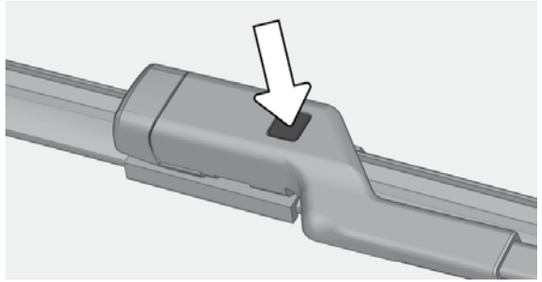

4. Trượt lưỡi gạt ra khỏi cần gạt.

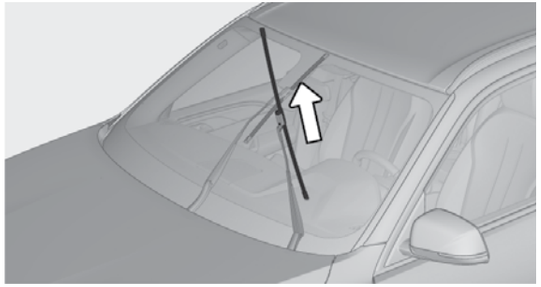

5. Lắp lưỡi gạt mới và ấn cho tới khi nghe thấy tiếng đóng tách vào giá đỡ.
6. Gập cần gạt nước xuống.

Phía sau: thay thế lưỡi gạt

1. Nhấc cần gạt nước và kéo ra, theo hướng mũi tên.

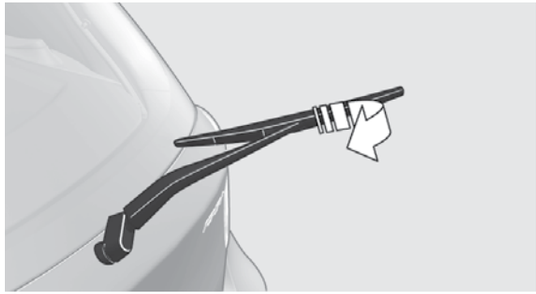

2. Gắn lưỡi gạt mới. Có âm thanh phát ra khi gắn cần.
3. Gập cần gạt nước xuống.

Thay thế đèn LED

Chú ý

■ **Đi-ốt phát sáng (LED)**

Đèn LED đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an toàn xe.

Chúng tôi khuyên bạn nên để nhà phân phối thực hiện các quy trình bảo dưỡng nếu bạn không quen thao tác hoặc thao tác không được mô tả trong phần này.

Bạn có thể lựa chọn đèn LED thay thế tại nhà phân phối.

■ **Vỏ đèn**

Hơi nước có thể tích tụ bên trong đèn phía ngoài khi thời tiết mát hoặc ẩm ướt. Khi lái xe với đèn được bật, hơi nước sẽ bay hơi sau một lúc. Không cần thay đèn.

Nếu hiện tượng này không mất đi sau khi đã bật đèn một khoảng thời gian, ví dụ: nước đọng vào đèn, hãy liên hệ với nhà phân phối để kiểm tra.

Đèn LED phía trước

■ **Chú ý**

Bóng đèn LED trên xe có tuổi thọ rất lâu, khả năng đèn lỗi rất thấp. Bật và tắt bóng đèn thường xuyên làm giảm tuổi thọ đèn.

Nếu một đèn LED hỏng, bật đèn sương mù phía trước và lái xe thật cẩn trọng.

Không tự ý sửa chữa
Chỉ để nhà phân phối thực hiện các công việc trên hệ thống đèn LED, bao gồm thay thế đèn LED. Do hệ thống có điện áp cao, có nguy cơ gây tử vong khi thao tác sai.◂

Vui lòng liên hệ nhà phân phối để được kiểm tra và điều chỉnh đèn pha.

Không tháo nắp đậy
Không tháo nắp đậy, không nhìn trực tiếp vào ánh sáng trong vài giờ; làm vậy có thể gây đau rát võng mạc.

■ **Vị trí các đèn**

1. Đèn vị trí / đèn ban ngày / đèn báo rẽ
2. Đèn trang trí
3. Đèn cốt / đèn pha
4. Đèn sương mù phía trước

Đèn pha LED

■ **Đi-ốt phát sáng (LED)**

Tuân thủ hướng dẫn đèn LED.

Đèn pha LED được thiết kế theo công nghệ LED. Nếu một đèn LED hỏng, bật đèn sương mù phía trước và lái xe thật cẩn trọng, lưu ý tuân thủ theo luật địa phương.

Liên hệ nhà phân phối trong trường hợp xảy ra hư hỏng.

Đèn sương mù phía trước

Tuân thủ hướng dẫn đèn LED.

■ **Thay thế**

Không tự ý sửa chữa đèn LED.
Chỉ để nhà phân phối thực hiện các công việc trên hệ thống đèn LED, bao gồm thay thế bóng LED. Do hệ thống có điện áp cao, có nguy cơ gây tử vong khi thao tác sai.◂

■ **Đèn LED sương mù phía trước**

Tuân thủ hướng dẫn đèn LED.

Đèn sương mù phía trước được sản xuất trên công nghệ LED. Liên hệ nhà phân phối trong trường hợp xảy ra trục trặc.

Đèn báo rẽ

Tuân thủ hướng dẫn đèn LED.

■ **Thay thế**

Không tự ý sửa chữa đèn LED.
Chỉ để nhà phân phối thực hiện các công việc trên hệ thống đèn LED, bao gồm thay thế bóng LED. Do hệ thống có điện áp cao, có nguy cơ gây tử vong khi thao tác sai.◂

■ **Tín hiệu báo rẽ bên**

Tuân thủ hướng dẫn đèn LED.

Đèn sương mù phía trước được sản xuất trên công nghệ LED. Liên hệ nhà phân phối trong trường hợp xảy ra trục trặc.

Đèn hậu, đèn LED

■ **Đèn hậu LED**

Đèn hậu được sản xuất trên công nghệ LED. Liên hệ nhà phân phối trong trường hợp xảy ra hư hỏng.

Không tự ý sửa chữa đèn LED.
Chỉ để nhà phân phối thực hiện các công việc trên hệ thống đèn LED, bao gồm thay thế bóng LED. Do hệ thống có điện áp cao, có nguy cơ gây tử vong khi thao tác sai.◂

■ **Vị trí các đèn**

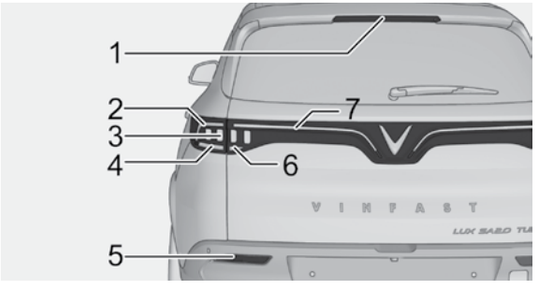

1. Đèn phanh thứ ba
2. Đèn vị trí
3. Đèn phanh
4. Đèn báo rẽ
5. Đèn sương mù phía sau
6. Đèn lùi
7. Đèn trang trí

Thay thế bánh xe

Chú ý

Xe không được trang bị lốp dự phòng.
Không cần thiết phải thay lốp hư hỏng ngay lập tức sau khi vá bằng bộ dụng cụ đi kèm.
Dụng cụ để thay thế được cung cấp tại nhà phân phối.

Điểm nâng xe

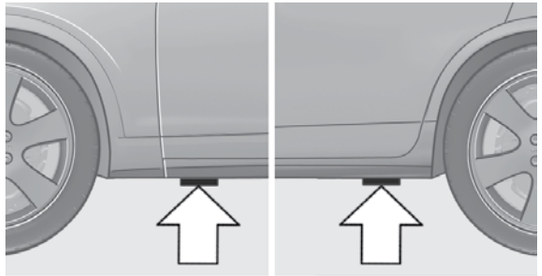

Điểm nâng xe nằm ở vị trí như trong hình.

Lốp dự phòng (nếu có)

Chú ý

Các biện pháp an toàn trong trường hợp gặp sự cố hoặc khi tiến hành thay thế bánh xe

- Đỗ xe tránh xa làn đường giao thông và trên bề mặt chắc chắn. Bật hệ thống đèn cảnh báo nguy hiểm.
- Kéo phanh tay và cài số P.
- Yêu cầu người ngồi trên xe ra khỏi xe và ở khu vực an toàn, như phía sau lan can bảo vệ.
- Nếu cần, dựng biển cảnh báo hoặc đèn cảnh báo nguy hiểm ở khoảng cách phù hợp. Tuân thủ theo các hướng dẫn và quy định an toàn.
- Chỉ thay bánh xe trên bề mặt bằng phẳng, chắc chắn và không trơn trượt. Thay thế bánh xe trên bề mặt yếu hoặc trơn trượt như tuyết, băng, v.v, có thể khiến xe hoặc kích xe trượt sang bên cạnh.
- Không kê khối gỗ hoặc vật dụng tương tự dưới kích xe; gỗ không chịu được tải trọng do chiều cao hạn chế.
- Khi xe được nâng lên, không nằm dưới gầm xe và không khởi động động cơ; nếu không có thể gây nguy hiểm chết người.◂

Chỉ sử dụng kích theo xe khi thay bánh xe

Không sử dụng để kích không đúng chủng loại hoặc tải trọng khác; nếu không, có thể gây hư hại xe và gây thương tích.◂

Tổng quan

Dụng cụ được đặt ở khoang chứa đồ dưới nắp sàn để hành lý.

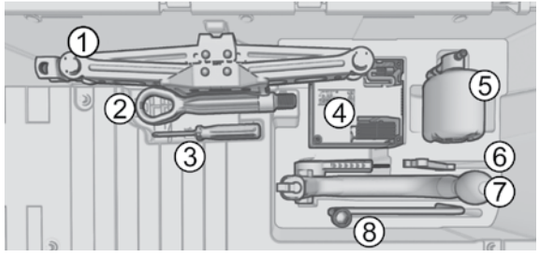

1. Kích xe
2. Móc kéo
3. Tua vít
4. Bộ bơm lốp
5. Keo vá lốp 450ml
6. Cần dùng cho kích xe
7. Rơ moóc
8. Tay quay

Chuẩn bị thay thế bánh xe

1. Tuân thủ hướng dẫn an toàn.
2. Nới các bu lông bánh xe ra nửa vòng.

Nâng xe lên

1. Đặt kích xe ở vị trí điểm nâng gần bánh nhất sao cho toàn bộ bề mặt chân kích nằm trên mặt đất và thẳng dưới điểm nâng.

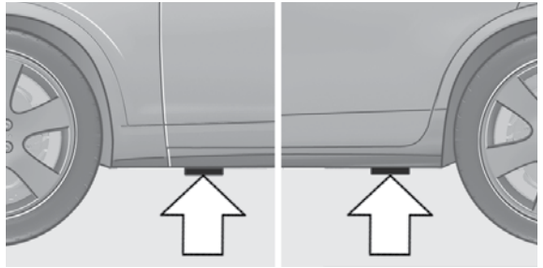

2. Lắp đầu kích vào vị trí và nâng xe lên.
3. Nâng tới khi bánh xe được đưa lên khỏi mặt đất.

Lắp bánh

1. Vặn bu lông bánh xe và tháo bánh xe bị hỏng ra ngoài.
2. Lắp bánh mới và vặn ít nhất hai bu lông.
3. Vặn các bu lông còn lại và lắp chặt lần lượt theo đường chéo.
4. Hạ xe xuống và tháo kích xe.

Sau khi thay thế bánh xe

1. Siết các bu lông lần lượt theo đường chéo. Lực siết là 140 Nm.

Kiểm tra lực siết của các bu lông

Vì sự an toàn của bạn, hãy kiểm tra lực siết của các bu lông bằng cờ lê hiệu chuẩn; các bu lông siết không đủ lực có thể gây nguy hiểm.

2. Để bánh xe hỏng trong khoang hành lý phía sau.
3. Kiểm tra áp suất lốp và điều chỉnh nếu cần.
4. Khởi động lại hệ thống giám sát áp suất lốp ➔ *T.87*.
5. Sửa chữa lốp hỏng càng sớm càng tốt.

Lái xe với lốp dự phòng

Lưu ý vận tốc khi lái xe với lốp dự phòng

Lái xe cẩn thận và không vượt quá 80 km/h; nếu không, có thể làm giảm độ ổn định khi phanh, quãng đường phanh lớn hơn.

Chỉ lắp một lốp dự phòng

Chỉ có thể lắp một lốp dự phòng. Tiến hành sửa chữa và lắp bánh xe nguyên bản nhanh nhất có thể; nếu không, có nguy cơ mất an toàn.◂

Sửa chữa nhanh lốp bị xì hơi

Biện pháp an toàn

- ▸ Đỗ xe trên bề mặt bằng phẳng chắc chắn và xa các phương tiện giao thông khác.
- ▸ Bật đèn cảnh báo nguy hiểm.
- ▸ Kích hoạt phanh tay để xe không bị trôi đi.
- ▸ Khóa vô lăng thẳng về phía trước.
- ▸ Tất cả người ngồi trên xe ra khỏi khu vực nguy hiểm, ví dụ: phía sau rào chắn.
- ▸ Nếu có thể, dựng biển cảnh báo ở khoảng cách phù hợp.

Hệ thống sửa chữa di động

Nguyên lý hoạt động

Hệ thống sửa chữa di động có thể vá nhanh lốp hư hỏng nhẹ để xe tiếp tục hành trình. Keo dán lốp được bơm vào trong lốp, vá phần lốp hỏng từ bên trong. Có thể sử dụng bơm để kiểm soát áp suất lốp.

Tổng quan

- ▸ Thực hiện theo hướng dẫn sử dụng hệ thống sửa chữa di động trên hộp bơm lốp và keo dán.
- ▸ Hệ thống sửa chữa di động có thể không hiệu quả với các hư hỏng lốp rộng khoảng 4 mm.
- ▸ Liên hệ nhà phân phối, đại lý bảo dưỡng ủy quyền khác hoặc xưởng sửa chữa khi không sửa được lốp.
- ▸ Nếu có thể, hãy để lại vật thể lạ trong lốp.
- ▸ Bóc nhãn giới hạn tốc độ trên keo dán lốp và dán vào vô lăng.
- ▸ Keo dán lốp có thể làm hư hại chi tiết điện trên bánh RDC. Trong trường hợp này, hãy thay thế các chi tiết điện sớm nhất có thể.

Sử dụng bộ sửa chữa lốp xì hơi

Khi thấy cảnh báo áp suất lốp xuất hiện trên màn hình cụm táp lô hoặc phát hiện ra dấu hiệu lốp bị xì hơi. Bạn cần đỗ xe vào lề đường và làm theo chỉ dẫn sau:

1. Tại vị trí lốp bị xì hơi:

- Tiến hành bơm lốp không quá 2 bar hoặc 4-6 phút. Sau đó, di chuyển xe để xoay lốp sao cho vị trí bị xì hơi được phát hiện tại vị trí 9h đến 15h.
- Cài số P. Dùng dụng cụ để rút vật gây xì hơi ra khỏi lốp (đinh, vít,...)

2. Kết nối đường cao áp của bơm vào đầu của bình keo vá lốp (hình 2). Sau đó, lắp đầu nối của bình keo vá lốp vào đầu van của lốp xe đang bị xì hơi.

3. Bật khóa điện và khởi động động cơ. Kết nối bơm với ổ điện 12V trên xe. Nhấn nút khởi động bơm và bơm đến khi áp suất lốp đạt khoảng 2 bar hoặc trong khoảng từ 4-6 phút (hình 3).

4. Tạm thời tháo bơm và keo vá lốp ra. Đặt tạm vào khoang để đồ phía sau (hình 4).

5. Tiếp tục lái xe tiếp khoảng 3 km. Sau đó dừng lại kiểm tra áp suất lốp (hình 5).

6. Sử dụng bơm để điều chỉnh áp suất lốp về áp suất tiêu chuẩn. Sau khi điều chỉnh áp suất lốp, thiết lập lại cảnh báo áp suất lốp ở màn hình cụm táp lô *(➔T.88)*. Lái xe đến đại lí hoặc trạm dịch vụ gần nhất để kiểm tra thay thế lốp hư hỏng (hình 6).

Lưu ý: Bình keo vá lốp nên thay thế sau mỗi lần sử dụng

Ắc quy xe

Bảo dưỡng

Ắc quy xe là loại không cần bảo dưỡng. Lượng axit trong ắc quy đủ để duy trì tuổi thọ ắc quy hoạt động của nó.

Các thắc mắc liên quan tới ắc quy sẽ được giải đáp tại nhà phân phối.

Thay ắc quy

Chỉ sử dụng loại ắc quy quy định
Chỉ sử dụng ắc quy khuyên dùng; nếu không, có thể gây hỏng các hệ thống trên xe hoặc khiến các chức năng hoạt động không đúng.◂

Sạc điện ắc quy

Không sạc điện cho ắc quy thông qua ổ cắm trên xe
Không sạc điện cho ắc quy thông qua ổ cắm lắp sẵn trong xe vì có thể làm hỏng ắc quy.◂

■ Thông tin chung

Đảm bảo ắc quy luôn được sạc đầy để có thể sử dụng hết tối đa tuổi thọ của ắc quy.
Cần sạc ắc quy trong các trường hợp sau:
- ▸ Khi lái xe ở các quãng đường ngắn thường xuyên.
- ▸ Nếu không sử dụng xe trên một tháng.

■ Đầu cực của hệ thống hỗ trợ khởi động

Chỉ sạc ắc quy thông qua hai đầu cực của hệ thống hỗ trợ khởi động trong khoang động cơ với động cơ tắt ➔ *T.154*.

Xả thải ắc quy cũ

Mang ắc quy tới nhà phân phối hoặc trung tâm tái chế để xử lý ắc quy cũ.

Luôn dựng thẳng ắc quy khi di chuyển và cất trữ. Giữ chặt ắc quy để không bị lật trong quá trình di chuyển.

Cầu chì

Thay thế cầu chì
Không tự thay thế cầu chì bị cháy và hỏng bằng loại khác màu hoặc khác giá trị chỉ thị; làm vậy có thể dẫn tới quá tải và gây cháy xe.

Thông tin loại cầu chì và các vị trí có trong mặt sau của nắp hộp cầu chì.

Trong khoang lái

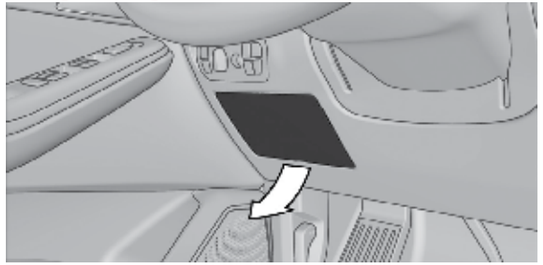

Trong khoang hành lý

Mở ốp trang trí. Thông tin về loại cầu chì và vị trí có ở trang khác.

Thiết bị trên xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này. Do tính chất tùy chọn hoặc tùy theo quốc gia mà một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Đèn nháy cảnh báo nguy hiểm

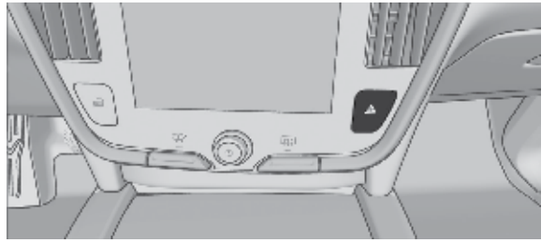

Nút bấm nằm ở bên phải màn hình trung tâm.
Nút bấm luôn sáng khi kích hoạt hệ thống.
Khi nút bấm kích hoạt, các biểu tượng chỉ báo trong cụm bảng điều khiển nhấp nháy đồng bộ với đèn báo.
Nếu xe khóa từ bên ngoài khi hệ thống cảnh báo nguy hiểm được kích hoạt, biểu tượng chỉ báo trong cụm bảng điều khiển sẽ tắt.

Tam giác cảnh báo

1. Mở nắp trên ốp trang trí trái.

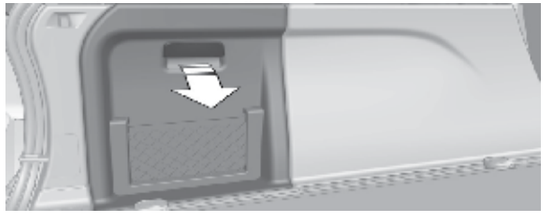

2. Nâng tam giác cảnh báo lên một chút và lấy ra

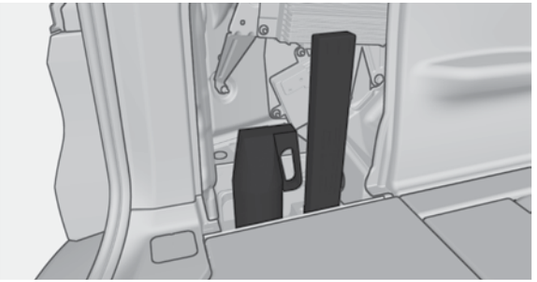

Bộ sơ cứu

1. Mở nắp trên ốp trang trí trái.

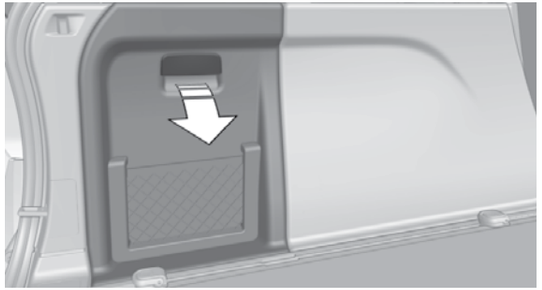

2. Lấy bộ sơ cứu.

Lưu ý

Một số vật dụng có tuổi thọ ngắn hạn. Thường xuyên kiểm tra ngày hết hạn và thay thế vật dụng hết hạn.

Hỗ trợ khởi động

Lưu ý

Nếu ắc quy hết điện, có thể dùng hai dây mồi khởi động để khởi động động cơ bằng ắc quy của xe khác. Chỉ sử dụng dây mồi khởi động có tay kẹp cách nhiệt.

Tuyệt đối tuân thủ quy trình sau để tránh thương tích cá nhân hoặc hư hại xe.

Không chạm vào các bộ phận mang điện.
Để tránh nguy cơ chấn thương gây tử vong, không tiếp xúc với các bộ phận điện khi động cơ đang chạy.◂

Chuẩn bị

1. Kiểm tra định mức của ắc quy xe hỗ trợ: 12 V. Thông tin này có trên ắc quy.
2. Tắt động cơ của xe hỗ trợ.
3. Tắt bất kỳ hệ thống/thiết bị tiêu thụ điện ở cả hai xe.

Thân xe không tiếp xúc với nhau
Đảm bảo rằng thân hai xe không tiếp xúc với nhau; nếu không, có nguy cơ đoản mạch.◂

Đầu cực của hệ thống hỗ trợ khởi động

Thứ tự nối
Nối dây mồi khởi động theo đúng thứ tự; nếu không có nguy cơ thương tích từ mồi lửa. Một cực của hệ thống hỗ trợ khởi động trong khoang động cơ hoạt động như cực dương ắc quy.

Cực còn lại có thể là đai ốc trên thân xe, nó hoạt động như cực âm ắc quy.

Nối dây sạc

1. Mở nắp bảo vệ đầu cực.
2. Gắn một kẹp đầu nối dây mồi dương vào cực dương ắc quy, hoặc vào thiết bị hỗ trợ khởi động tương ứng của xe hỗ trợ.

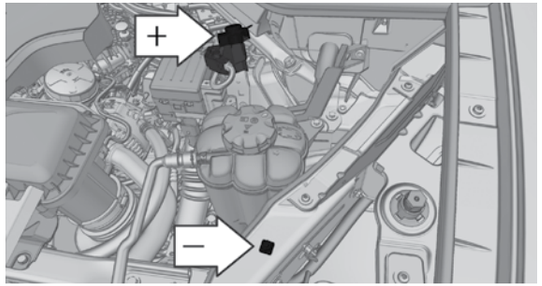

3. Gắn kẹp đầu nối còn lại của dây sạc vào cực dương ắc quy, hoặc vào thiết bị hỗ trợ khởi động tương ứng của xe nhận hỗ trợ.
4. Gắn một kẹp đầu nối dây mồi âm vào cực âm ắc quy, hoặc điểm tiếp mát thân xe của xe hỗ trợ.
5. Gắn kẹp đầu nối thứ hai vào cực âm ắc quy, hoặc điểm tiếp mát thân xe của xe nhận hỗ trợ.

Khởi động động cơ

1. Khởi động động cơ xe hỗ trợ và để chạy trong vài phút ở tốc độ không tải.
2. Khởi động động cơ của xe nhận hỗ trợ theo cách thông thường.
   Nếu khởi động lần đầu thất bại, đợi vài phút trước khi thử lại.

3. Để động cơ cả hai xe chạy trong vài phút.
4. Tháo dây mồi khởi động theo thứ tự ngược lại.

Kiểm tra ắc quy và sạc lại nếu cần.

Kéo để khởi động và kéo xe

Vận chuyển xe

■ Lưu ý

Không được kéo khởi động đối với xe này. Hãy liên hệ với nhà phân phối trong trường hợp gặp sự cố.

Không kéo xe
Chỉ vận chuyển khi xe nằm trên mặt phẳng sàn như hình; nếu không có thể gây hư hại xe.◂

■ Xe tải kéo

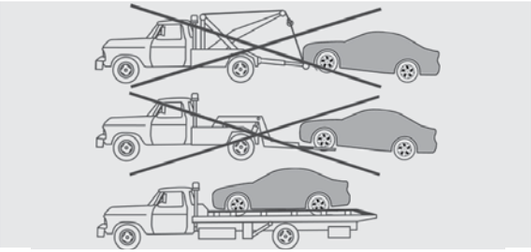

Không nâng xe
Không dùng móc kéo để nâng xe, thân xe và các bộ phận gầm xe, nếu không có thể gây hư hại xe.◂

Kéo xe khác

■ Thông tin chung

Xe kéo
Xe kéo không được nhẹ hơn xe được kéo; nếu không sẽ khó kiểm soát xe.◂

Gắn đúng thanh kéo/dây kéo.
Gắn thanh kéo hoặc dây kéo vào móc kéo; gắn vào bộ phận khác có thể gây hư hỏng xe.◂

Tuân thủ theo luật và quy định của địa phương.

- ▸ Bật hệ thống cảnh báo nguy hiểm.
- ▸ Nếu hệ thống điện lỗi, đặt tín hiệu hoặc biển cảnh báo ở cửa kính phía sau để báo hiệu cho các phương tiện khác được biết.

Phương pháp thực hiện khi kéo xe

■ Thanh kéo

Sử dụng thanh kéo ở cùng phía trên cả hai xe.
Nếu bắt buộc phải gắn lệch thanh kéo, tuân thủ các điều sau:

- ▸ Hạn chế đánh lái xe khi vào góc cua.
- ▸ Thanh kéo sẽ tạo ra các lực không mong muốn nếu lắp lệch.

■ Dây kéo

Khi bắt đầu kéo xe, đảm bảo dây kéo không chùng. Để tránh giật và kéo dãn các bộ phận xe khi kéo, luôn sử dụng dây nylon hoặc đai nylon.

Gắn đúng dây kéo
Chỉ lắp dây kéo trên khớp kéo; nếu không có thể gây hư hỏng khi lắp trên các bộ phận khác của xe.◂

■ Móc kéo

Luôn mang móc kéo theo xe. Có thể gắn vào phía trước hoặc sau. Móc kéo nằm trong bộ dụng cụ theo xe và được đặt ở dưới sàn để hành lý.

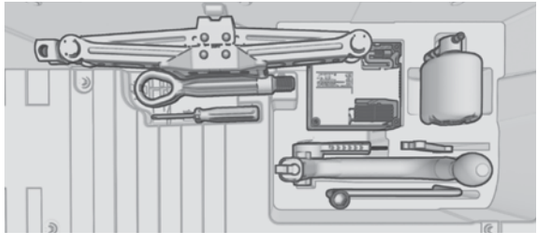

Thông tin sử dụng

- ▸ Chỉ sử dụng móc kéo đi kèm theo xe.
- ▸ Chỉ sử dụng móc kéo để kéo trên đường trải nhựa.
- ▸ Chỉ lắp móc kéo vào phía trước xe được kéo.
- ▸ Không dùng móc kéo nâng tải, ví dụ: không dùng móc kéo nâng xe. Nếu không có thể gây hỏng móc kéo và hư hại xe.◂

Vị trí lắp móc kéo

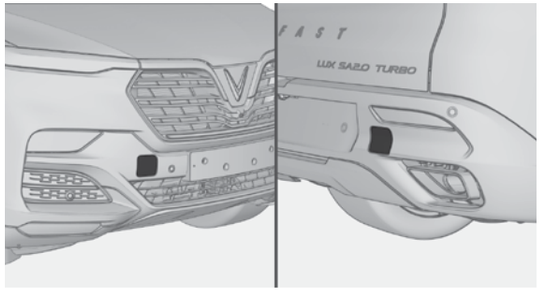

Ấn vào nắp che để nhìn thấy vị trí lắp móc kéo.

Kéo khởi động

Không khởi động xe bằng kéo cưỡng bức.
Động cơ không thể khởi động bằng cách kéo cưỡng bức do được trang bị hộp số tự động.

Thiết bị trong xe

Tất cả các thiết bị tiêu chuẩn, đặc trưng của từng quốc gia và các thiết bị tùy chọn có trong sê-ri xe đều được mô tả trong chương này Một số thiết bị được mô tả cũng có thể không có sẵn trên xe, ví dụ là do thiết bị tùy chọn hoặc biến đổi theo từng quốc gia. Điều này được áp dụng đối với các chức năng và hệ thống an toàn.

Rửa xe

Vòi phun hơi nước hoặc máy rửa áp suất cao
Khi sử dụng vòi phun hơi nước hoặc máy rửa áp suất cao, để ở khoảng cách phù hợp và sử dụng nhiệt độ tối đa 60 °C.

Tuân theo hướng dẫn sử dụng máy rửa áp suất cao.◂

Dùng máy rửa áp suất cao để vệ sinh cảm biến/camera.
Khi dùng máy rửa áp suất cao, không xịt lâu lên cảm biến và camera ngoài, cũng như hệ thống hỗ trợ đậu xe và để máy rửa cách xa tối thiểu 30 cm.◂

- Thường xuyên loại bỏ các vật lạ như lá cây trong khu vực dưới kính chắn gió khi mở nắp ca pô.
- Rửa xe thường xuyên, đặc biệt vào mùa đông.

Vệ sinh các sản phẩm da khoảng 2 tháng/lần để da không bị đổi màu, ví dụ phai màu từ quần áo.

Vệ sinh đồ da sáng màu thường xuyên hơn vì dễ nhìn thấy đất bẩn trên bề mặt da này hơn.

Sử dụng các sản phẩm vệ sinh đồ da; nếu không, bụi bẩn và dầu mỡ sẽ dần làm hỏng lớp bảo vệ bề mặt da.

Ray dẫn hướng trong khu vực rửa xe
Tránh rửa xe trong khu vực có ray dẫn hướng cao trên 10 cm; nếu không, có thể làm hỏng gầm xe.◂

Các loại lốp khác

Quan sát chiều rộng xe
Trước khi vào hệ thống rửa xe, đảm bảo chiều rộng xe không quá lớn so với hệ thống rửa; nếu không có thể làm hỏng xe và hệ thống rửa.◂

Trước khi lái xe vào khu vực rửa xe

Thực hiện những bước sau để đảm bảo xe có thể lăn trong khu vực rửa xe:

(A) Khu vực rửa xe cho phép động cơ hoạt động

1. Lái vào khu vực rửa xe.
2. Cài số N.
3. Nhả phanh điện
4. Không tắt động cơ, nếu không phanh tay điện tử có thể hoạt động làm cho bánh xe không xoay được, dẫn đến hỏng xe và dụng cụ rửa xe .

(B) Khu vực rửa xe không cho phép động cơ hoạt động

1. Lái xe vào trong khu vực rửa xe.
2. Đạp phanh
3. Cài số N.
4. Ấn nút công tắc động cơ để tắt động cơ và kích hoạt phanh tay điện tử
5. Nhả bàn đạp phanh
6. Ấn nút công tắc động cơ để bật khóa điện (động cơ tắt)
7. Nhấn bàn đạp phanh và tắt phanh tay điện tử
8. Nhả phanh và bắt đầu chế độ rửa xe tự động
9. Không ấn nút công tắc động cơ trong quá trình rửa xe tự động, nếu không có thể kích hoạt khóa điện, dẫn đến phanh điện hoạt động làm cho bánh xe không xoay được, gây hỏng xe và dụng cụ rửa xe.
10. Sau khi làm theo các bước này, khóa điện sẽ bật, cần số sẽ ở vị trí "N", sau đó xuất hiện thông báo

Khởi động động cơ sau khi rửa xe:

1. Đạp bàn đạp phanh.
2. Nhấn nút công tắc động cơ.

Khóa điện tắt nếu nhấn nút công tắc động cơ mà không đạp phanh

Không thể khóa xe từ bên ngoài khi hộp số đang ở vị trí N. Có tín hiệu âm thanh phát ra nếu cố khóa xe lại.

■ Vị trí số

Số P được cài tự động

- ▸ Khi tắt khóa khởi động.
- ▸ Sau khoảng 15 phút.

■ Đèn pha

- ▸ Không lau khô, không sử dụng dung dịch vệ sinh có tính ăn mòn.
- ▸ Dùng dung dịch vệ sinh phù hợp để vệ sinh vùng bị bẩn do côn trùng, và rửa sạch bằng nước.
- ▸ Dùng dung dịch xịt tan băng để phá băng; không sử dụng dụng cụ cạo băng.

■ Sau khi rửa xe

Sau khi rửa xe, rà phanh một lúc trong khi bánh xe quay để làm khô phanh, nếu không có thể làm giảm tác dụng phanh và gây gỉ đĩa phanh.

Loại bỏ hoàn toàn bụi bẩn sót trên các cửa kính để tránh mất tầm nhìn do bị nhòe và giảm tiếng ồn cần gạt nước và han gỉ trên lưỡi gạt.

Chăm sóc xe

Sản phẩm chăm sóc xe

VINFAST khuyến cáo sử dụng các sản phẩm chăm sóc và vệ sinh chất lượng cao.

Sản phẩm vệ sinh và chăm sóc xe
Tuân theo chỉ dẫn trên bao bì.
Mở cửa hoặc cửa kính khi vệ sinh nội thất xe.
Chỉ sử dụng các sản phẩm vệ sinh chuyên dụng.
Dung dịch vệ sinh có thể chứa hóa chất gây nguy hiểm và độc hại cho sức khỏe.◂

Vệ sinh bằng ô-zôn
Không vệ sinh nội thất xe bằng ô-zôn, nếu không có thể làm hỏng xe.

Lớp sơn của xe

Chăm sóc xe thường xuyên giúp lái xe an toàn và duy trì giá trị của xe. Ảnh hưởng từ môi trường tại khu vực ô nhiễm không khí nặng hoặc các chất gây ô nhiễm tự nhiên như nhựa cây hoặc phấn hoa có thể ảnh hưởng đến sơn xe. Điều chỉnh tần suất và mức độ chăm sóc xe theo mức độ những ảnh hưởng này.

Phải loại bỏ ngay các chất gây hại như nhiên liệu, dầu, mỡ hoặc phân chim để tránh làm biến đổi hoặc đổi màu bề mặt sơn.

Chăm sóc đồ da

Thường xuyên sử dụng vải mềm hoặc máy hút bụi gia đình (loại công suất nhỏ) để lau sạch bụi bám trên da.

Nếu không, hạt bụi và bụi đường sẽ bám vào các lỗ hổng và nếp gấp khiến bề mặt da nhanh bị ăn mòn và xuống cấp.

Vệ sinh các sản phẩm da khoảng 2 tháng/lần để da không bị đổi màu.

Vệ sinh đồ da sáng màu thường xuyên hơn vì dễ nhìn thấy đất bẩn trên bề mặt da này hơn.

Sử dụng các sản phẩm vệ sinh đồ da; nếu không, bụi bẩn và dầu mỡ sẽ dần làm hỏng lớp bảo vệ bề mặt da.

Các sản phẩm chăm sóc phù hợp có tại nhà phân phối.

Chăm sóc các bộ phận đặc biệt

■ Bánh xe hợp kim nhẹ

Chỉ sử dụng dung dịch vệ sinh bánh xe trung tính có độ pH từ 5 tới 9 khi vệ sinh xe. Không sử dụng dung dịch vệ sinh hoặc vòi phun hơi nước có nhiệt độ trên 60 °C. Tuân theo hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.

Chất tẩy rửa mạnh, axit hoặc kiềm có thể phá hủy lớp bảo vệ các bộ phận như đĩa phanh.

■ Bề mặt chrome

Dùng nhiều nước để vệ sinh các bộ phận như lưới tản nhiệt hoặc tay nắm cửa, có thể hòa thêm dầu rửa xe, đặc biệt khi chúng tiếp xúc với muối.

■ Các bộ phận cao su

Ngoài nước, chỉ vệ sinh bằng dung dịch tẩy rửa cao su.

Khi vệ sinh phớt cao su, không sử dụng các sản phẩm chăm sóc xe có chứa silicon để tránh làm hỏng hoặc giảm chức năng giảm ồn.

■ Các bộ phận gỗ

Chỉ dùng vải ẩm để vệ sinh bề mặt và các bộ phận gỗ. Sau đó lau khô bằng vải mềm.

■ Các bộ phận nhựa

Bao gồm:

- ▸ Bề mặt giả da.
- ▸ Trần xe.
- ▸ Ống kính LED.
- ▸ Nắp cụm đồng hồ.
- ▸ Các bộ phận phủ sơn đen mờ.
- ▸ Phần sơn trong nội thất.

Vệ sinh bằng vải sợi nhỏ.

Sử dụng vải ẩm

Không sử dụng dung dịch tẩy rửa chứa cồn hoặc dung môi

Không sử dụng dung dịch tẩy rửa chứa cồn hoặc dung môi như chất pha loãng, chất tẩy dầu mỡ nặng, xăng dầu, v.v.; làm vậy có thể gây hư hỏng bề mặt .◂

■ Dây đai an toàn

Dây đai bẩn gây cản trở thao tác cài dây, do đó ảnh hưởng tới khả năng đảm bảo an toàn.

Hóa chất tẩy rửa

Không dùng hóa chất để vệ sinh; làm vậy có thể làm hỏng dây đai.◂

Chỉ sử dụng dung dịch xà phòng nhẹ để vệ sinh dây đai. Phải để khô dây đai an toàn trước khi sử dụng.

Thảm và tấm lót sàn

Không để bất kỳ vật nào xung quanh bàn đạp

Không trang bị thêm tấm lót sàn, thảm và bất kì đồ vật nào trong khu vực chuyển động của bàn đạp, nếu không có thể hạn chế hoạt động của bàn đạp khi lái xe và dẫn đến nguy cơ xảy ra tai nạn.

Không đặt thêm lót sàn lên lót nguyên bản hoặc các vật khác.

Chỉ sử dụng thảm lót sàn phù hợp với xe và vừa với vị trí lắp đặt.

Đảm bảo cố định lại tấm lót sàn sau khi tháo ra vệ sinh.◂

Có thể tháo tấm lót sàn khoang khách ra vệ sinh. Nếu thảm lót sàn quá bẩn, dùng vải sợi nhỏ nhúng nước hoặc chất tẩy rửa vải để vệ sinh. Chỉ chà xát qua lại theo hướng di chuyển để tránh làm hỏng thảm.

■ Cảm biến/camera

Dùng vải ẩm có nhúng ít dung dịch vệ sinh kính để vệ sinh cảm biến và camera.

■ Màn hình

Dùng vải sợi nhỏ chống tĩnh điện để vệ sinh màn hình.

Không ấn quá mạnh và không sử dụng vật liệu ăn mòn khi vệ sinh; nếu không có thể gây hỏng hóc.◂

Vệ sinh màn hình hiển thị

Không sử dụng dung dịch vệ sinh hóa học hoặc chất tẩy rửa gia dụng.

Không để xe ở gần các chất lỏng và nơi ẩm ướt. Nếu không, có thể gây ảnh hưởng hoặc hư hại bề mặt hoặc các bộ phận điện.

■ Lưu giữ xe trong thời gian dài

Phải thực hiện các biện pháp đặc biệt khi không sử dụng xe quá 3 tháng. Thông tin chi tiết có ở nhà phân phối.

LUX SA2.0

Tham khảo

Chương này bao gồm dữ liệu kỹ thuật và mục lục giúp bạn nhanh chóng tìm kiếm thông tin mong muốn.

Thông số Kỹ thuật	Đơn vị	LUX SA2.0
Thông số động cơ		
Kiểu động cơ		VF20SUV
Số lượng xy lanh		4
Thể tích làm việc	[cm3]	1.997
Công suất lớn nhất / tốc độ quay	[kW]/[vòng/phút]	170/5.500
Mô men xoắn lớn nhất / tốc độ quay	[Nm]/[vòng/phút]	350/1.750
Loại nhiên liệu	Xăng không chì: ≥ RON 95 có hàm lượng ethanol lớn nhất 5%	
Tốc độ tối đa		
Vận tốc lớn nhất khi toàn tải ở tay số cao nhất	[km/h]	210
Khối lượng xe		
Khối lượng bản thân	[kg]	2.140
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế	[kg]	2.850
Khối lượng cho phép lớn nhất trên trục trước	[kg]	1.305
Khối lượng cho phép lớn nhất trên trục sau	[kg]	1.755
Kích thước xe		
Kích thước xe (dài x rộng x cao)	[mm]	4.940x1.960x1.773
Chiều dài cơ sở	[mm]	2.933
Khoảng sáng gầm xe	[mm]	195
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	[m]	6,3
Dung tích		
Dung tích dầu động cơ bao gồm bộ lọc	[L]	4,75

Dung tích thùng nhiên liệu	[L]	85 ± 2

Bánh xe

Lux SA2.0	Loại 1		Loại 2	
	Phía trước	Phía sau	Phía trước	Phía sau
Phiên bản xe	Bánh mùa hè - loại cơ bản		Bánh mùa hè - loại cao cấp	
Vành trước	9JX19“	10JX19“	10JX20“	11JX20“
Lốp xe	255/50R19 107V	285/45R19 111V	275/40R20 106V / T	315/35 R20 110V / T
Offset[mm]	48	53	40	37

Lốp cho mùa đông

Loại	Xe	Vành bánh xe	Trước/Sau	Kích thước
Dùng cho mùa đông	LUX SA 2.0	**Bản tiêu chuẩn** Có dây xích dùng cho mùa đông	Bánh trước/ Bánh sau	255/55 R18 109T
		Bản tiêu chuẩn Không có dây xích dùng cho mùa đông	Bánh trước	255/50 R19 107T
			Bánh sau	285/45 R19 111T
		Bản cao cấp Không có dây xích dùng cho mùa đông	Bánh trước	275/40 R20 106T
			Bánh sau	315/35 R20 110T

Lực siết đai ốc bánh xe: 140 N.m

Mức tiêu thụ nhiên liệu

	Chu trình đô thị cơ bản	Chu trình đô thị phụ	Chu trình tổng hợp
LUX SA2.0/X7B2ALAVN*	15,81 Lít/100 km	8,01 Lít/100 km	10,92 Lít/100 km
LUX SA2.0/X7B2ALRVN**	10,46 Lít/100 km	7,18 Lít/100 km	8,39 Lít/100 km
*Theo số GCN: 19KDR/000043 được chứng nhận bởi Cục Đăng Kiểm Việt Nam **Theo số GCN: 19KDR/000044 được chứng nhận bởi Cục Đăng Kiểm Việt Nam			

LUX SA2.0

LUX SA2.0

Sổ tay người sử dụng

Chương này bao gồm toàn bộ thông tin cần thiết để có thể điều chỉnh màn hình hiển thị đa phương tiện.

Các cài đặt chung **197**
Mở cài đặt 198
Ngôn ngữ 198
Thời gian và ngày tháng 198
Màn hình hiển thị 198
Âm thanh 198
Âm lượng 199
Thông tin xe 200
Bluetooth 201
WI-FI 202
Cài đặt mặc định 202
Menu đa phương tiện **203**
Radio 203
USB 204
iPod 204
Bluetooth 205
Bản đồ dẫn đường **206**
Menu điện thoại **209**
Quay số 209
Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto 209
Liên kết nhanh **210**

Tổng quan các chức năng trên thiết bị đa phương tiện

Hình ảnh dưới đây mô tả màn hình chào mừng trên thiết bị đa phương tiện:

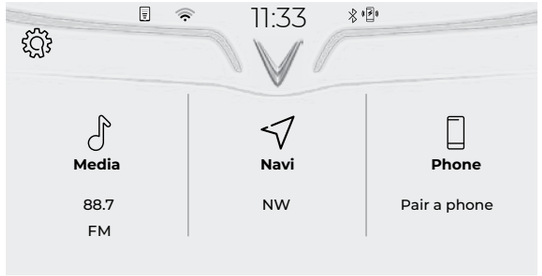

Từ màn hình chào mừng, bạn có thể truy cập 5 chức năng khác nhau

	Cài đặt
	Đa phương tiện
	Dẫn đường
	Điện thoại
	Hướng dẫn sử dụng Màn hình chính trung tâm

Hình ảnh dưới đây cho biết cách truy cập chức năng thứ 5, liên kết nhanh.

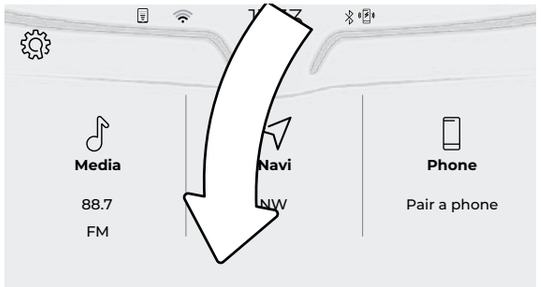

Chạm phía trên màn hình và trượt xuống như hình dưới đây. Menu liên kết nhanh mở ra. Chạm phía dưới màn hình để đóng liên kết nhanh.

Khi muốn quay lại màn hình chào mừng, chạm phía trên màn hình. Đọc mô tả mỗi menu để biết thêm thông tin chi tiết.

Cài đặt

Mở cài đặt

Chạm ⚙ trên màn hình. Menu cài đặt hiện ra.

Ngôn ngữ

Trong menu cài đặt, có thể chọn ngay tiếng Anh hoặc tiếng Việt bằng cách chạm nút tương ứng.

Chạm biểu tượng quay lại để trở lại cài đặt, hoặc đóng menu cài đặt bằng ⊗ .

Thời gian và ngày tháng

Có thể chọn giữa định dạng 24 giờ và 12 giờ. Chọn định dạng 24 giờ nếu muốn hiển thị thời gian ở dạng: 23:59.

Để cài đặt ngày tháng và thời gian, sử dụng màn hình cảm ứng và trượt cho tới khi thiết lập năm, tháng, ngày giờ và phút. Lựa chọn múi giờ.

Cũng có thể lựa chọn Tự động. Nếu chọn Tự động, bạn không thể cài đặt thời gian thủ công, thời gian sẽ được thiết lập qua GPS.

Chạm biểu tượng quay lại để trở lại cài đặt, hoặc đóng menu cài đặt bằng ⊗ .

Màn hình hiển thị

■ Độ sáng

Xe – thiết lập độ sáng cho đèn nội thất bằng + hoặc -.

Màn hình cảm ứng – thiết lập độ sáng cho thiết bị đa phương tiện ở giữa. Đồng hồ – thiết lập độ sáng cho cụm đồng hồ.

Để thiết lập cài đặt mặc định cho độ sáng, chạm biểu tượng Mặc định.

■ Hình nền

Chọn một trong 3 hình nền.

Âm thanh

Hình dưới đây cho biết chế độ xem tiêu chuẩn trong menu này.

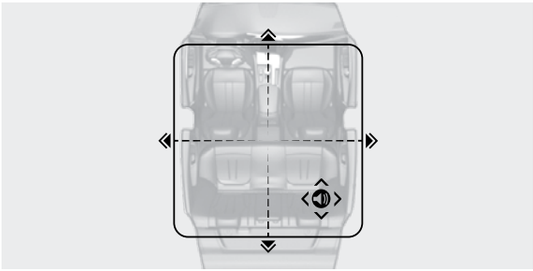

Chạm và di chuyển biểu tượng ⊕ bằng cách lướt sang bất kỳ vị trí nào trong hình vuông. Di chuyển biểu tượng sang bên trái, loa bên trái sẽ to hơn so với loa bên phải. Di chuyển biểu tượng lên trên, loa sau sẽ giảm.

Dùng cài đặt mặc định bằng cách chạm vào biểu tượng Mặc định.

Dùng + và - để điều chỉnh âm cao, âm trung và âm trầm như hình vẽ bên dưới:

Dùng cài đặt nâng cao cho âm thanh bằng cách chạm ⚙. Màn hình hiện ra cửa sổ mới.

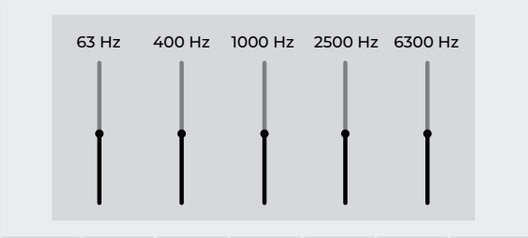

Có thể sử dụng cài đặt tùy chỉnh bằng cách điều chỉnh riêng từng âm, hoặc có thể sử dụng cấu hình cài đặt sẵn như Pop, Rock, Jazz, v.v.

Chạm biểu tượng quay lại để trở lại cài đặt, hoặc đóng cài đặt nâng cao bằng ⊗ .

Âm lượng

CẢNH BÁO

Âm lượng quá lớn có thể gây tổn thương thính giác. Có nguy cơ thương tích. Không điều chỉnh âm lượng quá cao.◂

■ Âm lượng tổng

Mức tốc độ – đây là cài đặt điều chỉnh âm lượng theo tốc độ để tăng âm lượng theo tốc độ lái, bù vào tiếng ồn lái xe.

Bật giới hạn – là âm lượng tối đa mặc định sau khi

bật công tắc. Nếu xe tắt khi đang để âm lượng lớn, cài đặt này sẽ thiết lập âm lượng tối đa sau khi bật lại công tắc (điều này giúp cho lái xe không giật mình)

■ **Âm lượng ứng dụng**

Có thể điều chỉnh âm lượng riêng cho các chức năng Điều hướng, Đa phương tiện, âm nhạc Bluetooth, cuộc gọi điện thoại, và Nhận diện giọng nói.

Chọn màn hình cảm ứng tùy chọn nếu muốn kích hoạt hoặc tắt tiếng ồn khi chạm màn hình.

Thông tin xe

Cửa

■ **Mở khóa cửa**

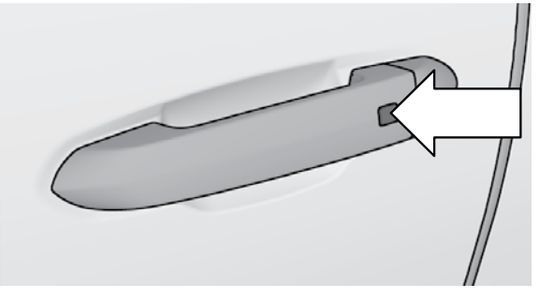

Có thể cài đặt cửa nào sẽ mở khi mở cửa bằng nút bấm mở trên khóa cửa. Chọn cửa bên lái để chỉ mở cửa bên lái. Nếu không toàn bộ cửa sẽ mở.

■ **Bật đèn khi khóa hoặc mở khóa**

Đèn vị trí và đèn trang trí được kích hoạt bằng cách khóa và tắt bằng cách mở khóa.

■ **Còi báo khi khóa**

Còi được kích hoạt nếu khóa xe bằng chìa khóa từ xa hoặc nút bấm trên khóa cửa.

■ **Tự động mở khóa**

Khi xe dừng và cần số ở vị trí “P”, cửa đã chọn sẽ tự động mở.

■ **Khóa tự động theo tốc độ**

Cửa sẽ tự động khóa khi xe vượt quá tốc độ 10 kmh.

■ **Cửa hậu mở tự động**

Cửa hậu tự động mở khi mở xe bằng chìa khóa từ xa.

Đèn

■ **Đèn ban ngày**

Đèn vị trí và đèn trang trí kích hoạt khi lái xe ban ngày.

■ **Đèn chờ**

Đèn chờ sẽ bật trong tối nếu được chọn. Đèn chờ không hoạt động khi xung quanh sáng.

■ **Đèn chào**

Chọn bất kỳ khoảng thời gian có trong danh sách để kích hoạt chức năng này. Ví dụ: chọn 30s, đèn sẽ sáng và giữ sáng trong 30 giây sau khi mở khóa xe bằng chìa khóa điều khiển từ xa.

■ **Tính năng đèn chờ đường**

Nếu kích hoạt chức năng này, đèn sẽ duy trì sáng trong khoảng thời gian được cài đặt ngay cả khi rời xe và khóa cửa bằng chìa khóa từ xa.

■ **Tự động gập gương**

Gương chiếu hậu bên ngoài sẽ tự động gập sau khi rời xe và khóa cửa.

■ **Sạc không dây**

Sạc không dây trong hộc giữa chỉ kích hoạt khi bật tùy chọn này.

Bluetooth

Bluetooth

Bluetooth chỉ khả dụng khi chọn tùy chọn này.

Tự động kết nối

Tự động kết nối các thiết bị đã dùng trước đó. Nếu không sẽ cần một số câu hỏi xác nhận trước khi nối

Tự động trả lời

Chức năng Bluetooth của xe tự động trả lời bất kỳ thiết bị nào.

Quản lý thiết bị

Liệt kê các thiết bị đã dùng trước đó. Để thêm thiết bị mới, chạm 🔍 để tìm kiếm thiết bị. Danh sách các thiết bị sẽ được cập nhật, và thiết bị của bạn sẽ có trong danh sách này. Chạm thiết bị muốn kết nối và sau đó chạm biểu tượng kết nối. Không thể kết nối trên đồng thời nhiều thiết bị một lần.

Nếu muốn ngắt kết nối thiết bị, chạm biểu tượng ngắt kết nối.

WI-FI

Sử dụng WI-FI

WI-FI chỉ khả dụng khi chọn tùy chọn này.

Kết nối mạng.

Khi đã chọn menu WI-FI, danh sách mạng khả dụng sẽ được tạo tự động, đợi cho tới khi danh sách mạng khả dụng được tạo ra.

Chọn một trong số mạng liệt kê, và thử kết nối. Nếu cần mật khẩu, màn hình hiện ra bàn phím. Gõ mật khẩu và chạm OK. Chạm nếu muốn ẩn ký tự.

Cài đặt mặc định

Có thể cài đặt lại toàn bộ cài đặt về cài đặt ban đầu. Có hai tùy chọn cài đặt lại: Cài đặt mặc định đa phương tiện và cài đặt mặc định của xe. Chạm cài đặt để cài đặt một trong các cài đặt về mặc định và thực hiện xác nhận.

Radio

Hình dưới đây cho biết chế độ xem tiêu chuẩn trong menu Radio. Chọn AM hoặc FM bằng cách chạm nút tương ứng.

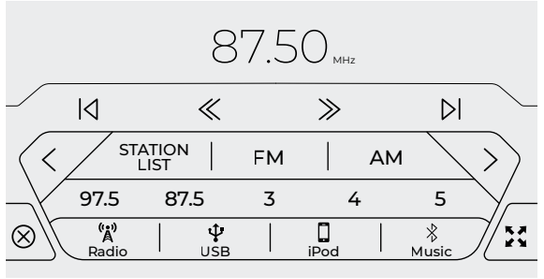

Có thể chuyển sang chế độ xem từng phần bằng cách chạm . Khi muốn trở lại chế độ xem tiêu chuẩn từ chế độ xem từng phần, chạm . Để đóng chức năng radio và trở lại màn hình chính, chạm phía bên cạnh, hoặc chạm phía trên cùng.

Dò đài

Có thể dò đài thủ công bằng . Có thể tăng tần số đã chọn theo đơn vị 0.05 MHz.

Chạm để nâng tần số tự động. Đài bắt đầu tìm kiếm đài phát khả dụng và dò kênh.

Cũng có thể liệt kê toàn bộ đài phát khả dụng ở vị trí hiện tại. Chạm STATION LIST và toàn bộ tần số khả dụng được liệt kê, màn hình hiện ra cửa sổ mới.

Lưu các đài phát yêu thích

Có thể lưu 5 kênh giúp bạn truy cập nhanh trên màn hình. Hình dưới đây cho biết đài phát 97.5, 87.5, 3, 4, 5 ở giữa. 2 đài phát đầu tiên 97.5 và 87.5 đang được dùng, vị trí 3, 4 và 5 không được dùng.

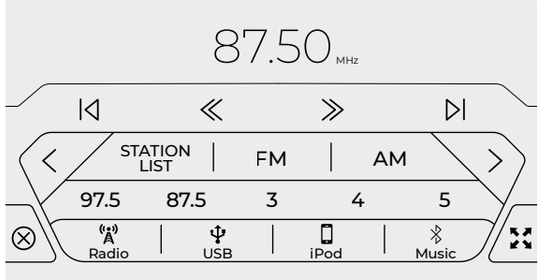

Lưu đài phát ở nơi không dùng đến (3, 4, 5 trên hình)

Dò sang đài phát muốn lưu. Sử dụng chức năng

LUX SA2.0
Sổ tay người sử dụng

dò thủ công hoặc tự động, hoặc chọn STATION LIST để tìm kiếm toàn bộ đài phát, và chọn một từ danh sách trong cửa sổ thông báo.

Để lưu đài phát vào số 3, 4 hoặc 5, ấn nút tương ứng, ví dụ 3 và giữ cho tới khi đài phát được lưu. Nút 3 sẽ chuyển thành 97.5.

Thay thế, đổi tên hoặc xóa đài phát đã lưu (97.5 và 87.5 trên hình)

Chạm và giữ ấn nút bấm đài phát mong muốn đã lưu, ví dụ 97.5.Màn hình hiện ra cửa sổ mới có tùy chọn thay thế, đổi tên, xóa hoặc hủy. Chạm biểu tượng thay thế nếu muốn lưu đài phát mới trên vị trí này. Bạn cũng có thể đổi tên đài phát bằng cách chạm biểu tượng đổi tên. Màn hình hiện ra bàn phím, và bạn có thể viết tên mới cho đài phát đã chọn. Viết tên mới, và sau đó chạm ok. Tên sẽ hiện ra thay cho 97.5.

USB

Cổng âm thanh USB

■ Thông tin chung

Để biết thông tin và lưu ý về cổng kết nối USB ➔*T.116.*

■ Kết nối thiết bị USB qua cổng cắm âm thanh USB

Sử dụng cáp chuyển đổi để kết nối để không làm hư hại cổng âm thanh USB và thiết bị USB. Nên dùng cáp chuyển đổi đi kèm thiết bị USB.

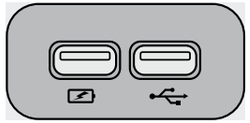

Kết nối thiết bị USB với cổng cắm âm thanh USB cho các thiết bị ngoài.

iPod

Kết nối Apple iPod/iPhone qua cổng cắm âm thanh USB

Sử dụng cáp chuyển đổi để kết nối, ví dụ: cáp chuyển đổi iPod/iPhone nguyên bản.

Kết nối Apple iPod/iPhone với cổng cắm âm thanh USB. Cổng cắm âm thanh USB hỗ trợ cấu trúc menu Apple iPod/iPhone.

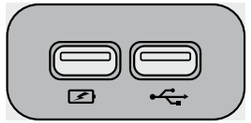

Bluetooth

Âm thanh Bluetooth

■ Tổng quan

- Có thể phát lại tệp nhạc trên thiết bị ngoài như thiết bị âm thanh hoặc điện thoại di động qua Bluetooth.
- Âm thanh được phát lại trên loa ngoài của xe.
- Âm thanh của ngõ ra âm thanh tùy thuộc vào thiết bị. Nếu cần, điều chỉnh âm lượng trên thiết bị.
- Chỉ có thể sử dụng một thiết bị Bluetooth ghép đôi làm máy nghe nhạc.

■ Yêu cầu

Yêu cầu ghép đôi thiết bị Bluetooth với xe:

- Thiết bị sẵn sàng hoạt động.
- Bật khóa khởi động.
- Bật Bluetooth trên xe và trên thiết bị.
- Phải cài đặt sẵn Bluetooth trên thiết bị, để kết nối mà không cần xác nhận hoặc nhìn thấy.
- Mật khẩu Bluetooth bao gồm số có ít nhất 4 chữ số và tối đa 16 chữ số. Chỉ cần cho một lần ghép đôi

Khởi động hệ thống dẫn đường

1. Ấn nút trên màn hình trung tâm.
2. “Điều hướng”

Nhập đích đến

Nhập đích đến thủ công

■ Thông tin chung

Hệ thống hỗ trợ nhập tên thành phố hoặc đường phố tự động. Có thể gọi nhanh tên thị trấn/thành phố và đường phố đã lưu trong
Cài đặt “Go Home / Go Company”.

- Chức năng dẫn hướng điểm đến bắt đầu từ trung tâm thành phố/thị trấn nếu không nhập tên đường phố.
- Nếu một phần địa chỉ chưa được nhập hoặc nhập không rõ ràng, màn hình hiển thị danh sách các tùy chọn tương ứng sau khi đã chọn đích đến.
- “Chỉ đường”
- Lộ trình hiển thị trên Màn hình điều khiển.
- Khoảng cách tới đích đến/điểm trung gian và thời gian đến ước tính hiển thị ở chế độ xem bản đồ.
- Sau khi bắt đầu tính năng dẫn hướng đích đến, màn hình hiển thị tin nhắn có các tuyến đường quan trọng nhất.

Tìm kiếm - Menu chính

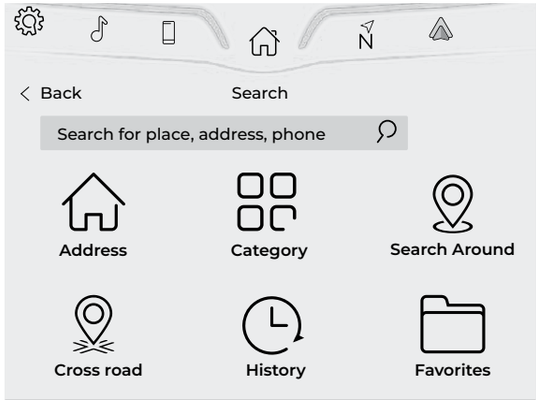

1 Nhập địa chỉ

1. ”Tìm kiếm địa điểm hoặc địa chỉ”
2. Nhập đường phố / thị trấn / thành phố
   Danh sách sẽ giảm dần với mỗi mục.
3. ”OK”
4. Chọn đích đến từ danh sách.

2 Hạng mục

Trong menu này, các điểm yêu thích được phân chia theo hạng mục.

3 Tìm kiếm xung quanh

Có thể chọn các điểm yêu thích gần đó được liệt kê trong menu này.

4 Phối hợp

Trong menu này, có thể tùy chỉnh bản đồ bằng tay để tùy chọn điểm đến.

5 Lịch sử

Trong menu này, bạn có thể tìm thấy đích đến đã từng tìm kiếm trước đó.

6 Yêu thích

Bạn có thể tìm kiếm đích đến đã đặt trong danh sách yêu thích.

■ Tổng quan màn hình hiển thị

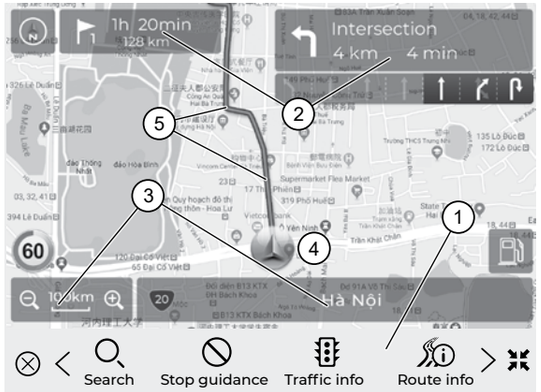

① Thanh chức năng
② Trường trạng thái phía trên
③ Trường trạng thái phía dưới
④ Vị trí hiện tại
⑤ Lộ trình

Thanh chức năng

Biểu tượng	Chức năng
	Bắt đầu dẫn hướng từ đích đến mong muốn.
	Hủy dẫn hướng từ đích đến mong muốn.
	Chuyển sang tìm kiếm menu chính
	Dừng dẫn hướng từ đích đến mong muốn.
	Màn hình sẽ hiển thị các thông tin như chi phí, thời gian đến, khoảng cách và hướng.
	Thay đổi tham số quan trọng khi nhập đích đến.
	Khu vực đã chọn không còn trong tuyến đường bạn muốn điều hướng
	Thông tin giao thông: màn hình hiển thị thông tin về lưu lượng giao thông ở chế độ xem bản đồ.

Quay số

Hình dưới đây cho biết chế độ xem tiêu chuẩn của mục Quay số.

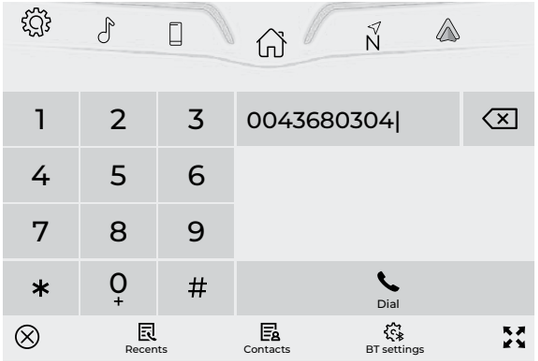

Từ màn hình Quay số, bạn có thể truy cập 3 chức năng khác nhau:

Cuộc gọi gần đây

Trong cài đặt cuộc gọi gần đây, bạn sẽ thấy các cuộc gọi đã thực hiện trong điện thoại. Có thể chuyển giữa hai tùy chọn.

	Tất cả cuộc gọi
	Bạn có thể xem toàn bộ cuộc gọi đã thực hiện.
	Cuộc gọi nhỡ
	Bạn có thể xem các cuộc gọi không trả lời.
	Danh bạ
	Cập nhật
	Cập nhật danh bạ từ điện thoại trong thiết bị đa phương tiện.
	Cài đặt Bluetooth
	Tham khảo Bluetooth trong sách Hướng dẫn sử dụng ➔*T.205*.

Ứng dụng Apple CarPlay và Android Auto

Có thể sử dụng ứng dụng Android Auto và Apple CarPlay thông qua điện thoại thông minh tương thích nếu xe được trang bị ứng dụng này. Nếu có, PROJECTION sẽ xuất hiện trên Trang chủ của màn hình hệ thống thông tin giải trí.

Để sử dụng Android Auto và Apple CarPlay:

1. Tải ứng dụng Android Auto trên Google Play Store về điện thoại. Apple CarPlay không yêu cầu ứng dụng nào khác.
2. Dùng cáp USB tương thích để kết nối điện thoại Android hoặc iPhone và cắm vào cổng USB. Sử dụng cáp USB đi kèm để đạt hiệu quả tốt nhất. Cáp bán ngoài thị trường hoặc của bên thứ ba có thể không hoạt động.
3. Khi lần đầu kết nối điện thoại với ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto, màn hình hiển thị tin nhắn
   "Chấp nhận chính sách bảo mật thiết bị".

▸ Chạm Tiếp tục để khởi động ứng dụng Apple CarPlay hoặc Android Auto.

▸ Chạm Tắt để gỡ Apple CarPlay và Android Auto trong menu cài đặt của xe. Các chức năng khác có thể vẫn hoạt động.

Liên kết nhanh

5 liên kết nhanh được lưu ở dạng tiêu chuẩn:

- Tắt LCD – Màn hình LCD sẽ tắt. Chạm lại màn hình, màn hình sẽ kích hoạt trở lại.
- Cài đặt màn hình
- Cài đặt âm thanh
- Sách hướng dẫn sử dụng
- BLIS (Hệ thống cảnh báo điểm mù)

Bạn cũng có thể thêm các liên kết nhanh dưới dạng danh sách yêu thích. Nhấp vào "+Thêm" và màn hình mở ra menu. Chọn chức năng muốn thêm vào yêu thích, hoặc nhấp vào "hủy". Sau khi thêm mục yêu thích, bạn sẽ tìm thấy ngay khi nhấp vào liên kết.

Nếu muốn xóa 1 chức năng ra khỏi danh sách yêu thích, chạm và giữ ấn chức năng đó cho tới khi màn hình hiển thị ⊗.

Nhấp vào ⊗ và mục yêu thích sẽ bị hủy khỏi danh sách. Bạn chỉ có thể xóa từng mục yêu thích.

Để đóng menu liên kết nhanh, chạm ^.

B

Báo động **27**
Khái niệm 27
Kích hoạt và vô hiệu hóa hệ thống báo động 27
Bộ sưởi ghế trước **34**
Bảo dưỡng **162**

C

Chìa khóa điều khiển từ xa **18**
Các nút trên chìa khóa điều khiển từ xa 18
Chìa khóa cơ tích hợp 18
Thay pin 19
Cửa hậu **24**
Đóng/mở cửa hậu tự động 24
Cửa hậu điện 25
Công tắc động cơ **56**
Cụm đồng hồ trên xe **71**
Cài đặt màn hình điều khiển **79**
Cảnh báo tốc độ **79**
Cân bằng điện tử ESC **90**
Chống bó cứng ABS **90**
Cảnh báo phanh khẩn cấp (ESS) **93**
Cảnh báo điểm mù **102**
Cổng kết nối USB **116**
Chăm sóc xe **183**

D

Dây đai an toàn **37**
Ghế có dây đai an toàn 37
Gập tựa lưng 37
Hệ thống nhắc cài dây đai an toàn 39
Dầu động cơ **157**
Dung dịch nước làm mát **160**

Đ

Điều khiển chiếu sáng **12**
Đèn báo rẽ, đèn pha **63**
Đèn chỉ báo/ Đèn cảnh báo **72**
Đồng hồ nhiên liệu **74**
Đồng hồ đo nhiệt độ nước làm mát **75**
Đồng hồ đo tốc độ động cơ **75**
Đèn báo đỗ xe/đèn cốt, điều chỉnh cụm đèn pha **81**
Đèn pha **83**
Đèn sương mù **83**
Đèn nội thất **84**
Đồng hồ táp lô **84**
Điều hòa **105**
Đầu mồi thuốc (tẩu thuốc) **115**

G

Ghế điều chỉnh bán tự động **31**
Tổng quan 31
Tiến/lùi 32

Độ cao 32
Ngả tựa lưng 32
Ghế điều chỉnh bằng điện **32**
Tổng quan 32
Độ cao 33
Tiến/lùi 33
Tựa lưng 33
Nghiêng mặt ngồi 33
Ghế ngồi phía sau **34**
Hàng ghế thứ hai 34
Hàng ghế thứ ba 36
Gương **41**
Gương chiếu hậu bên ngoài 41
Quan sát lề đường tự động 42
Gương chiếu hậu bên trong 42
Ghế **44**
Vị trí phù hợp cho trẻ nhỏ 44
Lắp đặt ghế an toàn cho trẻ nhỏ 44
Hệ thống ghế an toàn dành cho trẻ nhỏ dạng chốt cài 53
Giá trên nóc xe **137**

H

Hộp số tự động **68**
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc **90**
Hỗ trợ phanh BA **90**
Hỗ trợ đổ đèo **92**
Hỗ trợ đỗ xe **96**

K

Khu vực khoang lái **10**
Khu vực trung tâm **13**
Khu vực trần xe **14**
Khóa trung tâm **19**
Điều khiển từ bên ngoài 19
Điều khiển từ bên trong 20
Khóa/mở khóa trung tâm **25**
Khái niệm 25
Các yêu cầu 26
Chức năng 26
Mở 28
Đóng 29
Hệ thống bảo vệ chống kẹp 29
Công tắc an toàn 30
Khóa các cửa lên xuống và cửa kính **55**
Khởi động/dừng động cơ tự động **58**
Khởi động động cơ khẩn cấp **61**
Kiểm soát lực kéo (TC) **91**
Kiểm soát chống lật (ROM) **93**
Kiểm soát hành trình **94**
Khoang hành lí **118**
Khoang chứ đồ trên cụm yên ngựa **122**
Khoang chứa ở tap pi cửa **122**
Khoang chứa đồ phía sau **125**

Kéo theo rơ mooc **138**
Khoang động cơ **154**

M

Mở và Đóng: Từ bên ngoài **20**
Sử dụng chìa khóa điều khiển từ xa 20
Bật đèn nội thất và trang trí táp pi cửa 21
Mở cửa hậu 21
Lỗi 21
Sử dụng khóa cửa 22
Khóa và mở khóa 23
Mở khóa và mở cửa 23
Mức tiêu thụ nhiên liệu hiện tại **76**
Màn hình thông tin **77**
Móc treo quần áo **125**

N

Nước rửa kính **67**
Ngăn đựng găng tay **121**
Ngăn đựng kính **123**
Ngăn để cốc **124**
Những điều cần nhớ khi lái xe **130**
Nạp nhiên liệu **144**
Nắp nhiên liệu 144
Mở nắp nhiên liệu bằng tay 145
Khuyến nghị về nhiên liệu 146

O

Ổ cắm 230V và 5V ở ghế sau **117**

P
Phanh tay **61**
Phạm vi đi được còn lại **75**
Phân bố lực phanh điện tử (ESD) **93**
Q
Quan sát quanh xe (Camera toàn cảnh) **99**
R
Rửa kính **64**
Bật/ tắt cần gạt 64
Cảm biến mưa 65
Phun nước rửa kính chắn gió 65
Cần gạt kính sau 66
S
Sạc không dây **117**
T
Tựa đầu ghế trước **39**
Tựa đầu ghế sau **40**
Túi khí **85**
Theo dõi áp suất lốp gián tiếp iTPMS **87**
Tấm chắn nắng **120**
Tựa tay ghế giữa phía trước **123**
Tải trọng tối đa của xe **135**
Tiết kiệm nhiên liệu **140**
Thay thế phụ tùng **166**
Bộ dụng cụ trên xe 166

Thay lưỡi gạt nước 167
Thay thế đèn LED 168
Thay thế bánh xe 171
Lốp dự phòng(nếu có) 172
Sửa chữa nhanh lốp xì hơi 174
Ắc qui xe 175
Cầu chì 176
Trường hợp gặp sự cố **177**
Đèn cảnh báo 177
Tam giác cảnh báo 177
Bộ sơ cứu 178
Hỗ trợ khởi động 178
Kéo để khởi động và kéo xe 180
Thông số kĩ thuật **190**
V
Vô lăng **43**
Điều chỉnh vô lăng 43
Chức năng sưởi 43
Vành và lốp xe **148**
Áp suất lốp xe 148
Các kí hiệu trên lốp 149
Gai lốp 150
Hỏng lốp 151
Thay vành và lốp xe 152
X
Xếp hành lí **136**

SƠ ĐỒ CẦU CHÌ

BLOWN FUSE CHART
F15 40A JCASE BLOWER REAR
F16 30A JCASE APM1
F17 30A JCASE APM2
F18 40A JCASE AIR SUSPENSION compressor
F19 30A JCASE ETC POWER
F20 10A MINI BCM HORN
F21 20A MINI BCM - 2
F22 15A MINI ETC Signal, TVS
F23 20A MINI BCM WIGWAG
F24 15A MINI 12V Power outlet rear

BLOWN FUSE CHART
F15 40A JCASE BLOWER REAR
F16 30A JCASE APM1
F17 30A JCASE APM2
F18 40A JCASE AIR SUSPENSION compressor
F19 30A JCASE ETC POWER
F20 10A MINI BCM HORN
F21 20A MINI BCM - 2
F22 15A MINI ETC Signal, TVS
F23 20A MINI BCM WIGWAG
F24 15A MINI 12V Power outlet rear

BLOWN FUSE CHART
F15 40A JCASE BLOWER REAR
F16 30A JCASE APM1
F17 30A JCASE APM2
F18 40A JCASE AIR SUSPENSION compressor
F19 30A JCASE ETC POWER
F20 10A MINI BCM HORN
F21 20A MINI BCM - 2
F22 15A MINI ETC Signal, TVS
F23 20A MINI BCM WIGWAG
F24 15A MINI 12V Power outlet rear

BLOWN FUSE CHART
F15 40A JCASE BLOWER REAR
F16 30A JCASE APM1
F17 30A JCASE APM2
F18 40A JCASE AIR SUSPENSION compressor
F19 30A JCASE ETC POWER
F20 10A MINI BCM HORN
F21 20A MINI BCM - 2
F22 15A MINI ETC Signal, TVS
F23 20A MINI BCM WIGWAG
F24 15A MINI 12V Power outlet rear